

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2020

CHUYỂN ĐỔI



1

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trang 6 - 7

2

THÔNG TIN CHUNG

- Giới thiệu về MSB
- Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi
- Quá trình hình thành và phát triển
- Cơ cấu cổ đông, tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Cơ cấu tổ chức, cơ cấu bộ máy quản lý của ngân hàng

Trang 8 - 19

3

THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Trang 22 - 23

4

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020

- Tóm tắt kết quả tài chính kinh doanh năm 2020
- Hoạt động ngân hàng bán lẻ
- Hoạt động ngân hàng doanh nghiệp
- Hoạt động ngân hàng định chế tài chính
- Hoạt động ngân hàng số
- Hoạt động quan hệ nhà đầu tư
- Các giải thưởng tiêu biểu năm 2020
- Hoạt động quản trị rủi ro
- Tổ chức và nhân sự
- Hoạt động cộng đồng

Trang 24 - 58

5

QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

Trang 59 - 81

6

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÂN HÀNG

Trang 82 - 85

7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến của Kiểm toán viên
- Báo cáo tài chính hợp nhất
- Thuyết minh báo cáo tài chính

Trang 86 - 157

MỤC LỤC

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT



Thân gửi Quý Cổ đông, Khách hàng và Đối tác,

Năm 2020 đánh dấu những bước tiến quan trọng trong lộ trình phát triển 5 năm (2019 - 2023) khi MSB từng bước hiện thực hóa nhiều kế hoạch trọng yếu. Vượt qua khó khăn và hệ quả do dịch bệnh COVID-19 gây ra, bằng những nỗ lực nội tại, MSB đã và đang có những bước đi vững chắc, hướng tới chiến lược kinh doanh linh hoạt và mục tiêu trở thành Ngân hàng hiện đại, uy tín, đạt lợi nhuận cao tại Việt Nam.

Năm vừa qua, với vai trò là đơn vị tiên phong trong hệ thống ngân hàng TMCP tại Việt Nam, MSB luôn bám sát chủ trương của Chính phủ và chỉ đạo từ Ngân hàng Nhà nước trong việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh phù hợp với thị trường đang tiềm ẩn nhiều rủi ro do dịch bệnh. Trong bối cảnh đó, một lần nữa, chiến lược chọn lựa phân khúc khách hàng trọng tâm của MSB đã chứng minh sự đúng đắn khi tập trung vào những khách hàng lành mạnh về tài chính, hoạt động trong lĩnh vực có tiềm năng tăng trưởng. Bên cạnh đó, MSB kiên định với mục tiêu chuyển đổi số, chú trọng đầu tư vào công nghệ nhằm hỗ trợ khách hàng giao dịch nhanh chóng, an toàn và miễn phí. Không chỉ nâng cấp mức độ số hóa ngân hàng truyền thống, cuối năm 2020, MSB đã chính thức ra mắt mô hình ngân hàng thuần số thế hệ mới đầu tiên trên thị trường, mang đến trải nghiệm khác biệt cho người dùng.

Ngoài định hướng kinh doanh linh hoạt, phát triển bền vững cũng là mục tiêu MSB hướng tới khi hoàn tất xử lý trái phiếu đặc biệt tại VAMC vào ngày 30/9/2020, tạo lợi thế để duy trì đà tăng trưởng trong dài hạn. Đây chính là nền tảng quan trọng để kết thúc năm tài chính, MSB hoàn thành và vượt kế hoạch tất cả các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Từ tất cả những bước đi vững chãi nói trên, hành trình hoạt động năm 2020 đã ghi nhận điểm nhấn đặc biệt khi MSB chính thức niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM “HSX”, trở thành ngân hàng đầu tiên niêm yết mới trong năm 2020. Tôi tin rằng, đây sẽ là điểm khởi đầu cho vị thế mới của MSB trên thị trường, củng cố cam kết mang lợi ích tối đa tới cổ đông, khách hàng và đối tác.

Tất cả những thành quả đáng tự hào đó là minh chứng cho những nỗ lực của MSB khi đồng hành cùng khách hàng và cộng đồng xây dựng nên những giá trị vượt trội.

Bước sang 2021, mặc dù thị trường còn tiềm ẩn nhiều rủi ro nhưng với vị trí mới, tâm thế mới, MSB vẫn đặt ra những kế hoạch tham vọng hơn để nỗ lực chinh phục. Hướng tới mục tiêu trở lại Top đầu, MSB sẽ tiếp tục nâng cao năng lực hệ thống, sẵn sàng kế hoạch kinh

doanh liên tục và tăng cường giám sát, quản trị rủi ro. Với dư địa tiềm năng trong mảng bán lẻ đang có, chúng tôi không tự giới hạn mình trong hoạt động kinh doanh truyền thống mà sẽ vươn xa hơn, nâng cao tính tương tác với khách hàng trên nhiều lĩnh vực khác. Bên cạnh đó, với mong muốn gia tăng giá trị lợi ích cho Quý Cổ đông, MSB cũng dự kiến trả cổ tức 30% cho cổ đông sau khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Năm 2021 là năm đặc biệt với MSB, năm đánh dấu chặng đường 30 năm hình thành và phát triển. Để đạt được vị thế như hôm nay, tôi gửi lời cảm ơn trân quý tới niềm tin vững vàng và sự lựa chọn đồng hành từ Quý Khách hàng, Đối tác, sự tin tưởng giao phó từ các Quý Cổ đông và những nỗ lực không mệt mỏi của gần 5.000 cán bộ nhân viên toàn hệ thống. Những thành tựu trong ba thập kỷ và cả tương lai của MSB đều xuất phát từ nền tảng là sự sáng tạo trong tư duy, hành động, lòng nhiệt thành, tinh thần học hỏi vươn lên, hơn hết là lòng tin vào sự minh bạch và linh hoạt trong hoạt động quản trị, kiểm soát, điều hành.

Thay mặt cho Hội đồng quản trị, tôi khẳng định MSB sẽ không chỉ tiếp tục tăng trưởng về lợi nhuận, quy mô tài sản sinh lời mà còn đảm bảo kinh doanh hiệu quả, nâng tầm ngân hàng trong toàn ngành, phục vụ khách hàng một cách tốt nhất trong khả năng có

thể, đồng thời đem lại môi trường làm việc và thu nhập xứng đáng cho đội ngũ cán bộ nhân viên.

Tôi tin tưởng rằng, với bài học ứng phó từ dịch bệnh Covid 19 cùng sự lạc quan, tự hào và chung chí hướng từ toàn thể cán bộ nhân viên, chúng ta sẽ tiếp tục bứt phá, đưa MSB trở thành thương hiệu hàng đầu, nắm bắt cơ hội để vươn lên những tầm cao mới.

Một lần nữa, tôi chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc tới Quý vị đã đồng hành và tin nhiệm MSB trong hơn 29 năm qua.

Kính chúc Quý vị nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

TM. Hội đồng quản trị

TRẦN ANH TUẤN
Chủ tịch HĐQT

**Tên giao dịch**

- Tên tiếng Việt: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN HÀNG HẢI VIỆT NAM
- Tên tiếng Anh: VIETNAM MARITIME COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
- Tên giao dịch: MSB
- Tên viết tắt: MSB

Ngân hàng hoạt động theo Giấy phép thành lập số 0001/NH-GP ngày 08/06/1991 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và cũng là Ngân hàng TMCP được cấp giấy phép thành lập đầu tiên tại Việt Nam

**Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:**

0200124891

Do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/07/2005 (chuyển từ GCN ĐKKD số 055501, do Trọng tài kinh tế (nay là Sở Kế hoạch và Đầu tư) thành phố Hải Phòng cấp ngày 10/3/1992); đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 01/4/2020.

**Vốn điều lệ:**

11.750.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Mười một nghìn bảy trăm năm mươi tỷ đồng.

**Mã cổ phiếu: MSB****Địa chỉ:**

Trụ sở chính: Số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng,

Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (024) 3771 8989

Fax: (024) 3771 8899

Website: www.msb.com.vn

**Loại hình doanh nghiệp:**

Công ty cổ phần

**Ngành nghề kinh doanh:**

Kinh doanh tiền tệ, tín dụng và các dịch vụ tài chính, tiền tệ, ngân hàng



GIỚI THIỆU VỀ MSB

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam thành lập năm 1991 tại Thành phố Hải Phòng. Trải qua gần 30 năm xây dựng, với quy mô vốn điều lệ lên tới 11.750 tỷ đồng cùng đội ngũ gần 5.000 cán bộ nhân viên trình độ cao, MSB đã trở thành một trong những ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) hàng đầu tại Việt Nam, cung cấp toàn diện các giải pháp tài chính - ngân hàng cho hầu hết mọi đối tượng khách hàng trong nền kinh tế.

SỨ MỆNH, TẦM NHÌN GIÁ TRỊ CỐT LÕI



SỨ MỆNH

VÌ MỘT CUỘC SỐNG THUẬN ÍCH HƠN

TẦM NHÌN

TRỞ THÀNH NGÂN HÀNG
AI CŨNG MUỐN THAM GIA
VÀ KHÔNG AI MUỐN RỜI BỎ

CÁC GIÁ TRỊ CỐT LÕI



**Trách
nhiệm**

Người MSB luôn đặt trách nhiệm lên hàng đầu và vì vậy luôn nỗ lực để làm đúng, làm đủ, làm đến cùng.



**Lắng
nghe**

Người MSB luôn lắng nghe chân thành để thấu hiểu khách hàng, đối tác, cổ đông và đồng nghiệp.



**Tôn
trọng**

Người MSB bình đẳng, tôn trọng nhau và cũng tôn trọng những nội quy, nguyên tắc trong công việc.



**Sáng
tạo**

Người MSB luôn được khuyến khích cải tiến và đưa ra những sáng kiến hữu ích.



**Hiệu
quả**

Hiệu quả là thước đo cho mọi công việc tại MSB.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

1991



Chính thức thành lập tại TP. Hải Phòng với số vốn ban đầu 40 tỷ đồng và một số chi nhánh tại 4 tỉnh thành lớn: Hải Phòng, Hà Nội, Quảng Ninh, TP. HCM. Ngay sau khi thành lập, MSB ghi dấu ấn lớn trong ngành ngân hàng Việt Nam khi tiên phong ứng dụng hệ thống công nghệ hiện đại:

Là ngân hàng đầu tiên ứng dụng mạng máy tính LAN và WAN rút ngắn thời gian chuyển tiền từ hàng tuần xuống còn vài phút;

Là NHTM đầu tiên xin được giấy phép thanh toán quốc tế; Xây dựng phần mềm Core Banking dùng dữ liệu tập trung đầu tiên tại Việt Nam và được nhân bản sử dụng trong hầu hết các ngân hàng trong thời gian dài.

MSB là một trong sáu NHTM Việt Nam được Ngân hàng Thế giới (WB) lựa chọn và tài trợ để tham gia Dự án Hiện đại hóa ngân hàng và Hệ thống thanh toán, MSB cũng là ngân hàng TMCP duy nhất được tham gia giai đoạn 2 của Dự án này.

2005



Chuyển trụ sở chính đến Thủ đô Hà Nội với 16 điểm giao dịch trên toàn quốc. Trong 4 năm (2005 – 2009), số phòng giao dịch MSB tăng lên gần gấp 7 lần với 100 điểm giao dịch và vốn điều lệ tăng lên 3.000 tỷ đồng.

2010



Ký kết với nhà tư vấn chiến lược hàng đầu trên thế giới McKinsey, ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới; tăng vốn điều lệ lên 5.000 tỷ đồng; tăng số lượng phòng giao dịch lên 144 điểm. Đón nhận Huân chương Lao động Hạng 3 do Chủ tịch nước trao tặng vì những nỗ lực trong việc mang đến các sản phẩm dịch vụ tối ưu cho khách hàng vào năm 2011.

2014



MSB được NHNN lựa chọn là 1 trong 10 ngân hàng triển khai Basel II và trở thành 1 trong 5 ngân hàng điện tử được yêu thích nhất năm 2014 theo bình chọn của bạn đọc báo VnExpress.

2015



Nhận sáp nhập Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông, MSB gia tăng quy mô và khẳng định vị thế trên thị trường tài chính, thuộc top 5 ngân hàng TMCP xét về mạng lưới và vốn điều lệ. Tổng tài sản đạt: 104.311 tỷ đồng. Vốn điều lệ đạt: 11.750 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu: 13.616 tỷ đồng. Hệ thống mạng lưới: 270 chi nhánh/phòng giao dịch.

2018



Là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam liên kết tính năng M-QR cùng lúc với hai cổng thanh toán lớn nhất tại Việt Nam là VNPAY và Payoo. Với sự tư vấn của Mc Kinsey, công ty tư vấn chiến lược hàng đầu thế giới, MSB hoàn thành công tác hoạch định chiến lược phát triển mới của ngân hàng, bước vào giai đoạn tăng tốc 2019 – 2023. Hoạt động kinh doanh năm 2018 đã đạt được những thành quả ấn tượng với lợi nhuận trước thuế tăng 540% so với lợi nhuận năm 2017 và vượt 460% so với chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra vào đầu năm. Dư nợ cho vay khách hàng tăng mạnh, gần 35%, tổng tài sản tăng 23% so với cuối năm 2017.

2019



Ngày 14/01/2019, Ngân hàng đã chính thức thay đổi nhận diện thương hiệu và tên viết tắt từ Maritime Bank sang MSB nhằm mang đến những trải nghiệm tốt hơn cho khách hàng. MSB chính thức được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) trao quyết định áp dụng Thông tư 41/2016/TT-NHNN về quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo chuẩn mực quốc tế Basel II. Được Global Finance vinh danh là Ngân hàng tốt nhất Việt Nam và Top 30 Ngân hàng tốt nhất Châu Á Thái Bình Dương.

2020



Tháng 3/2020, MSB hoàn tất cả 3 trụ cột Basel II trước thời hạn quy định (ngày 01/01/2021) theo Thông tư 13/2018/TT-NHNN của NHNN và tiếp tục hướng tới các chuẩn mực của Basel II nâng cao và Basel III đối với quản trị rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, thanh khoản. Ngày 15/10/2020, MSB chính thức ra mắt tính năng eKYC, nhờ đó khách hàng cá nhân đã có thể mở gói tài khoản và thẻ debit online mà không cần phải tới quầy giao dịch; Ngày 11/12/2020 ngân hàng số TNEK của MSB chính thức được ra mắt với những lợi thế cạnh tranh vượt trội về tiện ích và miễn phí 100% cho người sử dụng; ghi dấu bước tiến tiên phong của MSB trong xu hướng chuyển đổi số hiện nay. Ngày 14/12/2020, MSB nhận quyết định chấp thuận niêm yết 1,175 tỷ cổ phiếu của Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán MSB; ngày 23/12/2020 cổ phiếu ngân hàng có phiên giao dịch chào sàn thành công với mức giá đóng cửa đạt 17.000 đồng/cổ phiếu, tăng 13,3% so với mức giá chào sàn 15.000 đồng/cổ phiếu.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY 31/12/2020

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tổng giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	Trong nước	11.591	731.383.415	7.313.834.150.000	62,245%
	- Tổ chức	67	550.444.408	5.504.444.080.000	46,846%
	- Cá nhân	11.524	180.939.007	1.809.390.070.000	15,399%
2	Nước ngoài	36	343.093.774	3.430.937.740.000	29,199%
	- Tổ chức	7	342.915.354	3.429.153.540.000	29,184%
	- Cá nhân	29	178.420	1.784.200.000	0,015%
3	Cổ phiếu quỹ	0	100.522.811	1.005.228.110.000	8,555%
	TỔNG CỘNG	11.627	1.175.000.000	11.750.000.000.000	100%

Tại thời điểm 31/12/2020, MSB có 1.175.000.000 cổ phiếu phổ thông tính theo vốn điều lệ, trong đó số cổ phiếu đang lưu hành là có 1.074.477.189 cổ phiếu, số cổ đông của ngân hàng là 11.627 cổ đông, tăng gần gấp 3 lần số lượng cổ đông trong vòng 1 tuần sau niêm yết. Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam là cổ đông lớn của ngân hàng khi sở hữu 6,09% tổng vốn điều lệ, tương đương hơn 71,57 triệu cổ phiếu. Về cơ cấu cổ đông, cổ đông trong nước chiếm hơn 62,245% tỷ lệ sở hữu cổ phần của ngân hàng với 67 tổ chức và 11.524 cá nhân; sở hữu nước ngoài đạt đến ngưỡng 29,184% với sự tham gia của 7 tổ chức và 29 cá nhân. Ngân hàng MSB sở hữu hơn 100,5 triệu cổ phiếu quỹ và sẽ chào bán cho cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên ngân hàng trong năm 2021.

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2020, MSB không có sự thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu. Với mức vốn điều lệ 11.750 tỷ đồng, tổng số cổ phần phổ thông của ngân hàng là 1,175 tỷ cổ phần, trong đó, MSB nắm giữ hơn 100,5 triệu cổ phiếu quỹ.

Hiện Ngân hàng đang triển khai bán hơn 100,5 triệu cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên ngân hàng, kế hoạch này đã được thông qua trong Đại hội cổ đông bất thường diễn ra vào tháng 9 năm 2020. Cụ thể, hơn 82,5 triệu cổ phiếu quỹ sẽ được chào bán cho cổ đông hiện hữu với giá 11.500 đồng/cổ phiếu, Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã ban hành giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 277/GCN-UBCK cho MSB ngày 30/11/2020. Việc bán cổ phiếu quỹ này sẽ được thực hiện trong quý I năm 2021. Số lượng cổ phiếu quỹ chào bán theo chương trình ưu đãi cho người lao động sẽ được triển khai trong năm 2021.

CƠ CẤU TỔ CHỨC, CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG (ĐHĐCĐ)

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề quan trọng của MSB theo quy định của pháp luật và Điều lệ. ĐHĐCĐ hoạt động qua phiên họp thường niên, phiên họp bất thường và lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. ĐHĐCĐ có quyền thông qua định hướng phát triển của MSB, bầu, miễn nhiệm các chức danh thành viên HĐQT, BKS và thực hiện các quyền hạn khác.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)

HĐQT là cơ quan quản trị của MSB, có toàn quyền nhân danh MSB quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của MSB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT của MSB bao gồm 06 thành viên trong đó có Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT, 01 thành viên độc lập và 04 thành viên không phải là người điều hành.

HĐQT thành lập các Ủy ban làm tham mưu cho HĐQT trong việc quản trị ngân hàng, thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh; đảm bảo sự phát triển hiệu quả, an toàn và đúng mục tiêu đã đề ra. Hiện nay, có các đơn vị sau: Ủy ban Quản lý rủi ro, Hội đồng Xử lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Chiến lược, Ủy ban Công nghệ, Văn phòng HĐQT.

BAN KIỂM SOÁT (BKS)

Ban Kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của Pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT. Ban Kiểm soát của MSB có 03 thành viên và đều là thành viên chuyên trách.

Ban Kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của MSB, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.

TỔNG GIÁM ĐỐC - NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA MSB:

Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của MSB, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng, chịu sự giám sát của HĐQT và BKS, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ của MSB. Nếu điều hành trái với quy định của pháp luật mà gây thiệt hại cho MSB thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho MSB.

Hiện tại, nhân sự giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc, Chánh văn phòng Tổng Giám đốc, các Giám đốc Khối/Ban và các Hội đồng chuyên môn bao gồm: Hội đồng Quản lý vốn, Hội đồng Sản phẩm, Hội đồng Quản lý tài sản nợ - tài sản có (ALCO), Hội đồng Điều hành, Hội đồng Quản lý rủi ro, Hội đồng Tín dụng và Đầu tư.

Các đơn vị trực thuộc Tổng Giám đốc: Ngân hàng Bán lẻ, Ngân hàng Doanh nghiệp, Ngân hàng Định chế Tài chính, Ngân hàng Quản lý tín dụng, Ban khách hàng doanh nghiệp Nhà nước, Khối vận hành, Khối Quản lý rủi ro, Khối Quản lý tài chính, Khối Marketing và Truyền thông, Khối Tư vấn pháp lý và tuân thủ, Khối Công nghệ, Khối Chiến lược, Khối Ngân hàng số, Ban Bảo hiểm, Trung tâm mua sắm tập trung.



CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Hiện MSB có hai (02) công ty con và các công ty con này đều được thành lập tại Việt Nam:

Công ty Tài chính TNHH MTV Cộng đồng (FCCOM) (trước đây gọi là Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – “MSB FC”)

- Địa chỉ: Tầng KT, Tòa nhà Văn phòng Thăng Long, Số 98 Ngụy Như Kontum, P.Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 7304 4222
- Hoạt động kinh doanh: Dịch vụ tài chính
- Vốn điều lệ đăng ký: 500.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 500.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của MSB: 100%
- Doanh thu năm 2020: 149,07 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế 2020: 2,29 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế 2020: 1,65 tỷ đồng

Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (“MSB AMC”)

- Địa chỉ: Tầng 6 tháp A, Tòa nhà Sky Tower, Số 88 Láng Hạ, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP. Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 3771 3659 - Fax: (84-24) 3771 8899
- Hoạt động kinh doanh: Quản lý nợ và khai thác tài sản
- Vốn điều lệ đăng ký: 100.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 100.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của MSB: 100%
- Doanh thu 2020: 150 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế 2020: 21,53 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế 2020: 17,05 tỷ đồng

- Công ty liên kết: MSB không có công ty liên kết.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính thưa Quý Khách hàng, Đối tác và Cổ đông,

Một năm đầy biến động đã khép lại với nhiều cung bậc cảm xúc thăng trầm. Chúng ta đã khởi đầu năm 2020 với rất nhiều khó khăn do sự bùng phát của dịch bệnh Covid 19, tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế toàn cầu và tất yếu mang đến những thách thức không nhỏ trong hoạt động kinh doanh của các ngân hàng nói chung và MSB nói riêng. Tuy nhiên, bằng sự nỗ lực không ngừng và tinh thần đoàn kết, đồng lòng của đội ngũ gần 5.000 Cán bộ nhân viên (CBNV), từ các cấp lãnh đạo, quản lý đến tất cả các CBNV, MSB đã về đích với những kết quả thực sự ấn tượng. Chỉ trong năm 2020, Ngân hàng đã hiện thực hóa nhiều mục tiêu trong chiến lược 5 năm 2019-2023, hoàn thành các dự án chiến lược và kết quả kinh doanh có sự tăng trưởng bứt phá, cụ thể:

Kết thúc năm tài chính, tổng tài sản của Ngân hàng đạt gần 176,7 nghìn tỷ đồng, tăng 12,5% so với năm 2019 và hoàn thành 103,9% so với kế hoạch đặt ra. Dự nợ cho vay tăng gần 25% đạt 79,3 nghìn tỷ đồng, tiền gửi của khách hàng và phát hành các giấy tờ có giá đạt hơn 99,2 nghìn tỷ đồng tăng 10,4% so với đầu năm và vượt kế hoạch mục tiêu. Lợi nhuận trước thuế đạt hơn 2.500 tỷ đồng, tăng hơn 96% so với năm 2019 và bằng 175% kế hoạch năm. Có được kết quả kinh doanh tích cực này là nhờ Ngân hàng đã sử dụng nguồn vốn hiệu quả, tập trung tăng trưởng quy mô ở các hạng mục tài sản sinh lời cao, đẩy mạnh thu nhập từ phí và tiết giảm tốt chi phí.

Trong bối cảnh dịch Covid -19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng sâu rộng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp và đời sống của đại bộ phận khách hàng cá nhân, MSB đã nhanh chóng kích hoạt những giải pháp để hỗ trợ cho khách hàng. Với các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi Covid, MSB đã tiến hành giảm lãi suất, cơ cấu lại nhóm nợ, giãn thời gian trả nợ cho khách hàng theo sự chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước. Đồng thời, Ngân hàng cũng đẩy mạnh các giải pháp giao dịch trực tuyến, không tiếp xúc, phát triển các sản phẩm thanh toán, tiêu dùng, cấp vốn linh hoạt, nhiều ưu đãi cho các khách hàng cá nhân. Nhờ đó, tăng trưởng tín dụng ở cả mảng cá nhân và doanh nghiệp đều đạt được con số khả quan, đem lại thu nhập lãi ròng 4.822 tỷ đồng cho ngân hàng, tăng hơn 57% so với năm trước. Tổng thu nhập ngoài lãi của MSB cũng tăng đến 43%, đóng góp hơn 2.300 tỷ đồng cho tổng thu nhập thuần. Đặc biệt, thu thuần về hoạt động dịch vụ tăng đến 57%. Trong khi đó, do quản lý chi phí hoạt động hiệu quả nên chỉ số chi phí hoạt động trên tổng thu nhập (CIR) của ngân hàng giảm hơn 10% so với năm 2019.

Bên cạnh hoạt động kinh doanh, năm 2020 cũng ghi nhận nỗ lực của MSB trong việc nâng cao chất lượng tài sản và quản trị rủi ro. Ngay trong quý I/2020, MSB công bố hoàn thành tất cả 3 trụ cột Basel II, trước thời hạn quy định (2021) theo Thông tư 13/2018/TT-NHNN của NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của NHTM và tiếp tục triển khai Basel II theo phương pháp nâng cao về tỷ lệ rủi ro tín dụng, hướng tới các chuẩn mực của Basel III trong thời gian tới. MSB cũng đã xử lý hết toàn bộ trái phiếu VAMC trong quý III/2020. Tổng nợ xấu của ngân hàng ở mức 1,62% cho cả năm 2020. Nguồn vốn được củng cố đảm bảo tăng trưởng bền vững, hệ số an toàn vốn (CAR) đạt 10,6% tại thời điểm 31/12/2020.

Năm 2020 cũng ghi dấu ấn của MSB trong lĩnh vực chuyển đổi số khi tiên phong đưa vào ứng dụng thành công phương thức định danh khách hàng điện tử (e-KYC) và ra mắt Ngân hàng thuần số TNEX đầu tiên tại Việt Nam. Với e-KYC, khách hàng có thể mở tài khoản thanh toán 100% trực tuyến mà không cần đến điểm giao dịch của ngân hàng, giúp tiết kiệm thời gian, công sức và tận hưởng nhiều ưu đãi. Trong khi đó, TNEX mang đến hệ sinh thái dành cho Chủ cửa hàng và Người tiêu dùng với những lợi thế cạnh tranh vượt trội về tiện ích và miễn phí 100% cho người sử dụng. Với TNEX, khách hàng có thể mua sắm, sử dụng dịch vụ tại các đại lý liên kết (Merchant) trong hệ thống và thanh toán bằng QR code - phương thức không tiếp xúc hiện đại và an toàn. Ngoài ra, TNEX cung cấp phương thức quản lý tài chính cá nhân hiệu quả và cả tiện ích trò chuyện, nhắn tin với bạn bè. Với các tiểu thương nhỏ, TNEX mang đến cơ hội tiếp cận tới hàng triệu khách hàng mới và thay đổi cách thức bán hàng truyền thống.

MSB đang trong quá trình chuyển đổi và sẽ luôn không ngừng hoàn thiện bản thân vì sứ mệnh “Vì một cuộc sống thuận ích hơn”. Chúng tôi tự hào khẳng định MSB là tổ chức đặt Khách hàng, Cổ đông và CBNV lên hàng đầu. Sức mạnh của chiến lược lấy khách hàng làm trọng tâm và chiến lược số hóa giúp chúng tôi tiến nhanh trên hành trình đưa MSB quay trở lại Top đầu. Sự ghi nhận của khách hàng đã phản ánh trong những giải thưởng uy tín mà MSB đạt được trong năm 2020 như: giải thưởng “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam” do Global Finance trao tặng, giải thưởng “Ngân hàng có giải pháp tài chính sáng tạo nhất dành cho Chủ kinh doanh 2020” do Tạp chí International Finance (IFM) trao tặng, giải thưởng “Ngân hàng tài trợ thương mại tốt nhất Việt Nam 2020” do Tạp chí Global Banking & Finance Review (GBAF) trao tặng.

Một phần không nhỏ trong hành trình chuyển đổi của chúng tôi là truyền cảm hứng cho gần 5.000 nhân viên làm việc vì mục tiêu chiến

lược chung. Tinh thần “Bất khả chiến bại” là DNA gắn kết tập thể MSB vượt qua rất nhiều thách thức và khó khăn trong năm 2020 để đạt được những kết quả đáng tự hào. Nguồn nhân lực cũng được xác định là động lực chính cho sự phát triển mạnh mẽ và bền vững của MSB trong tương lai. Do đó, tại MSB, chúng tôi chiêu mộ, xây dựng lộ trình phát triển sự nghiệp rõ ràng, tạo điều kiện tốt nhất để các bộ nhân viên cống hiến hết mình cho tổ chức. Chế độ phúc lợi, lương thưởng cạnh tranh, xứng đáng theo năng lực cùng những khóa đào tạo kỹ năng - nghiệp vụ thường xuyên, chuyên nghiệp chắc chắn là những khoản đầu tư xứng đáng cho tương lai của mỗi CBNV nói riêng và cho Ngân hàng nói chung.

Đối với cổ đông, năm 2020, MSB cũng đã hiện thực hóa được cam kết đã đề ra tại Đại hội đồng cổ đông khi chính thức niêm yết 1,175 tỷ cổ phiếu trên Sàn chứng khoán TP. Hồ Chí Minh vào ngày 23/12/2020. Sự kiện này cũng là một bước chuyển đổi lớn về vị thế và tầm vóc của Ngân hàng trên thị trường, mở ra một chặng đường phát triển mới của Ngân hàng, hướng tới mục tiêu tăng trưởng bền vững, toàn diện và minh bạch.

Giữ vững và phát huy những thành tựu trong năm 2020, năm 2021, Ngân hàng đặt mục tiêu tăng trưởng tổng tài sản ở mức 8% và lợi nhuận trước thuế tăng 30%, tăng trưởng tín dụng ở mức 25%, huy động tăng 15%. Đồng thời, các chỉ tiêu an toàn như hệ số an toàn vốn (CAR), tỷ lệ nợ xấu (NPL) được kiểm soát tốt ở mức quy định.

Về dài hạn, MSB hướng đến mục tiêu năm 2024 đạt giá trị tổng tài sản hơn 340 nghìn tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt gần 6.800 tỷ đồng, tăng trưởng kép (CAGR) lợi nhuận ở mức xấp xỉ 30%/năm cho giai đoạn 2019-2024. Tuy nhiên, sự tăng trưởng đơn thuần về doanh thu, lợi nhuận chưa phải là đích đến cuối cùng của MSB - mà chúng tôi sẽ tiếp tục hướng đến mục tiêu nâng cao trải nghiệm dịch vụ tài chính của khách hàng thông qua những sản phẩm được cá nhân hóa, những giải pháp mang đến sự đơn giản, thuận tiện và hiệu quả, đồng thời xây dựng mối quan hệ lâu dài bền vững để đồng hành với khách hàng trong hành trình Vươn tầm.

Xin chân thành cảm ơn và kính chúc quý vị dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng,


Nguyễn Hoàng Linh
Tổng Giám đốc



2020

NĂM BỨT PHÁ MẠNH MẼ CỦA
GIAI ĐOẠN CHIẾN LƯỢC
2019-2023

TÓM TẮT KẾT QUẢ TÀI CHÍNH,
KINH DOANH NĂM 2020

TỔNG TÀI SẢN

176.697 TỶ ĐỒNG

tăng trưởng 12,56% so với 2019 và 57,43% so với 2017

TOI

7.182 TỶ ĐỒNG

tăng trưởng 52,33% so với 2019 và 121,16% so với 2017

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

2.523 TỶ ĐỒNG

tăng trưởng 95,94% so với 2019 và gấp hơn 15 lần so với năm 2017

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

2.011 TỶ ĐỒNG

tăng trưởng 92,72% so với 2019 và gấp hơn 16 lần so với năm 2017

EPS

1.872 VNĐ/CP

tăng trưởng 92,79% so với 2019 và tăng hơn 17 lần so với 2017

CIR

49,17%

(số hợp nhất)

CASA/ TỔNG TIỀN GỬI

29%

(số riêng lẻ)

NIM

3,4%

ROAE

12,67%

(số hợp nhất)

NPL

1,62%

(số riêng lẻ)

CAR

10,6%

(số hợp nhất)

MTLT

26%

Năm 2020 là năm chứng kiến sự bứt phá mạnh mẽ của ngân hàng trong chiến lược 5 năm giai đoạn 2019-2023. Trong bối cảnh thị trường trong nước và quốc tế có nhiều biến động lớn, chịu ảnh hưởng tiêu cực từ bệnh dịch Covid-19 ngay từ đầu năm, MSB đã nỗ lực vượt qua các khó khăn, lựa chọn tối ưu các nguồn lực, quản lý chi phí và nhanh chóng thích nghi với điều kiện vĩ mô nhằm đạt được kết quả kinh doanh ấn tượng. Để đạt được kết quả này, ngoài việc kiên trì đi theo định hướng chiến lược 5 năm, ngân hàng đã tập trung tăng cường quản trị rủi ro, nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa và cá nhân hóa sản phẩm, quản trị hiệu quả nguồn lực tài chính, linh hoạt trong kinh doanh, số hóa quy trình, tăng hiệu suất lao động và chú trọng đầu tư vào đội ngũ nhân sự.

TỔNG TÀI SẢN

Năm 2020, tổng tài sản của MSB tăng trưởng tốt so với năm 2019, với mức tăng 12,56%, bằng 103,94% kế hoạch. Đóng góp chính

cho mức tăng trưởng này là do MSB tập trung tăng trưởng cho vay khách hàng, xử lý nợ xấu để nâng cao chất lượng tài sản, tăng trưởng tốt ở các tài sản sinh lời cũng như đảm bảo các chỉ số an toàn hoạt động. Nhờ chiến lược tăng trưởng hiệu quả, đã giúp MSB trở thành một trong những ngân hàng TMCP tầm trung uy tín tại Việt Nam. Tại thời điểm 31/12/2020, tổng tài sản hợp nhất của MSB ở mức 176.697 tỷ đồng.

VỐN CHỦ SỞ HỮU

Kết thúc năm 2020 vốn chủ sở hữu của MSB tăng 2.011 tỷ đồng tương đương 13,53% so với năm 2019. Mức tăng này có được là nhờ sự tăng trưởng đáng kể về lợi nhuận hợp nhất. Lợi nhuận chưa phân phối đạt hơn 4.775 tỷ, bằng hơn 40% vốn điều lệ. Tại thời điểm 31/12/2020 Ngân hàng cũng nắm giữ 100.522.811 cổ phiếu quỹ, chiếm 8,56% vốn điều lệ và MSB sẽ bán số cổ phiếu quỹ này cho cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên ngân hàng trong năm 2021 như kế hoạch được thông qua trong đợt Đại hội cổ đông bất thường tháng 9 năm 2020. Kết thúc năm 2020, vốn chủ sở hữu hợp nhất của MSB đạt mức 16.874 tỷ đồng.

TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Năm 2020 được coi là thành công của MSB khi các hoạt động kinh doanh lõi đều đạt sự tăng trưởng tốt. Cụ thể, theo số liệu hợp nhất, hoạt động tín dụng hiệu quả đã đem về 4.822 tỷ đồng thu nhập lãi thuần hợp nhất, tăng trưởng 57,49% so với 2019. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng tích cực đẩy mạnh việc triển khai các sản phẩm dịch vụ với nhiều tiện ích nổi trội, nhờ đó thu nhập từ hoạt động dịch vụ hợp nhất đạt 820,67 tỷ đồng, tăng 57,14% so với năm 2019. Tỷ trọng thu nhập ngoài lãi (gồm thu nhập từ hoạt động dịch vụ, từ hoạt động kinh doanh ngoại hối, từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, từ góp vốn mua cổ phần, và từ hoạt động khác) trên tổng thu nhập đạt mức cao 33%.

Hiệu quả hoạt động được nâng cao khi ngân hàng kiểm soát tốt được chi phí hoạt động, CIR (chỉ số chi phí hoạt động trên tổng doanh thu thuần) năm 2020 giảm hơn 10% so với năm 2019.

LỢI NHUẬN

Kết quả hoạt động trong năm 2019 và 2020 là minh chứng cho những bước chuyển mình mạnh mẽ cả về chiến lược kinh doanh, hình ảnh thương hiệu cũng như nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng của MSB. Từ 2018 đến nay, các chỉ số hoạt động của ngân hàng đều được cải thiện qua các năm, từ việc đa dạng hóa nguồn thu khi tăng tỷ trọng thu nhập từ phí cho đến các chỉ số lợi nhuận sau thuế trên bình quân tổng tài sản (ROAA) và trên bình quân vốn chủ sở hữu (ROAE). Năm 2020 được bắt đầu với rất



nhiều khó khăn do ảnh hưởng bệnh dịch Covid-19, suy giảm kinh tế toàn cầu, gián đoạn hoạt động kinh doanh của các thành phần kinh tế... nhưng MSB đã vượt kế hoạch với LNTT hợp nhất đạt mức 2.523 tỷ (kế hoạch là 1.439 tỷ). Với nỗ lực đẩy mạnh hoạt động cung cấp tín dụng cho các ngành nghề ít rủi ro, linh động hỗ trợ khách hàng bằng các sản phẩm thích hợp, MSB là một trong các ngân hàng được NHNN cấp thêm hạn mức tăng trưởng tín dụng để đáp ứng kịp nhu cầu vốn cho nền kinh tế. Tăng trưởng tín dụng được phép tăng thêm trong điều kiện giảm lợi suất chênh lệch giữa huy động và cho vay đã hỗ trợ nguồn thu của ngân hàng. Với chiến lược tối ưu hóa chi phí vốn, đẩy mạnh các sản phẩm để huy động nguồn vốn không kỳ hạn CASA (tỷ trọng CASA trên tổng tiền gửi của mảng ngân hàng đạt 29%) và tiết chế chi phí hoạt động, kết quả kinh doanh của Ngân hàng không chịu biến động tiêu cực của thị trường và bám sát các nội dung cam kết với cổ đông. Hiện tại, kết quả kinh doanh mà MSB đạt được đang đi

đúng lộ trình trong chiến lược dài hạn 5 năm giai đoạn 2019-2023 theo tư vấn của McKinsey. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất 2020 đạt 2.011 tỷ đồng tương đương mức tăng 92,72% so với năm 2019 là 1.043 tỷ đồng. Mức tăng trưởng này đến từ việc tăng thu nhập từ hoạt động dịch vụ. Đến năm 2020, khoản thu nhập này đã được tăng lên hơn 6 lần so với năm 2017. Nhờ đó, EPS của MSB tăng hơn 92% so với năm 2019 và hơn 17 lần so với năm 2017, đem lại sức hấp dẫn của cổ phiếu MSB trên thị trường niêm yết so với các ngân hàng trong ngành. Ngoài ra, chỉ số CIR thể hiện tỷ trọng của chi phí hoạt động trên doanh thu giảm cũng góp phần làm tăng biên lợi nhuận cho MSB. NIM của ngân hàng đạt mức 3,4% thể hiện hiệu quả hoạt động nguồn vốn và CAR hợp nhất đảm bảo ở mức 10,6% thể hiện chiến lược quản trị tốt rủi ro của ngân hàng.

HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG BÁN LẺ



DỊCH VỤ TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng cá nhân trong một thị trường đầy tiềm năng, hoạt động của Ngân hàng Bán lẻ luôn là định hướng trọng tâm mà MSB tập trung phát triển. Với sứ mệnh “Vì một cuộc sống thuận ích hơn”, Ngân hàng Bán lẻ đã luôn nỗ lực để thấu hiểu khách hàng, từ đó phát huy tính sáng tạo và giá trị nội tại để không ngừng thay đổi và linh hoạt chuyển đổi để phù hợp với xu thế chung. Những bước chuyển mình quyết đoán và mạnh mẽ trong chiến lược kinh doanh và quản lý vận hành của Ngân hàng Bán lẻ đã từng bước đưa MSB tiến gần hơn với mục tiêu trở thành ngân hàng hiện đại - thân thiện - đáng tin cậy tại Việt Nam.

Nổi dài hành trình phát triển trong những năm qua, Ngân hàng Bán lẻ tiếp tục ghi dấu một năm 2020 nhiều thành tựu với các chỉ tiêu kinh doanh tăng trưởng, song song với việc các chỉ số quản trị rủi ro được kiểm soát hiệu quả.

ĐIỂM NHẤN TRONG NĂM 2020

Trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động và thay đổi, năm 2020 ghi nhận các dấu mốc quan trọng với Ngân hàng Bán lẻ (RB). Đây là năm đầu tiên RB đạt mức tăng trưởng về tổng nguồn thu (TOI) trên 20%. Cùng với đó, số lượng khách hàng đang sử dụng sản phẩm dịch vụ MSB tăng trưởng hơn 30% so với năm 2019. Trong số này, phân khúc khách hàng thu nhập cao chiếm ước tính hơn 7% thị phần, tương đương trên 50.000 khách hàng. Đây chính là phân khúc trọng tâm, đóng góp trọng yếu hơn 40% vào thu thuần Ngân hàng Bán lẻ trong năm 2020.

Với chiến lược cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo định vị giá trị phân khúc khách hàng mục tiêu, năm 2020, Ngân hàng Bán lẻ đã đưa ra nhiều giải pháp tài chính vượt trội, tiêu biểu như gói Flexloan – đáp ứng phù hợp tình hình tài chính và nhu cầu vốn của khách hàng trong giai đoạn Covid với phương án ân hạn gốc và trả nợ siêu linh hoạt. Đồng thời, MSB cũng triển khai các chính sách tinh giản tối đa hồ sơ thủ tục như giải pháp tài chính Mresident, MFast, M-First, giúp khách hàng tiếp cận nguồn vốn Ngân hàng nhanh chóng nhất. Bên cạnh đó, chuỗi bước tiến như ra mắt gói lãi suất ưu đãi chỉ từ 0%, bước đầu số hóa hành trình cấp tín dụng thông qua cấp thấu chi online, thí điểm hệ thống tự động xử lý phê duyệt và hợp đồng tín dụng... đã ghi nhận các kết quả tích cực. Cụ thể, doanh số giải ngân năm 2020 tăng 110% so với 2019, số lượng khách hàng tín dụng mới tăng 119% so với 2019.

Năm 2020 cũng là thời điểm Ngân hàng bán lẻ tích cực hòa mình vào chiến lược mạng lưới phân phối đa kênh và lực lượng bán hiệu quả khi tiếp tục hoàn thiện các kênh bán trực tiếp gồm telesale, direct sale và các hub tín dụng bên cạnh cải thiện hiệu suất kênh chi nhánh truyền thống. Các kênh bán trực tiếp là lực lượng nòng cốt để thúc đẩy tăng trưởng tín dụng và khai thác các nhóm khách hàng tập trung. Bên cạnh đó, kênh đối tác cũng có những đóng góp trọng yếu khi là động lực giúp đẩy nhanh tăng trưởng tín dụng, đặc biệt với mảng kinh doanh nhà dự án.

Cuối năm 2020, Ngân hàng Bán lẻ cũng đã có bước tiến để hoàn thiện hạ tầng cho hành trình chuyển đổi số, triển khai mở tài khoản qua hình thức eKYC và dành nguồn lực đầu tư công nghệ, tạo nền tảng cho những “cú bật xa” trong các năm tiếp theo.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN 2021

Từ kết quả tích cực đã đạt được, năm 2021, Ngân hàng Bán lẻ hướng tới các mục tiêu thách thức hơn với mức tăng trưởng TOI trên 30%, tăng trưởng lợi nhuận vượt mốc 228%. Để đạt được các mục tiêu này, khách hàng chính là cơ sở. Theo đó, Ngân hàng Bán lẻ đặt ra kế hoạch cho năm 2021 là tìm kiếm và phát triển hơn 600.000 khách hàng mới, tương đương tăng gấp hơn 3 lần so với năm 2020.

Bên cạnh tăng trưởng khách hàng, việc tăng thu thuần trên một khách hàng vẫn còn dư địa lớn để tiếp tục khai thác. Tăng trưởng 250% thu thuần/1 khách hàng với phân khúc khách hàng thu nhập cao chính là mục tiêu tham vọng mà Ngân hàng bán lẻ đặt ra để nỗ lực chinh phục.

Việc tăng trưởng năm 2021 của Ngân hàng Bán lẻ vẫn dựa trên 4 trụ cột:

- Định vị giá trị khác biệt dựa trên am hiểu khách hàng ở phân khúc mục tiêu từ đó xây dựng định vị giá trị phù hợp cho phân khúc;
- Mạng lưới phân phối đa kênh;
- Lực lượng bán hiệu quả và hệ sinh thái đối tác.
- Phát triển hệ sinh thái số, kênh số và chiến lược chuỗi. Đây là cơ hội để RB tăng trưởng nhanh về số lượng khách hàng, tạo ra các phương tiện để duy trì và giữ chân khách hàng giao dịch cùng MSB.

HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG DOANH NGHIỆP



DỊCH VỤ TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG DÀNH CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

Là một trong những trụ cột của MSB, trong năm 2020, Ngân hàng Doanh nghiệp đã có những bước tiến mới để kinh doanh hiệu quả trong thời kỳ dịch bệnh bùng phát, tiếp tục chú trọng đầu tư vào các nguồn lực sẵn có để nâng cao năng lực cạnh tranh, đồng thời xây dựng đội ngũ ngân sự nòng cốt, từng bước phát triển quy mô và dữ liệu khách hàng.

Với sự nghiên cứu kỹ càng nhu cầu thực của từng phân khúc: khách hàng doanh nghiệp lớn, khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, khách hàng doanh nghiệp siêu nhỏ, MSB đã cung cấp những giải pháp tài chính chuyên biệt và phù hợp, trên cơ sở gắn kết lợi ích bền lâu và đồng hành “Cùng vươn tầm”. Đồng thời, trước tác động của COVID-19, hưởng ứng chỉ thị từ Chính phủ & Ngân hàng nhà nước, Ngân hàng Doanh nghiệp MSB đã dần chuyển dịch các phương thức giao dịch từ kênh vật lý sang kênh phi vật lý, tập trung cải tiến và phát triển sản phẩm theo hướng tự động hóa, từ đó nâng cao trải nghiệm khách hàng đồng thời tiết kiệm thời gian và chi phí vận hành.

Từ những bước đi linh hoạt và phù hợp với thị trường cũng như năng lực nội tại, Ngân hàng Doanh nghiệp đã gặt hái được nhiều thành tựu. Cụ thể, dư nợ tín dụng tại 31/12/2020 đạt 34.406 tỷ đồng, tăng 39% so với năm 2019. Huy động cán mốc 21.741 tỷ đồng, tăng 5% so với năm 2019, trong đó CASA chiếm 40% đạt 8.789 tỷ đồng. Thu thuần ghi nhận 1.584 tỷ đồng, tăng 38% so với năm 2019. Kết thúc năm tài chính, lợi nhuận sau dự phòng tăng mạnh - đạt 867 tỷ đồng, tăng 79% so với năm 2019.

Kết quả kinh doanh nổi bật của Ngân hàng Doanh nghiệp ghi nhận sự đóng góp từ hai mảng SME (Doanh nghiệp vừa và nhỏ), LC & FDI (Doanh nghiệp lớn và Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) như sau:

- **SME:** Dư nợ tín dụng đạt 16.986 tỷ đồng, tăng 37% so với năm 2019. Thu thuần đạt 919 tỷ đồng, tăng 27% so với năm 2019.
- **LC & FDI:** Dư nợ đạt 17.420 tỷ đồng, tăng 41% so với năm 2019. Huy động đạt 10.498 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2019. Thu thuần đạt 666 tỷ đồng, tăng 57% so với năm 2019.

Kiên định với mục tiêu tăng trưởng bền vững, năm 2020, Ngân hàng Doanh nghiệp tiếp tục kiểm soát tốt rủi ro hoạt động khi chi phí rủi ro (risk cost) chỉ ở mức 0,46%. Con số này cũng phản ánh những nỗ lực của MSB trong việc điều tiết kế hoạch kinh doanh linh hoạt và phù hợp với tình hình kinh tế biến động.

NHỮNG SẢN PHẨM DỊCH VỤ NỔI BẬT CỦA NGÂN HÀNG DOANH NGHIỆP NĂM 2020

• DỊCH VỤ TRÊN NỀN TẢNG INTERNET BANKING:

Với mong muốn đơn giản hóa quy trình vận hành, quản trị cho doanh nghiệp, trong năm 2020, MSB đã liên tục nâng cấp tính năng cho Ngân hàng điện tử. Tự hào là một trong ba ngân hàng đầu tiên triển khai chuyển khoản 24/7 cho khách hàng doanh nghiệp, đến nay, MSB luôn nỗ lực giữ vị thế tiên phong khi tiếp tục phát triển, mở rộng những giải pháp tích hợp trên nền tảng Internet Banking như FD online – cho phép khách hàng mở tài khoản tiền gửi có kỳ hạn trực tuyến, Soft Token – phương thức xác thực giao dịch hiệu quả, an toàn và tiết kiệm chi phí... Đây là những bước nền tảng để Ngân hàng Doanh nghiệp MSB triển khai thêm tính năng mới ngay đầu năm 2021, tiêu biểu là TTR online (Điện chuyển tiền trong thanh toán quốc tế) và giải ngân trực tuyến.

• THU HỘ HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN:

Ngân hàng doanh nghiệp đã phối hợp với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) triển khai thông suốt dịch vụ thu hộ hóa đơn tiền điện trong năm 2020. Dịch vụ đảm bảo khách hàng thanh toán tiền điện đúng thời hạn với thủ tục đơn giản, nhanh chóng, tiết kiệm thời gian. Giao dịch được gạch nợ ngay sau khi thanh toán thành công. Đặc biệt, MSB miễn phí hoàn toàn cho khách hàng, áp dụng trên tất cả các kênh thanh toán như thanh toán tự động, thanh toán qua Internet Banking hoặc Mobile Banking hay thanh toán tại quầy.

• TÀI TRỢ DỰ ÁN ĐIỆN MẶT TRỜI:

Năm 2020 đánh dấu những bước tiến lớn trong hoạt động của Ngân hàng Doanh nghiệp khi thực hiện tài trợ, tái tài trợ trung dài hạn đầu tư kinh doanh mới hoặc đầu tư mở rộng dự án Điện mặt trời mái nhà có công suất dưới 1 MW. Với tỷ lệ tài trợ lên tới 70% tổng mức đầu tư của dự án (tối đa 10 tỷ đồng), thời hạn cho vay đến 84 tháng, thời gian ân hạn gốc tối đa 6 tháng, đây được đánh giá là một trong những giải pháp tài chính vượt trội và hữu ích với khách hàng trong mảng kinh doanh năng lượng. MSB cũng áp dụng lãi suất ưu đãi 10.5% trong thời gian ân hạn gốc.

• THẺ TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP:

Tháng 10/2020, MSB cho ra mắt Thẻ tín dụng doanh nghiệp MSB Visa Business – loại Thẻ chuyên biệt giúp Doanh nghiệp có thêm một công cụ, một giải pháp tài chính mới trong việc quản lý dòng tiền hiệu quả và phân bổ ngân sách chi tiêu hợp lý.

Với hạn mức lên đến 4 tỷ đồng, tấm thẻ này cho phép doanh nghiệp chi tiêu trước trả tiền sau với thời gian miễn lãi lên tới 45 ngày. Ngoài ra, khi đi công tác nước ngoài, MSB Visa Business sẽ giúp khách hàng thanh toán nhanh chóng mà không cần đổi ngoại tệ, không cần tạm ứng công tác phí và đảm bảo an toàn hơn so với việc mang theo tiền mặt. Khi cần, doanh nghiệp có thể dùng thẻ này để rút tiền mặt lên đến 30% hạn mức thẻ, tối đa 100 triệu đồng/thẻ/tháng.

Việc sở hữu Thẻ MSB Visa Business còn mang đến cho doanh nghiệp hàng trăm ưu đãi từ MSB và đối tác tại cộng đồng JOY ở nhiều lĩnh vực: ẩm thực, nghỉ dưỡng, du lịch...

• CHƯƠNG TRÌNH TÍN DỤNG CHO KHÁCH HÀNG SME:

Ngân hàng doanh nghiệp đã triển khai chương trình tín dụng đổi mới cho khách hàng SME theo hướng “định vị giá trị khách hàng khác biệt”. Sản phẩm, dịch vụ được thiết kế riêng cho 3 lĩnh vực kinh tế trọng tâm: Thương mại, Sản xuất và Xây dựng. Chương trình hướng tới việc đơn giản hóa các quy trình, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ và đáp ứng sát nhu cầu của khách hàng. Với mục tiêu nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh doanh và nâng cao trải nghiệm, đây được đánh giá là bước chuyển mình của Ngân hàng Doanh nghiệp trong năm 2020 khi linh hoạt thay đổi để tiệm cận với mong muốn từ khách hàng mục tiêu.

MỤC TIÊU & ĐỊNH HƯỚNG 2021:

Năm 2021 là năm kỳ vọng phát triển vượt bậc nhờ vào sự thay đổi chiến lược Chuyển đổi số của MSB, Ngân hàng Doanh nghiệp cũng không nằm ngoài chiến lược chung này. Để đạt được những mục tiêu thách thức của năm 2021, Ngân hàng Doanh nghiệp cùng đơn vị tư vấn McKinsey đã lên kế hoạch triển khai một số dự án, tập trung vào các hành động chiến lược:

- Lấy khách hàng làm trọng tâm, ưu tiên trải nghiệm và nhu cầu khách hàng khi thiết kế Sản phẩm/ Dịch vụ hoặc quy trình phục vụ khách hàng và quy trình nội bộ:
- Xây dựng và phát triển sản phẩm, cung cấp các giải pháp tổng thể tư vấn cho khách hàng giúp khách hàng đạt được mục tiêu mong muốn;
- Gia tăng chất lượng dịch vụ qua việc: Dần chuyển dịch sang phương thức giao dịch bằng kênh phi vật lý (Triển khai TTR và mua bán ngoại tệ online, giải ngân online, mở LC, phát hành GTE trên Internet Banking, triển khai công cụ hỗ trợ chứng từ có chứa chữ ký số, eKYC – Mở TK Online); Đơn giản hóa quy trình, thủ tục, cải thiện thời gian xử lý giao dịch;
- Triển khai Virtual Account:
 - + Cho phép xác định chính xác khoản phải thu/người sử dụng dịch vụ trên báo cáo;
 - + Tài khoản tự chọn, dễ nhớ theo định danh người sử dụng dịch vụ;
 - + Không phụ thuộc vào hạ tầng, không tốn chi phí kết nối;
 - + Thu hộ tiền mặt & chuyển khoản từ MSB và tất cả các Ngân hàng khác.

+ Với đối tượng khách hàng mục tiêu: ngành chứng khoán giúp định danh chính xác nhà đầu tư; ngành bất động sản giúp quản lý thanh toán theo tiến độ, quản lý phí dịch vụ; ngành giáo dục giúp định danh chính xác từng sinh viên, học sinh; ngành phân phối giúp đáp ứng nhu cầu quản lý mạng lưới phân phối (Vật liệu xây dựng, Thức ăn chăn nuôi...).

- Đảm bảo rằng luôn có sự cập nhật/hiểu biết tốt về các xu hướng chính hình thành thị trường, nhu cầu của khách hàng và các hành động của đối thủ cạnh tranh;
- Gia tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh bằng các biện pháp tăng mức độ sử dụng sản phẩm của khách hàng; lập kế hoạch kinh doanh, thiết lập cơ chế kiểm soát kỷ luật, xây dựng công cụ quản lý bán hàng không chỉ trên nền tảng web mà còn trên mobile đảm bảo tính thuận tiện, sáng tạo và tiện dụng để tăng hiệu quả khai thác và quản trị danh mục khách hàng.
- Số hóa mạnh mẽ: Số hóa hành trình vay không Tài sản đảm bảo/ có Tài sản đảm bảo cho khách hàng hiện hữu và khách hàng mới; Sử dụng hạn mức qua kênh số hóa (Trade Loan, L/C, Bảo lãnh); Liên tục nâng cấp Internet Banking để tăng giao dịch tự phục vụ.
- Tiếp tục nâng cao hơn nữa chất lượng nguồn nhân lực và hiệu suất làm việc của CBNV đặc biệt là đội ngũ bán hàng để đáp ứng tốt các tiêu chuẩn ngày càng cao của ngân hàng cũng như khách hàng và thị trường.

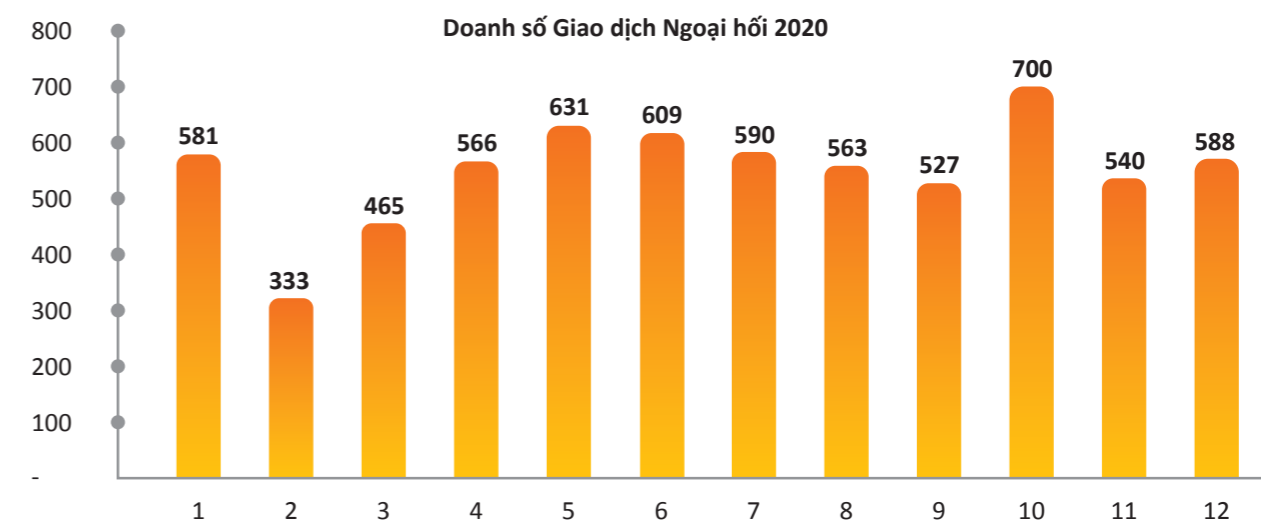


HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH

Năm 2020, kinh tế vĩ mô nói chung và ngành ngân hàng nói riêng chứng kiến nhiều thăng trầm trong hoạt động kinh doanh trước tác động mạnh mẽ của đại dịch Covid 19 lên kinh tế toàn cầu. Với sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ CBNV tại Ngân hàng định chế Tài chính (NHĐCTC), hầu hết các mảng hoạt động và kinh doanh cốt lõi của NHĐCTC đều đạt được mức tăng trưởng đáng khích lệ trong bối cảnh tác động khó lường của dịch bệnh cũng như sự cạnh tranh gay gắt của thị trường.

VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI TỆ VỚI KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP VÀ CÁ NHÂN

Năm 2020, MSB thăng hạng từ vị trí 15 lên vị trí 14 trong Top các ngân hàng Việt Nam về giao dịch mua bán ngoại tệ với khách hàng doanh nghiệp và cá nhân, với thị phần giao dịch FX được nâng từ 2,1% lên 2,85%, doanh số giao dịch quy đổi đạt 7 tỷ đô la Mỹ, tăng gần 10% so với năm 2019



Trong năm 2020, trước tác động trực tiếp từ dịch bệnh lên nền kinh tế khiến các doanh nghiệp gặp không ít khó khăn trong việc duy trì hoạt động kinh doanh và hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, MSB đã nỗ lực đưa ra các chính sách và phương án xử lý khúc mắc trong hoạt động kinh doanh ngoại hối, hỗ trợ Doanh nghiệp vượt qua giai đoạn khó khăn.

Cũng trong năm 2020, trước làn sóng thu hút đầu tư nước ngoài mạnh mẽ vào thị trường Việt Nam, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nghiệp vụ phái sinh trên thị trường chứng khoán, rất nhiều các nhà đầu tư thực hiện hoạt động phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá, lãi suất khi đầu tư vào thị trường Việt Nam khiến các sản phẩm phái sinh ngoại tệ và lãi suất phát triển bùng nổ tại thị trường trong năm 2020 với quy mô thị trường tăng 40% so với năm 2019. Đón đầu xu hướng đó, MSB triển khai mạnh mẽ các sản phẩm phái sinh tiền tệ, lãi suất giúp khách hàng đa dạng và chủ động trong việc lựa chọn các phương án phòng ngừa các rủi ro tỷ giá và lãi suất.

Với phương châm hiệu quả, đơn giản và nhanh chóng, các quy định quy trình sản phẩm liên quan đến giao dịch ngoại tệ liên tục được cải thiện. Đồng thời số lượng các chương trình ưu đãi dành cho khách hàng mới và tri ân các khách hàng cũ được triển khai nhiều hơn, đồng bộ và chuyên nghiệp hơn, hỗ trợ và thúc đẩy hoạt động bán hàng.

Năm 2021, MSB sẽ tiếp tục tập trung cung cấp các sản phẩm ngoại hối đa dạng, giá cả cạnh tranh và phòng ngừa rủi ro cho khách hàng, đồng thời tạo ra gói giải pháp tổng thể cho khách hàng, đặc biệt phân khúc SME và RB với nhiều các chương trình hướng tới trải nghiệm khách hàng theo xu hướng số hóa và cải tiến liên tục không ngừng.

VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI TỆ VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

Trên thị trường liên ngân hàng, MSB giữ vững vị thế là một đối tác quan trọng trong việc tạo lập thị trường, cung cấp thanh khoản giúp ổn định thị trường ngoại hối theo định hướng chính sách điều hành của Ngân hàng nhà nước, với doanh số liên tục tăng trưởng và luôn duy trì Top 3 của thị trường. Riêng doanh số giao dịch phái sinh tăng gấp 4 lần so với năm trước, giúp MSB lọt vào Top 5 ngân hàng có doanh số giao dịch phái sinh lớn nhất tại Việt Nam.

Đặc biệt trong năm 2020, trước xu hướng số hóa không ngừng trong các hoạt động kinh doanh, MSB là ngân hàng cổ phần đầu tiên triển khai hệ thống giao dịch điện tử về hoạt động kinh doanh ngoại hối (Platform) cho các khách hàng liên ngân hàng, tăng tính tiện lợi và thuận ích cho khách hàng theo đúng giá trị cốt lõi mà ngân hàng đặt ra.

Với định hướng minh bạch hóa toàn bộ hoạt động giao dịch ngoại hối tại thị trường Việt Nam, trong năm 2020, hệ thống giao dịch khớp lệnh điện tử tự động ngoại tệ (Matching) do Công ty Dữ liệu tài chính toàn cầu Refinitive cung cấp được triển khai mạnh mẽ và nhiều ngân hàng hưởng ứng, trong đó MSB là một trong số những ngân hàng tiên phong trong việc tạo dựng và phát triển thị trường với các giải thưởng được ghi nhận trên phạm vi khu vực:

TOP 1 Doanh số giao dịch ngoại tệ (*)

TOP 2 Nhà tạo lập thị trường ngoại tệ (*)

TOP 2 Số lượng giao dịch ngoại tệ (*)

(*) Qua hệ thống Matching do Refinitive trao tặng

VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ THANH KHOẢN VÀ KINH DOANH TIỀN TỆ

MSB áp dụng nhiều sáng kiến công nghệ trong quy trình quản lý thanh khoản giúp ngân hàng luôn tuân thủ các chỉ số an toàn hoạt động của Ngân hàng nhà nước, đảm bảo thanh khoản và duy trì nguồn vốn ổn định với chi phí tối ưu.

Mảng kinh doanh tiền tệ liên ngân hàng tiếp tục mở rộng quy mô và đạt tốc độ tăng trưởng đáng kể so với năm 2019. Tính đến 31/12/2020, quy mô giao dịch tiền tệ liên ngân hàng đạt 747 nghìn tỷ đồng, mang lại gần 270 tỷ đồng lợi nhuận và vượt 136% so với kế hoạch đề ra. Nghiệp vụ kinh doanh tiền tệ trong những năm qua không chỉ góp phần mang lại lợi nhuận không nhỏ cho MSB mà còn giúp ngân hàng đảm bảo được thanh khoản và duy trì nguồn vốn ổn định cho các hoạt động kinh doanh.

VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ (TPCP)

MSB tiếp tục phát huy vị thế là một trong những ngân hàng năng động và tích cực nhất trên thị trường TPCP với tổng doanh số giao dịch năm 2020 đạt hơn 560 nghìn tỷ đồng, tăng 39% so với năm 2019. Tiếp nối những giải thưởng trên thị trường trái phiếu đã đạt được trong những năm qua, trong năm 2020, hoạt động kinh doanh TPCP của MSB tiếp tục được các cơ quan quản lý ghi nhận bởi những thành tích nổi bật sau:

TOP 1 thành viên giao dịch trái phiếu do HNX xếp hạng

TOP 2 thành viên giao dịch repo do HNX xếp hạng

• Giải thưởng Nhà tạo lập thị trường chào giá đẹp nhất 2020 của Hiệp hội thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA);

• Giải thưởng Nhà tạo lập thị trường có doanh số giao dịch đứng thứ ba 2020 của Hiệp hội thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA).

TOP 2 thành viên giao dịch outright do HNX xếp hạng

TOP 2 thành viên giao dịch sơ cấp do Bộ Tài chính xếp hạng

VỀ HOẠT ĐỘNG PHÁT HÀNH VÀ ĐẦU TƯ GIẤY TỜ CÓ GIÁ DO TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHÁT HÀNH

Hoạt động kinh doanh giấy tờ có giá TCTD đã được MSB chú trọng xây dựng và phát triển trong những năm gần đây. Tổng danh mục chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành tại ngày 31/12/2020 đạt 14.306 tỷ đồng, tăng 22% so với cùng kỳ năm 2019. Với quy mô đầu tư chứng khoán nợ do các TCTD phát hành ngày càng gia tăng, MSB đã và đang thể hiện vai trò là thành viên tích cực trên thị trường giấy tờ có giá TCTD. Đồng thời, chiến lược mở rộng đầu tư chứng khoán nợ trên đã góp phần thúc đẩy thanh khoản thị trường.

Bên cạnh đó, hoạt động phát hành giấy tờ có giá cho các nhà đầu tư tổ chức cũng đã được MSB triển khai hiệu quả, giúp Ngân hàng cải thiện được các hệ số an toàn hoạt động cũng như huy động được nguồn vốn trung dài hạn với chi phí tối ưu cho ngân hàng.

VỀ DỊCH VỤ NGÂN HÀNG LƯU KÝ

Với chiến lược liên tục cải tiến và đổi mới để cung cấp cho khách hàng những dịch vụ giấy tờ có giá ưu việt hơn, trong năm 2020, MSB đã nhanh chóng cho ra đời dịch vụ ngân hàng lưu ký. Chỉ trong vòng 6 tháng, MSB đã hoàn thành việc xây dựng và triển khai “Hệ thống ngân hàng lưu ký và giao dịch giấy tờ có giá” (DSB) trên phạm vi toàn hàng, giúp cải thiện đáng kể quy trình giao dịch Trái phiếu và giấy tờ có giá (GTCG) tại MSB, mang lại một kênh doanh thu về phí, tăng trải nghiệm của Khách hàng với nhiều lợi ích như: Khách hàng có thể trực tiếp quản lý danh mục, quy trình giao dịch và quản lý giao dịch tập trung và đồng bộ, sản phẩm đa dạng...

Trong năm 2021, MSB dự kiến tiếp tục triển khai cung cấp nghiệp vụ "Ngân hàng Giám sát và Quản trị Quỹ" nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của các loại hình Quỹ đầu tư trên thị trường. Dự kiến sau khi triển khai, nghiệp vụ mới này không chỉ đem lại doanh thu về phí, mà còn tăng cơ hội tiếp cận các khách hàng mới, bán chéo các sản phẩm hiện hữu của MSB.

VỀ HOẠT ĐỘNG Củng cố, MỞ RỘNG CƠ SỞ KHÁCH HÀNG ĐCTC

Trong năm 2020, do ảnh hưởng của Covid 19, tất cả các định chế tài chính trong và ngoài nước đều phải đối mặt với nhiều thách thức và khó khăn không nhỏ. Tuy nhiên, MSB vẫn kiên trì định hướng củng cố quan hệ hợp tác với các khách hàng hiện tại, đồng thời tìm kiếm và thiết lập quan hệ hợp tác với các khách hàng mới. Hiện nay, MSB sở hữu mạng lưới hơn 500 ngân hàng đại lý tại gần 70 nước trên thế giới, đáp ứng nhanh chóng và hiệu quả mọi nhu cầu của khách hàng trong các hoạt động thanh toán quốc tế, tài trợ thương mại, bảo lãnh, mua bán ngoại tệ và các sản phẩm phái sinh... Đặc biệt, với tổng hạn mức tài trợ thương mại lên tới hơn 500 triệu Đô la Mỹ (quy đổi) do các ngân hàng đối tác nước ngoài

cấp, MSB đã và đang đáp ứng rất tốt các nhu cầu giao dịch xuất nhập khẩu của ngày càng nhiều khách hàng doanh nghiệp, là cơ sở để ngân hàng tiếp tục mở rộng thị phần thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại.

Đối với phân khúc khách hàng là các công ty bảo hiểm và các công ty chứng khoán, MSB tập trung phát triển bộ sản phẩm dịch vụ trọn gói bao gồm dịch vụ tài khoản tập trung và quản lý dòng tiền, dịch vụ thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế, dịch vụ thu chi hộ, các sản phẩm tiền gửi, phái sinh lãi suất (IRS, AIRS) và phái sinh tỷ giá (CCS), cho vay, thấu chi, bảo lãnh, cam kết cấp tín dụng... với thủ tục đơn giản và nhanh chóng, đáp ứng kịp thời nhu cầu của Khách hàng. Do đó, MSB đã được các công ty bảo hiểm và chứng khoán hàng đầu lựa chọn là ngân hàng phục vụ chính đồng thời là đối tác cùng hợp tác thúc đẩy kinh doanh vì lợi ích của cả hai bên.

Năm 2020, ngoài các dự án hiện hữu trong các lĩnh vực ngân hàng, y tế, giáo dục, giao thông vận tải, và bảo vệ môi trường, MSB đã được Bộ Nông Nghiệp lựa chọn làm Ngân hàng phục vụ cho 1 số dự án nông nghiệp, góp phần giúp ngân hàng gia tăng nguồn thu phí và tăng huy động nguồn vốn chi phí thấp. Hiện nay, MSB là một trong số rất ít các ngân hàng thương mại được phục vụ đầy đủ các chương trình thu ngân sách nhà nước và các dự án ODA do Ngân hàng thế giới (World Bank), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Cơ quan Hợp tác phát triển Nhật Bản (JICA)... tài trợ. Các dự án trải dài trên nhiều địa bàn trên cả nước đã góp phần nâng cao uy tín của Ngân hàng cũng như hỗ trợ Ngân hàng mở rộng cơ sở khách hàng trên toàn quốc.

Đặc biệt, năm 2020, theo chủ trương thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt của Chính phủ, MSB đã triển khai thành công nhiều Dự án kết nối cổng thanh toán với Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB), các Bệnh viện, trường học... đa dạng hóa các hình thức thu hộ bằng các công cụ thanh toán hiện đại.

Trong năm 2021, MSB sẽ chú trọng chuyển đổi từ việc cung cấp các dịch vụ ngân hàng truyền thống sang khai thác và phát triển khách hàng trên cơ sở cung cấp các dịch vụ ngân hàng ứng dụng công nghệ hiện đại, kết nối hệ thống... nhằm cung cấp các công cụ thanh toán tiện ích cho các khách hàng cũng như đối tác và khách hàng của khách hàng. Đồng thời, với các dịch vụ Ngân hàng truyền thống, MSB cũng không ngừng cải tiến và nâng cấp nhằm đơn giản hóa thủ tục, tăng tiện ích, giảm chi phí vận hành nhằm cung cấp sản phẩm, dịch vụ tới đối tác và khách hàng với chất lượng cao và chi phí hợp lý.

HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG SỐ

ATTACH YOUR FINGER
TO THE SCANNER

Với sự đầu tư và cải tiến liên tục 4 năm qua, hệ thống vận hành và công nghệ của MSB đã hiện đại hơn rất nhiều. Với mục tiêu trở thành ngân hàng đa năng, hiện đại, bắt nhịp cùng những xu hướng công nghệ 4.0 để vươn tầm quốc tế, MSB đã và đang tiếp tục đẩy mạnh quá trình số hóa, nâng cấp các ứng dụng trọng điểm giúp tự động hóa hoạt động, quy trình, giảm thiểu chi phí, tăng cường trải nghiệm của khách hàng và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Với nền tảng công nghệ hiện đại, MSB không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa các sản phẩm, đồng thời tăng cường các phương pháp bảo mật tối ưu cho tất cả thông tin khách hàng, thông tin giao dịch.

Điểm nổi bật nhằm tăng tính cạnh tranh trong quá trình Số hóa và áp dụng công nghệ của MSB là việc đưa vào áp dụng thành công eKYC và đầu tư và phát triển mảng Ngân hàng số (Digital banking) - với ứng dụng TNEX.

E-KYC - TÍNH NĂNG MỞ TÀI KHOẢN HOÀN TOÀN ONLINE CHỈ TRONG 01 PHÚT

Tháng 10/2020, MSB chính thức ra mắt eKYC - phương thức định danh khách hàng điện tử tự động toàn diện, cho phép khách hàng mở tài khoản thanh toán 100% trực tuyến và không cần đến điểm giao dịch của ngân hàng.

Với sự hỗ trợ từ eKYC, khách hàng chỉ cần trải qua 2 bước xác thực để mở tài khoản trực tuyến thành công. Bước 1 là xác thực giấy tờ tùy thân, tự động nhận diện các thông tin trên Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân và nhận diện các dấu hiệu giả mạo; Bước 2 là xác thực khuôn mặt, tự động chụp các góc mặt, sau đó đối chiếu hình ảnh khách hàng trên giấy tờ tùy thân với hình chụp.

MSB đã hợp tác cùng đối tác Trusting Social, công ty hàng đầu về ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực tài chính để xây dựng hệ thống phát hiện gian lận, thông tin không khớp, ..., và sẽ dừng quy trình mở tài khoản, thông báo đến khách hàng nếu phát hiện những dấu hiệu này. Toàn bộ thông tin của khách hàng sẽ được mã hóa và bảo mật tuyệt đối trong quá trình giao dịch với Ngân hàng, đồng thời, hệ thống cũng ngăn chặn tuyệt đối các hành vi giả mạo giấy tờ tùy thân để thực hiện giao dịch tài chính.

Nếu như trước đây, khách hàng phải đến điểm giao dịch khi có nhu cầu mở tài khoản ngân hàng thì nay, khách hàng chỉ mất 01 phút để đăng ký tài khoản trực tuyến.

Việc MSB triển khai chính thức giải pháp mở tài khoản trực tuyến thông qua phương thức định danh điện tử eKYC nằm trong chiến

lược nâng cao trải nghiệm khách hàng, số hóa toàn bộ quy trình từ đăng ký đến giao dịch tài khoản thanh toán.

TNEX – NGÂN HÀNG THUẦN SỐ ĐẦU TIÊN TẠI VIỆT NAM

Tháng 3/2020, Hội đồng quản trị MSB đã thông qua quyết định thành lập TNEX. Ngày 11/12/2020, Ngân hàng thuần số hoàn toàn mới TNEX chính thức ra mắt thị trường với những lợi thế cạnh tranh vượt trội về tiện ích và miễn phí 100% cho người sử dụng. Đây là nền tảng ngân hàng thuần số và hệ sinh thái dành cho Chủ cửa hàng và Người tiêu dùng đầu tiên tại Việt Nam được bảo trợ bởi MSB. TNEX ra đời với sứ mệnh: “Cung cấp giải pháp Ngân hàng toàn diện, an toàn, miễn phí, sáng tạo và dựa vào phong cách sống cho tất cả các cá nhân, các đơn vị kinh doanh nhỏ và siêu nhỏ ở cả thành thị và nông thôn trên toàn lãnh thổ Việt Nam”.

TNEX phục vụ khách hàng thuộc hai phân khúc thị trường thông qua hai ứng dụng di động:

TNEX Consumer nhắm đến tập 58 triệu cá nhân chưa có tài khoản hoặc chưa được tiếp cận đầy đủ với dịch vụ ngân hàng - cung cấp cho họ một siêu ứng dụng miễn phí, cực kỳ sáng tạo, có tính cá nhân hóa cao, cho phép khách hàng tiếp cận được với các ưu đãi và dịch vụ phù hợp với nhu cầu hàng ngày của mình như thực phẩm, giải trí, kết nối chuyện trò, quản lý tài chính và lên ngân sách.

TNEX Merchant là ứng dụng được phát triển nhằm phục vụ 4 triệu đơn vị kinh doanh cỡ vừa, nhỏ và siêu nhỏ chưa có tài khoản ngân hàng. Đây là ngân hàng miễn phí cho mọi người bán và cửa hàng nhỏ tại Việt Nam, cho phép họ tiếp cận được với các công cụ tốt nhất và dữ liệu thị trường số phong phú, nhằm tăng doanh số và giảm chi phí. Ứng dụng chú trọng giúp người bán phát triển và chuyển đổi hình thức kinh doanh trong thế giới hậu Covid với nhu cầu số hóa ngày một tăng.

Ngân hàng thuần số thời đại 4.0 TNEX không có chi nhánh, không có phòng giao dịch và là một trong những ngân hàng đầu tiên cho phép khách hàng mở tài khoản hoàn toàn trực tuyến thông qua ứng dụng TNEX trên điện thoại thông minh với công nghệ định danh điện tử eKYC tiên tiến nhất.

Ngân hàng số TNEX đảm bảo “miễn phí” với 5 không trọn đời: **Không phí chuyển khoản, Không phí rút tiền, Không phí thường niên, Không phí quản lý tài khoản và Không chi phí ẩn.**



Do mô hình vận hành và kinh doanh được hỗ trợ bởi các công nghệ tiên tiến nên TNEX hoàn toàn có thể phát triển và đưa ra thị trường các sản phẩm và dịch vụ có giá rẻ hơn tới 97%, và thời gian trung bình nhanh hơn khoảng 10 lần so với các sản phẩm tương tự của ngân hàng truyền thống. TNEX được xây dựng trên một nền tảng nhằm tạo khả năng sản xuất, phân phối, bán hàng và tiếp thị với chi phí thấp. Chính điều này giúp TNEX thực hiện được sứ mệnh của mình một cách bền vững và nhân văn là phục vụ các đối tượng chưa có tài khoản hoặc chưa được tiếp cận đầy đủ với các dịch vụ ngân hàng tại Việt Nam.

Mục tiêu của TNEX là lắng nghe để thấu hiểu và đáp ứng những nhu cầu hàng ngày của khách hàng, giúp họ kiểm soát được sức khỏe tài chính và dữ liệu của mình. TNEX sẽ không cố gắng để “mua” lòng trung thành của khách hàng bằng cách tạo cho khách hàng sự phụ thuộc vào các ưu đãi định kỳ hay những khuyến mại miễn phí.

TNEX đã bắt đầu hành trình của mình bằng cách trực tiếp gặp gỡ nhóm khách hàng và người bán tiềm năng, để tích cực lắng nghe, từ đó thiết kế và phát triển các tính năng hệ thống như: quản lý tài chính cá nhân, dịch vụ ngân hàng thường nhật miễn phí, trao đổi trực tuyến trong ứng dụng, hay máy tính điện tử. Điển hình kết quả của phương pháp này được thể hiện rõ trong thiết kế giao diện và trải nghiệm người dùng trên ứng dụng TNEX Consumer. Hình ảnh về “Vũ trụ” và các “Hành tinh” chính là phản ánh những điều khách hàng chia sẻ với TNEX về cách mà họ muốn tương tác và giao dịch với ngân hàng. Và đó là lý do TNEX Consumer đã được phát triển trên cơ sở hợp tác với một công ty Phát triển trò chơi thay vì một đối tác Tích hợp hệ thống thông thường.

HƯỚNG TỚI NĂM 2021 VÀ TƯƠNG LAI

Trong tương lai, TNEX sẽ tiếp tục lắng nghe, phản hồi nhanh chóng, và đáp ứng những điều khách hàng thực sự mong muốn trong cuộc sống và để kinh doanh ngày một tốt hơn, dựa trên nền tảng công nghệ và sức mạnh khoa học dữ liệu thế hệ kế tiếp. Đây sẽ luôn là mạch máu tạo nguồn sống trong mọi hoạt động của TNEX. Đặc biệt, chương trình #TNEX lắng nghe - nơi khách hàng có thể đưa ra các gợi ý và cùng thiết kế các tính năng mới cho TNEX - sẽ góp mặt trong Hành trình Khách hàng của TNEX trong năm 2021.

Hiện nay, 22 tính năng mới - lần đầu xuất hiện trên thị trường - đã được khởi động thiết kế và thực hiện cho ứng dụng TNEX, hứa hẹn sẽ đẩy nhanh tốc độ phát triển của TNEX và tiếp tục làm hài lòng khách hàng hơn nữa.

Trong năm 2021, TNEX cũng có kế hoạch đưa ra dịch vụ cho thuê nền tảng Bank-as-a-Service (BaaS). Đây sẽ là nền tảng BaaS đầu tiên của Việt Nam và được kỳ vọng sẽ chính thức khởi động kinh doanh vào Quý 3 năm 2021, tạo ra mô hình kinh doanh song song của TNEX. Ý tưởng của dịch vụ này xuất phát từ việc nghiên cứu, đánh giá nhu cầu của các Fintech nội địa cũng như những dịch chuyển lớn của các sàn thương mại điện tử và các công ty vận chuyển sang nền tảng tài chính ngân hàng. Các công ty truyền thông xã hội cũng đang tiến dần đến xu hướng này và đó sẽ là những khách hàng trung thành mà ngân hàng truyền thống không thể có.

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN NIÊM YẾT, BÁN CỔ PHIẾU QUỸ, HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ TRONG NĂM 2020

Năm 2020, MSB là ngân hàng duy nhất niêm yết mới cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), hoàn thành một trong những cam kết quan trọng với cổ đông, tạo thanh khoản và tăng vốn hóa cổ phiếu, việc niêm yết đánh dấu bước đi chiến lược của ngân hàng trong hành trình phát triển, cụ thể:

- Ngày 14/12/2020, HSX đã ban hành quyết định số 815/QĐ-SGDHCM chấp thuận niêm yết 1.175.000.000 cổ phiếu MSB. Ngân hàng đã công bố quyết định niêm yết, Bản cáo bạch và các tài liệu liên quan trên website, cổng thông tin các cơ quan quản lý và các kênh thông tin đại chúng để đưa thông tin đến các nhà đầu tư, hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các thủ tục lưu ký tập trung và đưa cổ phiếu MSB giao dịch ngay trong năm 2020.
- Ngày 17/12/2020, MSB tổ chức hội thảo trực tuyến, thuyết trình và công bố các thông tin về hoạt động, chiến lược, định hướng tới các nhà đầu tư tổ chức trong nước và nước ngoài.
- Ngày 23/12/2020 là ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu MSB với giá chào sàn 15.000 đồng/cổ phiếu, đóng cửa phiên giao dịch đầu tiên, cổ phiếu MSB tăng hơn 13% lên mức 17.000 đồng/cổ phiếu với hơn 30,4 triệu đơn vị được khớp lệnh. Tại ngày 31/12/2020, với mức giá 18.800 đồng/cổ phiếu, vốn hóa của MSB đạt mức 22.090 tỷ đồng, tương đương gần 1 tỷ USD.
- Số lượng cổ đông tăng từ gần 4.000 cổ đông trước niêm yết lên 11.627 cổ đông sau 7 phiên giao dịch trên HSX thể hiện sự thu hút của cổ phiếu MSB trên thị trường.
- Sau khi niêm yết trên HSX, MSB luôn đáp ứng các thủ tục liên quan đến việc công bố thông tin của các cơ quan quản lý (HSX, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam), đảm bảo minh bạch thông tin, đúng chuẩn mực và tạo dựng niềm tin, đảm bảo lan tỏa thông tin nhanh chóng, đầy đủ tới các nhà đầu tư.

Sau khi xin ý kiến và được thông qua tại Đại hội cổ đông bất thường vào tháng 9/2020, MSB đã làm các thủ tục cần thiết để xin được cấp giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu quỹ theo phương thức chào bán ra công chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 30/11/2020, Giấy chứng nhận chào bán số 277/GCN-UBCK đã được cấp cho MSB, theo đó, hơn 82,5 triệu cổ phiếu quỹ sẽ được chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1 cổ phiếu hưởng 1 quyền, 10.100 quyền được mua 775,7 cổ phiếu quỹ, Ngân hàng dự kiến thực hiện quá trình chào bán trong quý I năm 2021.

Trong suốt năm 2020, để chuẩn bị tốt các hồ sơ phục vụ đăng ký niêm yết và chào bán cổ phiếu quỹ, MSB luôn đảm bảo các thông tin về tình hình hoạt động của ngân hàng được công bố đầy đủ, kịp thời và chính xác trên các phương tiện công bố thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý và các thông cáo báo chí, trang thông tin điện tử của ngân hàng. Hoạt động quan hệ nhà đầu tư được chú trọng trong quá trình nâng cao chất lượng công tác quản trị, minh bạch hóa thông tin và tăng sự gắn kết với cổ đông, nhà đầu tư quan tâm đến cổ phiếu ngân hàng. Thông qua các cuộc họp Đại hội cổ đông, hội thảo nhà đầu tư, Hội đồng Quản trị và Hội đồng Điều hành ngân hàng đều trực tiếp đối thoại với cổ đông, nhà đầu tư, lắng nghe những chia sẻ và giải đáp toàn bộ các câu hỏi, thắc mắc, từng bước nâng cao hiệu quả quản trị công ty.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG IR NĂM 2021

MSB tiếp tục chú trọng các hoạt động quan hệ nhà đầu tư để MSB giữ được vị trí tâm điểm trên thị trường cổ phiếu các ngân hàng. Sau 6 tháng kể từ ngày niêm yết, cổ phiếu MSB sẽ đủ điều kiện được các công ty chứng khoán cấp hạn mức margin, qua đó, ngân hàng kỳ vọng sẽ luôn nằm trong top cổ phiếu ngành tài chính nhận được sự quan tâm nhiều nhất của giới đầu tư. Bên cạnh đó, MSB sẽ từng bước xây dựng và thực hiện lộ trình để được lựa chọn vào các rổ cổ phiếu đại diện trên thị trường như VN30, VNFIN LEAD... Các hội thảo với nhà đầu tư, hội thảo với giới nghiên cứu, phân tích, hội thảo với các bên môi giới nhằm cung cấp các thông tin về hoạt động kinh doanh định kỳ sẽ được tổ chức đều đặn, thông qua đó, Hội đồng Điều hành ngân hàng sẽ tăng cường tương tác, gắn kết với các nhà đầu tư và cổ đông.

CÁC DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2020



Trong hơn 29 năm xây dựng và phát triển, với những nỗ lực không ngừng nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng, đồng thời đầu tư không ngừng vào công nghệ, cơ sở hạ tầng và quy trình quản lý hoạt động, MSB đã vinh dự nhận được nhiều sự ghi nhận xứng đáng từ các tổ chức uy tín trong và ngoài nước thông qua các giải thưởng và danh vị cao quý.

MỘT SỐ GIẢI THƯỞNG, DANH HIỆU TIÊU BIỂU MSB ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2020




Giải thưởng
Ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2020
do Tạp chí uy tín
Global Finance
trao tặng

Giải thưởng
Ngân hàng tài trợ thương mại tốt nhất Việt Nam 2020
do Tạp chí
Global Banking &
Finance Review
(GBAF) trao tặng

Giải thưởng
Ngân hàng có giải pháp tài chính sáng tạo nhất dành cho Chủ kinh doanh 2020
do Tạp chí
International Finance
(IFM) trao tặng

Giải thưởng
Top 10 Ngân hàng TMCP uy tín 2020
do Công ty CP Báo cáo
Đánh giá Việt Nam
(Vietnam Report) và
Báo điện tử VietNamNet
trao tặng

Giải thưởng
Ngân hàng đồng hành hiệu quả cùng Doanh nghiệp nhỏ & vừa Việt Nam 2020
do Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế IDG và
Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam trao tặng.

A hand is shown holding a glowing, intricate digital network structure. The structure consists of numerous blue nodes connected by thin lines, with a bright orange and yellow light source at its center. The background is dark, making the glowing elements stand out.

**KHÔNG NGỪNG
CHUYỂN ĐỔI
ĐỂ NÂNG CAO
NĂNG LỰC
HỘI NHẬP**

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO



KHUNG QUẢN TRỊ RỦI RO

Hệ thống kiểm soát nội bộ của MSB dựa trên nguyên tắc “3 tuyến phòng thủ”, trong đó Khối Quản lý rủi ro (QLRR) là tuyến 2 có vai trò và các trách nhiệm chính: (1) Quản lý rủi ro tín dụng và đối tác, rủi ro thị trường & thanh khoản, rủi ro an ninh thông tin, rủi ro hoạt động và kinh doanh liên tục (2) Hỗ trợ Hội đồng Quản lý rủi ro (HĐQLRR) tư vấn và đề xuất nội dung quản lý rủi ro cho Tổng Giám đốc và giám sát trạng thái rủi ro so với giới hạn rủi ro; (3) Phát triển, đề xuất và quản lý một hệ thống các tài liệu quản lý rủi ro ở cấp độ tổng thể.

Cấu trúc bộ máy quản trị rủi ro tại MSB bao gồm 3 cấp độ, trong đó Hội đồng quản trị (HĐQT) giữ trách nhiệm cao nhất trong việc thiết lập và giám sát hệ thống quản lý rủi ro, với sự tham mưu và khuyến nghị của Ủy Ban Quản lý rủi ro (UBQLRR). Cấp độ 2 đứng đầu là Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chỉ đạo, giám sát các Đơn vị, cá nhân thực hiện trách nhiệm của mình trên cơ sở đề xuất tham mưu của Hội đồng Quản lý rủi ro, Hội đồng ALCO, Hội đồng Quản lý vốn. Khối Quản lý rủi ro hoàn toàn độc lập với các đơn vị kinh doanh. Giám đốc Khối Quản lý rủi ro báo cáo trực tiếp đến Tổng Giám đốc và đồng thời báo cáo gián tiếp tới UBQLRR. Cấp độ 3 là các Bộ phận kiểm soát rủi ro độc lập: gồm Ban kiểm soát và Kiểm toán nội bộ.

KHẨU VỊ RỦI RO

Phù hợp với thông lệ quốc tế, MSB đã đưa ra tuyên bố về Khẩu vị rủi ro nêu rõ mức độ và loại rủi ro mà MSB sẵn sàng chấp nhận, hoặc tránh, để đạt được mục tiêu của mình, gồm cả các yếu tố định tính và định lượng. Định kỳ hàng năm Hội đồng quản trị rà soát và cập nhật tuyên bố Khẩu vị rủi ro để đảm bảo tính phù hợp.

QUẢN LÝ RỦI RO TOÀN DIỆN (ERM)

Quản lý rủi ro toàn diện (ERM) là chức năng quản lý rủi ro trọng yếu của ngân hàng với nhiệm vụ chính là phát triển và triển khai khung quản lý rủi ro, chính sách quản lý rủi ro (khẩu vị, chiến lược), phân tích rủi ro và quản lý danh mục tín dụng toàn hàng, phát triển các công cụ và mô hình đo lường rủi ro, triển khai Basel và IFRS 9. ERM cũng đảm bảo việc triển khai đầy đủ Quy trình đánh giá an toàn vốn nội bộ (ICAAP).

MSB hiện là 1 trong số ít Ngân hàng hiện đã xây dựng đầy đủ mô hình xếp hạng tín dụng nội bộ đo lường xác suất vỡ nợ của Khách hàng (PD) cho tất cả các phân khúc, đối tượng khách hàng như khách hàng định chế tài chính, khách hàng doanh nghiệp (SSE, SME, LMC), khách hàng cá nhân. Mặt khác, MSB đã hoàn thiện xây dựng thang điểm xếp hạng tổng thể (Master scale) toàn hàng đảm bảo kết quả Xếp hạng tín dụng giữa các đối tượng Khách hàng được đánh giá, so sánh trên cùng một hệ quy chiếu và đánh giá mức độ rủi ro giữa các danh mục, đối tượng Khách hàng toàn MSB. Khả năng dự đoán của hệ thống chấm điểm xếp

hạng mới được phát triển và nâng cấp sẽ tạo thành một phần quan trọng trong chiến lược số hóa của ngân hàng vào năm 2021 cũng như triển khai Basel 2 theo phương pháp nâng cao FIRB (đối với khách hàng doanh nghiệp)/ IRB (đối với khách hàng cá nhân), khởi động triển khai dự án IFRS9 trong 2021.

TRIỂN KHAI BASEL VÀ KẾ HOẠCH

Năm 2020, MSB là 1 trong top 5 Ngân hàng đầu tiên triển khai thành công đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn theo trụ cột 2 Basel 2 (ICAAP), hoàn thành triển khai 03 trụ cột Basel 2 trước thời hạn.

Để nâng cao năng lực quản trị rủi ro, tiến đến chuẩn mực quản trị rủi ro tiên tiến theo chuẩn mực quốc tế, MSB đặt kế hoạch 2021: Triển khai phương pháp nâng cao (FIRB & IRB) theo chuẩn mực Basel 2 đối với rủi ro tín dụng; Triển khai đo lường theo chuẩn mực Basel 3 đối với Rủi ro hoạt động, Rủi ro thị trường, Rủi ro thanh khoản. Ngoài ra sẽ triển khai IFRS9.

QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG

Quản lý rủi ro tín dụng đảm bảo sự phân tách giữa chức năng thẩm định và đề xuất tín dụng từ bộ phận kinh doanh. Chính sách về thẩm quyền phê duyệt tín dụng của MSB quy định rõ các cấp phê duyệt phù hợp cho việc phê duyệt các hạn mức tín dụng và đối tác tùy thuộc vào các loại rủi ro của mỗi loại khoản vay. UBQLRR tham mưu cho HĐQT phê duyệt chính sách quản lý rủi ro tín dụng, theo đó xây dựng khẩu vị rủi ro tín dụng của Ngân hàng và tạo khuôn khổ cho các hoạt động cho vay của MSB, đặc biệt đối với hoạt động thẩm định rủi ro tín dụng và rủi ro đối tác, bao gồm việc thẩm định các hồ sơ tín dụng và định giá tài sản bảo đảm.

MSB triển khai định giá và quản lý Tài sản đảm bảo (TSĐB) tập trung tại Khối QLRR, với các trách nhiệm: (i) Xây dựng chính sách quản lý rủi ro tài sản bảo đảm, quản lý danh mục tài sản bảo đảm; (ii) quản lý hệ thống và thực hiện định giá, định giá lại tài sản bảo đảm theo thẩm quyền được giao; (iii) Quản lý, giám sát chất lượng định giá của nội bộ và các đối tác.

MSB đã xây dựng một quy trình quản lý công tác xử lý nợ từ Quản lý nợ (soft collection) tới Thu hồi nợ (hard collection) nhằm tối ưu chi phí và kết quả thu hồi nợ. Với soft collection, việc Thu hồi nợ chủ yếu được thực hiện qua gọi điện nhắc nợ, đi gặp khách hàng. Với hard collection, sẽ áp dụng các biện pháp Thu hồi nợ hiệu quả như bán TSĐB, khởi kiện...

Năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, nhiều khách hàng phải đương đầu với rất nhiều khó khăn. MSB đã thực hiện nhiều biện pháp quản lý rủi ro đối với các danh mục khác nhau, chủ động phân tích danh mục và thực hiện các biện pháp hỗ trợ khách hàng

theo Thông tư 01 của Ngân hàng nhà nước. Năm 2021, MSB sẽ tiếp tục chủ động quản lý danh mục tín dụng bị ảnh hưởng bởi Covid nhằm phòng tránh việc phát sinh nợ quá hạn và rủi ro tín dụng.

QUẢN LÝ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Quản lý rủi ro thị trường (QLRRTT) độc lập với các đơn vị kinh doanh của Ngân hàng (bao gồm Nguồn vốn) và hỗ trợ UBQLRR, HĐQLRR và Hội đồng ALCO đánh giá độc lập danh mục rủi ro thị trường của Ngân hàng. Chiến lược QLRRTT của Ngân hàng được tích hợp trong Chiến lược QLRR của toàn hàng.

Khung QLRRTT của Ngân hàng bao gồm các chính sách, quy trình QLRRTT, cấu trúc kiểm soát dựa trên nền tảng hệ thống hạn mức rủi ro thị trường toàn diện. MSB tuân thủ các yêu cầu của Ngân hàng nhà nước về hạn mức rủi ro thị trường và báo cáo tình hình tuân thủ hạn mức tới Đơn vị kinh doanh và các quản lý cấp cao hàng ngày. Quy trình thẩm định sản phẩm mới đảm bảo các rủi ro thị trường được xác định và xử lý phù hợp trước khi sản phẩm và dịch vụ mới được triển khai. Để phục vụ mục đích quản trị rủi ro nội bộ, MSB đã nâng tầm năng lực của ngân hàng khi nghiên cứu mối quan hệ giữa hạn mức VaR và vốn dành cho rủi ro thị trường; tính toán thủ vốn dành cho rủi ro thị trường theo VaR (phương pháp nâng cao Basel III)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản được quản lý theo một hệ thống gồm các văn bản quy định, quy trình giám sát và hạn mức được phê duyệt bởi UBQLRR. Khẩu vị và chiến lược Quản lý Rủi ro thanh khoản (QLRRTK) của Ngân hàng được tích hợp trong Khẩu vị và chiến lược QLRR chung của toàn hàng

Hội đồng ALCO và HĐQLRR định kỳ rà soát cấu trúc bảng cân đối, sự tăng trưởng tiền gửi và cho vay, sự tối ưu hóa các nguồn huy động, tình hình các đối thủ cạnh tranh, cũng như triển vọng kinh tế vĩ mô và các yếu tố khác có thể ảnh hưởng đến chiến lược nguồn huy động của MSB. Để đảm bảo thanh khoản của ngân hàng phù hợp với Khẩu vị rủi ro chung, tình hình thanh khoản được giám sát trong cả điều kiện kinh doanh bình thường hàng ngày và trong điều kiện có tình huống bất lợi (nửa năm/ lần). Ngân hàng cũng duy trì kế hoạch dự phòng thanh khoản để sẵn sàng đối phó các kịch bản khủng hoảng thanh khoản tiềm ẩn.

Năm 2020 Ngân hàng đã từng bước tiếp cận với những thông lệ quốc tế về QLRRTK toàn diện hơn – Basel III. Trong năm 2021, Ngân hàng sẽ chủ động giám sát hai chỉ số định lượng LCR và NSFR để quản lý rủi ro thanh khoản nội bộ. Hai chỉ số định lượng này sẽ giúp MSB chuẩn hóa hệ thống QLRRTK, nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn quản trị định lượng theo chuẩn mực quốc tế.

QUẢN LÝ RỦI RO LÃI SUẤT TRÊN SỐ NGÂN HÀNG

MSB đặt ra mục tiêu chính của công tác Quản lý Rủi ro lãi suất (QLRRLS) số ngân hàng là để bảo vệ và cải thiện được thu nhập ròng từ lãi (NII) và vốn của Ngân hàng thông qua việc tăng trưởng thu nhập lãi ròng ổn định và đáng tin cậy dưới các điều kiện kinh tế có thể xảy ra. Trong năm 2020, quy trình QLRRLS số ngân hàng được thực hiện đầy đủ dưới sự phối hợp chặt chẽ của ba tuyến phòng thủ bao gồm: các Ngân hàng chuyên doanh, Bộ phận quản trị bằng cân đối, Bộ phận quản lý tài sản nợ-có) - QLRR – Kiểm toán nội bộ. Hệ thống văn bản chính sách được kiện toàn theo yêu cầu của TT13/2018/TT-NHNN. Công tác đo lường các chỉ số rủi ro và giám sát theo các tiêu chuẩn hạn mức được QLRRLS số ngân hàng thực hiện đều đặn hàng tháng và dưới sự kiểm soát của HĐRR và Hội đồng ALCO nhằm giảm thiểu tối đa trạng thái rủi ro, giá trị chịu rủi ro cho Ngân hàng.

QUẢN LÝ RỦI RO HOẠT ĐỘNG VÀ AN NINH THÔNG TIN

Trung tâm Quản lý rủi ro Hoạt động và An ninh thông tin đóng vai trò xây dựng chính sách, triển khai chính sách, giám sát và báo cáo rủi ro hoạt động toàn hệ thống MSB, quản lý hoạt động kinh doanh liên tục, quản lý an ninh thông tin, quản lý rủi ro thẻ và dịch vụ ngân hàng số.

MSB sử dụng phần mềm Quản lý rủi ro Hoạt động để hỗ trợ công tác thu thập dữ liệu tổn thất, tự đánh giá rủi ro, giám sát hành động giảm thiểu rủi ro, giám sát lỗi và quản lý blacklist. Ngoài ra, Ngân hàng còn sử dụng các công cụ giám sát gian lận giao dịch thẻ & ngân hàng điện tử toàn diện cho phép phát hiện gian lận thẻ, phòng ngừa và kiểm soát gian lận ngân hàng số.

MSB đã triển khai văn phòng làm việc thay thế, trung tâm dữ liệu dự phòng theo chuẩn quốc tế, tổ chức diễn tập BCP định kỳ để nâng cao khả năng ứng phó khi đối mặt với thảm họa, sự cố lớn hoặc dịch bệnh.

Để ứng phó với Covid-19 và bảo đảm hoạt động liên tục, MSB đã thành lập Ban Chỉ đạo ứng phó Covid-19 để họp trực tuyến và chỉ đạo ứng phó trên toàn MSB, triển khai các biện pháp phòng ngừa theo khuyến nghị của Chính phủ Việt Nam và WHO, kích hoạt làm việc từ nhà khi có ca Covid-19 trong cộng đồng.

Quản lý rủi ro An ninh thông tin đảm bảo triển khai khung quản trị an ninh thông tin hiệu quả, bao gồm khung, chiến lược, chính sách và quy trình quản lý an ninh thông tin, cũng như triển khai các công cụ quản lý an ninh thông tin như quản trị an ninh mạng và phòng chống thất thoát dữ liệu.

Các báo cáo, khuyến nghị về Quản lý Rủi ro Hoạt động và Quản lý An ninh thông tin được trình bày tới HĐQLRR, UBQLRR định kỳ hàng tháng.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



Nhân lực luôn là nền tảng cơ bản và đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển của Ngân hàng. Để chuẩn bị cho sự bứt phá trong giai đoạn 2021-2024, trong năm 2020, MSB đã triển khai nhiều dự án, chính sách đãi ngộ, nâng cao năng lực nội bộ, văn hóa doanh nghiệp, giữ chân và thu hút nhân tài... để tạo nên hệ thống quản trị vững chắc cho sự phát triển của Ngân hàng.

TRIỂN KHAI HỆ THỐNG QUẢN TRỊ TUYỂN DỤNG MSB

Trên hành trình từng bước chuyển đổi toàn diện với khát khao “Cùng đưa MSB trở lại TOP đầu”, MSB đã và đang mạnh mẽ đầu tư những giải pháp công nghệ mới giúp thay đổi phương thức làm việc ở tất cả các khía cạnh vận hành của tổ chức. Tiếp nối thành công của Dự án với tiến trình số hóa đã và đang được thực hiện kể từ năm 2019 ở nhóm nghiệp vụ Quản trị nhân sự và Tiền lương, năm 2020 MSB tiếp tục mở rộng phạm vi số hóa trong công tác nhân sự tới nhóm nghiệp vụ Tuyển dụng thông qua việc kích hoạt Hệ thống Quản trị Tuyển dụng MSB với ba cấu phần được thiết kế chuyên biệt nhằm tối ưu hóa trải nghiệm tất cả các vai trong quá trình tuyển dụng trên cả nền tảng Mobile và Máy tính bàn, được đáp ứng các tiêu chuẩn an ninh thông tin để sử dụng và vận hành ở bất cứ đâu, vào bất cứ thời điểm nào, và được tích hợp bằng các giải pháp kỹ thuật để tạo nên một hệ thống đồng nhất, phục vụ tối ưu hóa mục tiêu vận hành và quản trị tuyển dụng, bao gồm:

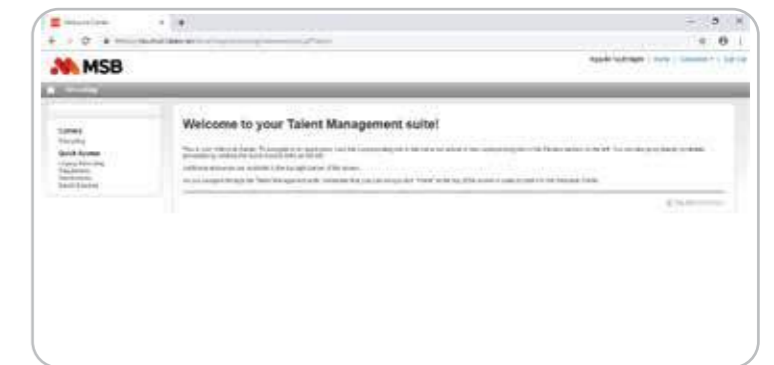
Career Site – Trang tin tức thương hiệu nhà tuyển dụng MSB - Phát hành và quản trị nội dung về các chủ đề: Những chương trình tuyển dụng tập trung lớn; các thông tin về môi trường làm việc, văn hóa doanh nghiệp, đời sống, con người MSB và những bài viết mang tính tư vấn về các khía cạnh kiến thức, các kỹ năng nghề nghiệp



Job Site – Trang đăng tuyển, giới thiệu ứng viên, ứng tuyển nội bộ: Đơn giản hóa thao tác ứng tuyển, sự dễ dàng khi theo dõi toàn bộ lịch sử ứng tuyển tại MSB, khả năng tự cập nhật trạng thái ứng tuyển trong quy trình tuyển dụng, dễ dàng theo dõi việc nhận và trả lời thư mời nhận việc, giới thiệu ứng viên khác.



Taleo Site – Phân hệ tác nghiệp, quản trị quy trình, quản trị thông tin báo cáo về công tác tuyển dụng: tập trung hóa dữ liệu tuyển dụng, số hóa quy trình, linh hoạt hóa quản lý tuyển dụng và tự động quá hệ thống báo cáo.



XÂY DỰNG DỰ ÁN KHUNG NĂNG LỰC VÀ LỘ TRÌNH PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP

Để hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược đầy thách thức trong năm 2021, MSB luôn chủ động sẵn sàng nguồn nhân lực “tinh và chất”, có năng lực và kinh nghiệm triển khai xuất sắc các Dự án chiến lược cũng như các mảng nghiệp vụ. Với sứ mệnh là “đối tác phát triển sự nghiệp” của CBNV và nâng cao hiệu quả các hoạt động quản lý nguồn nhân lực trên toàn hệ thống, MSB đã khởi động thành công dự án khung năng lực và lộ trình phát triển nghề nghiệp trong năm 2021, cụ thể:

Khung năng lực đối với lực lượng bán của Ngân hàng Bán lẻ và Ngân hàng Doanh nghiệp và Cán bộ Quản lý cấp trung được xây dựng và triển khai thành công là cơ sở nền tảng cho việc đánh giá nhân sự trong công tác tuyển dụng và giữ chân nhân tài cũng như xây dựng các chương trình đào tạo phù hợp để phát triển năng lực và lộ trình nghề nghiệp của CBNV tại mỗi vị trí, chức danh.

Tiếp nối thành công của Dự án khung năng lực, công tác xây dựng và triển khai Lộ trình Phát triển nghề nghiệp, đẩy mạnh công tác luân chuyển trong nội bộ được thực hiện đồng bộ là tiền đề và động lực quan trọng trong việc tạo nguồn cán bộ quy hoạch chất lượng cao để MSB làm chủ và triển khai thành công các mục tiêu chiến lược trong dài hạn.

TRIỂN KHAI CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIÊN TIẾN VÀ ĐÀO TẠO TRỌNG ĐIỂM

Trong năm 2020, Nhân sự MSB đã tổ chức được 1.192 khóa học cho hơn 119 nghìn lượt CBNV tham gia đào tạo, tăng 161% so với năm 2019, đáp ứng nhu cầu và chất lượng nhân sự phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Đặc biệt, riêng đối với đội ngũ cán bộ quản lý, Nhân sự MSB đã tổ chức 86 khóa học thiết kế riêng cho CBNV là quản lý, lãnh đạo. Bên cạnh đó, MSB cũng tập trung phát triển và nâng cao năng lực đối với đội ngũ kinh doanh ở tất cả cấp bậc khi có tới 1.106 khóa học (tăng 167% so với năm 2019) dành cho CBNV đang đảm nhiệm các chức vụ, vị trí kinh doanh của Ngân hàng. Có thể kể đến các Chương trình đào tạo (CTĐT) trọng điểm như CTĐT cho quản lý cấp trung, CTĐT dành cho Hubhead và Teamlead của Ngân hàng doanh nghiệp, CTĐT dành cho Giám đốc chi nhánh/phòng giao dịch của Ngân hàng bán lẻ, CTĐT dành cho quản trị viên tài năng...vv. Ngoài ra, Nhân sự MSB cũng đã tiến hành đào tạo chuẩn hóa về kỹ năng dẫn giảng cho gần 100 giảng viên nội bộ, chuẩn bị nguồn lực giảng viên bền vững và có chất lượng nhằm thực hiện công tác đào tạo nội bộ về chuyên môn nghiệp vụ, quy trình, sản phẩm cho đội ngũ CBNV toàn hàng.

Đặc biệt, cũng trong năm 2020, Nhân sự MSB cũng đã hợp tác với Đơn vị đào tạo có uy tín toàn cầu là Dale Carnegie Việt Nam triển khai thành công Chuỗi chương trình đào tạo phát triển năng lực lãnh đạo và quản lý dành cho cán bộ Talent Pool theo chuẩn quốc tế để củng cố tư duy hệ thống, quan điểm lãnh đạo cũng như nâng cao hiệu quả quản lý đội

ngũ, hiệu suất. Chương trình đã đào tạo được đội ngũ Cán bộ lãnh đạo kế cận ở tất cả các cấp quản lý, chuẩn bị lực lượng lãnh đạo chất lượng và có khát vọng để đóng góp tích cực và hiệu quả vào việc cán đích các mục tiêu chiến lược đầy thách thức của Ngân hàng.

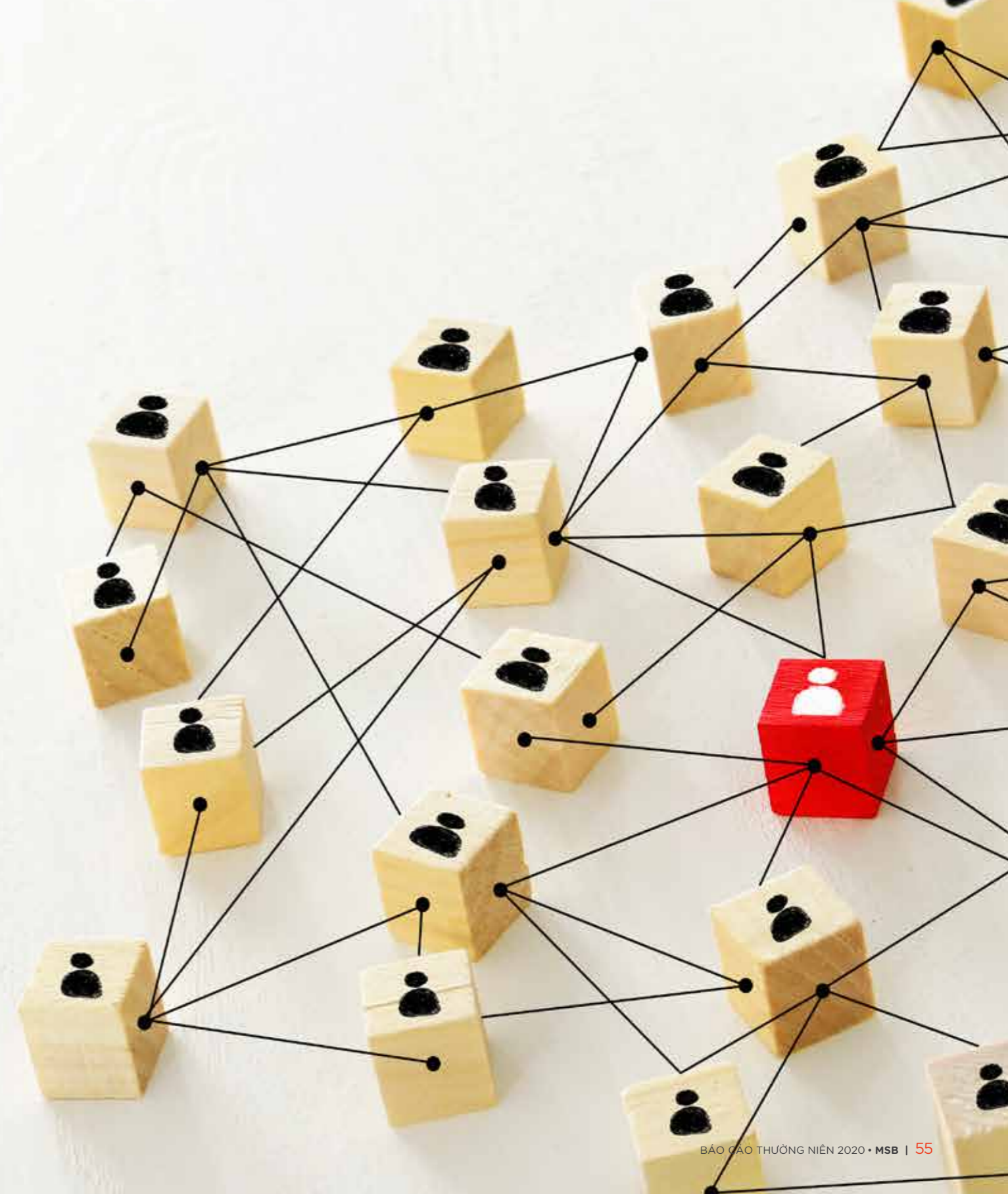
TINH GỌN VÀ TỐI ƯU HÓA HỆ THỐNG ĐO LƯỜNG VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CÔNG VIỆC

Song song với kế hoạch cải tiến chất lượng hệ thống chính sách phúc lợi của Ngân hàng như chương trình bảo hiểm MSB Care, chương trình khám sức khỏe định kỳ, chương trình vay ưu đãi MLoanCare và một số chính sách phúc lợi đặc thù khác, Nhân sự MSB cũng đã thực hiện nghiên cứu rà soát và tối ưu hóa hệ thống đo lường và đánh giá hiệu quả công việc đối với Cán bộ bán hàng và Cán bộ thuộc các Đơn vị nghiệp vụ tham gia vào quy trình sản phẩm lõi của Ngân hàng. Đây là một trong những điểm có ý nghĩa rất lớn trong công tác đánh giá CBNV và đảm bảo tính công bằng, minh bạch, thúc đẩy và khích lệ CBNV nâng cao năng suất lao động của bản thân, đóng góp vào kết quả chung của toàn hàng. Năm 2020, mức thu nhập bình quân của CBNV MSB đã đạt mức 22 triệu đồng. Đây là mức thu nhập khá cạnh tranh so với các ngân hàng cùng phân khúc và cũng là một điểm sáng trong chính sách thu hút nguồn nhân lực cho MSB trong thời gian tới.

Ngoài ra, để hỗ trợ tối đa các Đơn vị đạt được kinh doanh tốt nhất, Nhân sự MSB đã nghiên cứu và triển khai mô hình linh hoạt hóa định biên nhân sự căn cứ theo quy mô và hiệu quả kinh doanh. Với mô hình tiên tiến này, các Đơn vị đã và đang có kết quả kinh doanh tốt sẽ chủ động trong việc mở rộng quy mô và tập trung nguồn lực tối đa để thúc đẩy tăng trưởng hơn nữa.

TRIỂN KHAI CÁC CHƯƠNG TRÌNH THI ĐUA KHEN THƯỞNG THỨC ĐẨY HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TOÀN HÀNG

Bên cạnh những chính sách quản lý hiệu quả công việc và đãi ngộ cạnh tranh, Nhân sự MSB cũng tập trung xây dựng và triển khai chuỗi chương trình thi đua khen thưởng nhằm mục đích thúc đẩy hoạt động kinh doanh và tưởng thưởng cho những CBNV và Tập thể có thành tích đặc biệt ấn tượng. Cụ thể, trong năm 2020, Nhân sự MSB đã phối hợp cùng Hội đồng thi đua khen thưởng triển khai 20 chương trình trên toàn hệ thống từ Đơn vị trực tiếp kinh doanh đến các Đơn vị nghiệp vụ hỗ trợ, trong đó phải kể đến các chương trình tiêu biểu có sức ảnh hưởng lớn như Chương trình Liên quân triệu đô dành cho CBNV thuộc Ngân hàng Định chế Tài chính và Ngân hàng Doanh nghiệp, Chương trình Vua bán hàng dành cho CBNV Ngân hàng Bán lẻ, Chương trình M-Hiệu quả hơn dành cho CBNV Khối Chiến lược, Chương trình Thi đua tăng năng suất và chất lượng cuộc gọi dành cho CBNV Khối Vận hành,... Với định hướng chiến lược của năm 2021, Nhân sự MSB sẽ tiếp tục nghiên cứu xây dựng các chương trình thi đua lao động, sáng tạo trong nội bộ và đồng hành cùng các Đơn vị trên chặng đường đưa MSB trở lại TOP đầu.



HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG



Nhiều năm qua, hoạt động an sinh xã hội của MSB không ngừng được đẩy mạnh với nhiều chương trình thiết thực, có ý nghĩa, với sự tham gia đóng góp của tập thể Cán bộ nhân viên, đoàn viên công đoàn MSB từ trụ sở chính đến các chi nhánh trên toàn quốc. Các hoạt động này đã góp phần chia sẻ khó khăn và nâng cao chất lượng cuộc sống của những hoàn cảnh đặc biệt ở nhiều địa phương trên cả nước, đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng, xã hội.

Năm 2020, với những diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 và tình hình thiên tai ở nhiều địa phương trên cả nước, MSB đã kịp thời chung tay đóng góp trước lời kêu gọi của Chính phủ để “không ai bị bỏ lại phía sau”. Những hoạt động này đã góp phần lan tỏa tinh thần “tương thân tương ái” và cùng nhau đồng hành tiến về phía trước, hướng về một cuộc sống tốt đẹp hơn.

NHỮNG HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI NỔI BẬT CỦA MSB TRONG NĂM 2020

TÀI TRỢ CHO CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19

MSB đóng góp kinh phí 10 tỷ đồng hưởng ứng lời kêu gọi toàn dân chung tay đẩy lùi Covid-19 do Thủ tướng phát động vào tháng 3/2020. Đồng thời, MSB cũng miễn phí chuyển tiền cho khách hàng khi chuyển tiền ủng hộ cho Mặt trận Tổ quốc.

Hành động này thể hiện trách nhiệm xã hội của MSB, góp phần tiếp thêm nguồn lực cho cả nước để triển khai hiệu quả công tác phòng, chống dịch Covid-19.

Ngân hàng cũng kêu gọi cán bộ nhân viên cùng ủng hộ 01 ngày lương cho Chương trình khắc phục hạn mặn tại Đồng bằng Sông Cửu Long và phòng chống Covid-19.



TÀI TRỢ KHẮC HỤT QUẢ THIÊN TAI LŨ LỤT MIỀN TRUNG

MSB tài trợ 300 triệu đồng cho Quỹ vì người nghèo 2020 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thuộc chuỗi Chương trình "Chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau" do Thủ tướng Chính phủ phát động.

Ủng hộ 300 triệu đồng cho đồng bào lũ lụt miền Trung qua Đêm nhạc gây quỹ "Lời ca dao của mẹ" do ca sĩ Quang Dũng phát động ngày 29/10/2020.



TÀI TRỢ CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐẶC BIỆT TRONG XÃ HỘI

Ủng hộ 1 tỷ đồng cho chương trình Xuân biên cương của Tòa án nhân dân tối cao. Chương trình đã trao tặng những phần quà cho cán bộ, chiến sĩ Hải quân, Biên phòng; tặng nhà tình nghĩa cho các gia đình quân nhân; tặng học bổng cho con em gia đình chiến sỹ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn...

Ủng hộ 500 triệu đồng cho Quỹ bác ái do Tập đoàn giáo dục Nguyễn Hoàng phối hợp cùng báo Thanh Niên phát động. Đây là Quỹ dành tặng cho Viện dưỡng lão và Cô nhi viện cả nước.

5 tỷ đồng cũng đã được Ngân hàng ủng hộ cho chương trình xây nhà tình nghĩa huyện Vân Hồ tỉnh Sơn La.

Ủng hộ 1,634 tỷ đồng kinh phí nâng cấp hệ thống thông tin cho Bệnh viện Đa khoa Cần Thơ.

MSB Gia Lai phát động Chương trình Hà Đông yêu thương tại Xã Hà Đông, Huyện Đak Đoa, Tỉnh Gia Lai. Chương trình được phối hợp với Công ty Bảo hiểm Xuân Thành tỉnh Gia Lai và Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Gia Lai nhằm đem đến các phần quà cho các hoàn cảnh khó khăn tại khu vực.

NHỮNG HOẠT ĐỘNG NHẪM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Hướng tới trở thành một Ngân hàng thân thiện với môi trường, MSB đã tích cực triển khai các Giải pháp tiết kiệm điện và tiết kiệm giấy in tại nơi làm việc, cụ thể:

- Truyền thông tới toàn bộ CBNV tắt thiết bị điện trước khi ra về.
- Cài đặt hệ thống tự động tắt thiết bị chiếu sáng từ 20h-21h tùy từng khu vực.

- Phân công Bảo vệ đi tuần tra đêm để phòng ngừa rủi ro cháy nổ.
- Không để giấy in các khu vực dùng máy chung mà tiến hành phân bổ về các đơn vị quản lý để tự mang giấy in khi sử dụng.
- Truyền thông CBNV xem kỹ bản in trước khi in và chỉ dùng in vào mục đích công việc, không in tài liệu cá nhân.

QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG





Ông **TRẦN ANH TUẤN**
 Chủ tịch
 Hội đồng Quản trị

*Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
 Đại học Griggs, Hoa Kỳ*

Ông Trần Anh Tuấn tham gia quản trị và điều hành MSB từ năm 2007 với các chức danh: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám Đốc. Từ tháng 2/2012, ông giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị MSB. Tháng 5/2018, ông tiếp tục được bầu là Chủ tịch Hội đồng Quản trị MSB nhiệm kỳ 2018-2021..

Ông **NGUYỄN HOÀNG AN**
 Phó Chủ tịch
 Hội đồng Quản trị

*Cử nhân Kinh tế
 Học viện Ngân hàng*

Ông Nguyễn Hoàng An gia nhập MSB từ năm 1992 và đảm nhiệm các vị trí quan trọng như: Trưởng phòng Tín dụng, GD Chi nhánh Thanh Xuân, GD Chi nhánh Hà Nội, Phó Tổng Giám đốc. Từ tháng 10/2011 đến tháng 5/2018, ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc MSB. Tháng 5/2018, ông được bầu là Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị MSB nhiệm kỳ 2018-2021.

Bà **NGUYỄN THỊ THIÊN HƯƠNG**
 Phó Chủ tịch
 Hội đồng Quản trị

*Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
 Đại học Hawaii, Manoa, Hoa Kỳ*

Bà Nguyễn Thị Thiên Hương đã có 25 năm kinh nghiệm trong ngành Ngân hàng. Từ 1995 tới 2016 bà làm việc tại Techcombank và nắm giữ nhiều chức vụ khác nhau như: Trưởng phòng Tín dụng, Phó Tổng Giám Đốc và Thành viên thường trực Ủy ban kiểm toán rủi ro. Tháng 5/2018, bà được bầu là Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị MSB.

Ông **TRẦN XUÂN QUẢNG**
 Thành viên
 Hội đồng Quản trị

*Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
 Đại học Southern California, Hoa Kỳ*

Tại MSB, ông Trần Xuân Quảng đã từng đảm nhiệm các vị trí: Phó Giám đốc phụ trách Nguồn vốn & Khách hàng Cá nhân, Giám đốc Khối Ngân hàng Doanh nghiệp, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản lý Chiến lược, Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro, Phó Tổng Giám đốc Thường trực. Từ tháng 11/2013, ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc MSB, Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp. Tháng 4/2016, ông được bầu vào Hội đồng Quản trị và giữ chức vụ Phó Chủ tịch Thường trực. Tháng 5/2018, ông được bầu là thành viên Hội đồng Quản trị MSB nhiệm kỳ 2018-2021.

Ông **NGUYỄN HOÀNG LINH**
 Thành viên Hội đồng Quản trị,
 Tổng Giám đốc

*Thạc sĩ Kinh tế
 Đại học Bách Khoa Hà Nội*

Ông Nguyễn Hoàng Linh có hơn 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong các ngân hàng tại Việt Nam như: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc PVCombank, Tổng Giám đốc Western Bank, Tổng Giám đốc Ngân hàng Việt Á,... Tại MSB, ông đã trải qua hơn 15 năm công tác và được tin tưởng giao phó nhiều trọng trách như: Giám đốc MSB Hồ Chí Minh, Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Chiến lược, Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Bán lẻ. Từ tháng 03/2020, ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc MSB. Từ tháng 09/2020, ông được bầu là thành viên Hội đồng Quản trị MSB nhiệm kỳ 2018-2021.

Bà **LÊ THỊ LIÊN**
 Thành viên Độc lập
 Hội đồng Quản trị

*Tiến sĩ khoa học về Quản trị kinh doanh
 Đại Học California Miramar, Hoa Kỳ*

Từ năm 2007 tới năm 2012, bà Lê Thị Liên từng là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam nhiệm kỳ IV, kiêm đại diện vốn của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) tại Ngân hàng, đồng thời là Trưởng Ban Đầu tư và Quản lý vốn, VNPT. Năm 2012 tới năm 2017, bà nắm giữ các vị trí như Trưởng Ban Đầu tư và Quản lý vốn, VNPT; Phó Trưởng Ban Tài chính - Chiến lược thuộc Hội đồng Thành viên, VNPT. Tháng 5/2018, bà được bầu là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập nhiệm kỳ 2018-2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÔNG TIN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tại Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 25/09/2020, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) - Thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ VI (2018-2021) đối với Ông Huỳnh Bửu Quang- Thành viên Hội đồng quản trị theo nội dung Tờ trình số 77/2020/TT-HĐQT ngày 15/9/2020. Đồng thời Đại hội đồng cổ đông đã thực hiện bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị MSB nhiệm kỳ VI (2018-2021). Kết quả ông Nguyễn Hoàng Linh, chức vụ Tổng Giám đốc, trúng cử vào Hội đồng quản trị MSB nhiệm kỳ VI (2018-2021)

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TÍNH ĐẾN 31/12/2020

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác
1	Trần Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	1.932.023	0,164%	Không
2	Nguyễn Thị Thiên Hương	Phó Chủ tịch HĐQT	0	0	Không
3	Nguyễn Hoàng An	Phó Chủ tịch HĐQT	32.400	0,003%	Không
4	Trần Xuân Quảng	Thành viên HĐQT	0	0	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư TNG Holdings Việt Nam
5	Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0	0	Không
6	Lê Thị Liên	Thành viên độc lập HĐQT	280.300	0,024%	Không

GIỚI THIỆU THÀNH VIÊN CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỘI ĐỒNG XỬ LÝ RỦI RO

Thành phần	Chức vụ
Bà Lê Thị Liên, Thành viên HĐQT độc lập	Chủ tịch
Tổng Giám đốc MSB	Phó Chủ tịch
Giám đốc Khối Quản lý rủi ro	Thành viên biểu quyết
Giám đốc Khối Quản lý tài chính	Thành viên biểu quyết
Ông Đỗ Thành Công	Thành viên biểu quyết
Tổng Giám đốc Ngân hàng chuyên doanh hoặc Giám đốc Khối/Ban ¹	Thành viên không biểu quyết
Giám đốc Quản lý Rủi ro Tín dụng Ngân hàng chuyên doanh ² , Khối Quản lý rủi ro	Thành viên không biểu quyết

¹ Tổng Giám đốc Ngân hàng Chuyên doanh (NHCD) hoặc Giám đốc Khối/Ban sẽ tham gia đối với các Khách hàng thuộc Ngân hàng Chuyên doanh/Khối/Ban phụ trách.

² Được hiểu bao gồm các chức danh sau: Giám đốc Trung tâm Quản lý rủi ro Tín dụng Bán lẻ, Giám đốc Trung tâm quản lý rủi ro tín dụng Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ; Giám đốc Trung tâm quản lý rủi ro tín dụng Khách hàng Bán buôn; Giám đốc Trung tâm quản lý rủi ro tín dụng khách hàng đặc thù hoặc các chức danh tương đương như bổ nhiệm chức danh “Quyền” hoặc giao phụ trách đơn vị... Các chức danh này sẽ tham gia đối với các Khách hàng do Trung tâm/Phòng chịu trách nhiệm thẩm định, đánh giá các đề xuất và khuyến nghị cho Hội đồng trước khi phê duyệt.

ỦY BAN QUẢN LÝ RỦI RO

Thành phần	Chức vụ
Ông Trần Xuân Quảng – Thành viên HĐQT	Chủ tịch
Thành viên HĐQT độc lập	Thành viên biểu quyết
Tổng giám đốc MSB	Thành viên biểu quyết
Ông Đỗ Thành Công	Thành viên biểu quyết
Giám đốc Khối Quản lý tài chính	Thành viên không biểu quyết



ỦY BAN CHIẾN LƯỢC

Thành phần	Chức vụ
Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch
Tổng giám đốc MSB	Phó chủ tịch
Giám đốc Khối chiến lược	Thành viên thường trực
Ông Trần Xuân Quảng, Thành viên HĐQT	Thành viên
Giám đốc Khối Quản lý rủi ro	Thành viên

ỦY BAN NHÂN SỰ

Thành phần	Chức vụ
Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thu Trang	Phó chủ tịch thường trực
Giám đốc Nhân sự	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng An, Phó chủ tịch HĐQT	Thành viên
Ông Trần Xuân Quảng, Thành viên HĐQT	Thành viên
Bà Lê Thị Liên, Thành viên HĐQT độc lập	Thành viên
Tổng giám đốc MSB	Thành viên
Giám đốc Khối chiến lược	Thành viên
Bà Dương Ánh Tuyết	Thành viên

ỦY BAN CÔNG NGHỆ

Thành phần	Chức vụ
Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch
Tổng giám đốc MSB	Thành viên
Ông Trần Xuân Quảng, Thành viên HĐQT	Thành viên
Giám đốc Khối Ngân hàng số	Thành viên
Giám đốc Khối Công nghệ	Thành viên
Giám đốc Khối Chiến lược	Thành viên
Giám đốc Khối Quản lý tài chính	Thành viên
Giám đốc Khối Vận hành	Thành viên
Ông Lê Minh Loan, chuyên gia an ninh mạng	Thành viên
Tổng Giám đốc Ngân hàng chuyên doanh và Giám đốc Khối/Ban ¹	Thành viên

¹ Là Tổng giám đốc các NHCD và Giám đốc Khối/Ban khác ngoài Khối Công nghệ, Khối Chiến lược, Khối Quản lý Tài chính và Khối Vận hành. Chỉ tham gia theo từng chuyên đề và/hoặc đối với các vấn đề có liên quan.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CÁC CUỘC HỌP HĐQT NĂM 2020

STT	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập Nhiệm kỳ VI (2018-2021)		Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
		Ngày Bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm			
1	Trần Anh Tuấn	30/5/2018		11	100%	
2	Ông Nguyễn Hoàng An	30/5/2018		11	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Thiên Hương	30/5/2018		11	100%	
4	Ông Huỳnh Bửu Quang	30/5/2018	25/9/2020	05	100%	Miễn nhiệm từ ngày 25/9/2020
5	Ông Nguyễn Hoàng Linh	25/9/2020		02	100%	
6	Ông Trần Xuân Quảng	30/5/2018		11	100%	
7	Bà Lê Thị Liên	30/5/2018		11	100%	

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC (TGD):

HĐQT giám sát hoạt động điều hành của TGD thông qua cơ chế phân công nhiệm vụ chi tiết, đánh giá hiệu quả định kỳ; tham gia các cuộc họp điều hành hàng tháng cùng Hội đồng Điều hành; sử dụng hệ thống kiểm toán nội bộ để thực hiện đánh giá chất lượng hoạt động cũng như bảo đảm sự tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của các đơn vị.

Hoạt động của các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: theo phân công ủy quyền, các Ủy ban giúp việc cho HĐQT đã giải quyết các công việc trong năm 2020 cụ thể như sau:

• Hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro

Trong năm 2020, TGD đã tổ chức 10 phiên họp (trong đó có 06 phiên trực tuyến để phù hợp với tình hình tại các thời điểm có dịch Covid-19), và giải quyết 07 đề xuất trình tổng hợp xin ý kiến qua email. Tại các phiên họp, Ủy ban tập trung thảo luận các chuyên đề mới, đồng thời vẫn duy trì xem xét các đề xuất trình HĐQT, TGD nhằm đáp ứng nhu cầu kinh doanh và thông qua các Báo cáo danh mục rủi ro định kỳ hàng tháng, cụ thể:

- Thảo luận 10 chuyên đề và báo cáo, trong đó có các chuyên đề/báo cáo mới về QLRR như: Kiểm tra sức chịu đựng và đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn, Quản lý Rủi ro An ninh thông tin, Quản lý rủi ro tín dụng đối tác, Quản lý rủi ro hoạt động và thanh khoản tại MSB theo chuẩn Basel 3, Báo cáo Xây dựng thang xếp hạng chung - Master scale.
- Xem xét và khuyến nghị 15 đề xuất trình lên HĐQT: Các mô hình xếp hạng cho các đối tượng khách hàng (Agri, Credit Card, Khách hàng ĐCTC; KHDN thông thường doanh thu từ 200 tỷ đồng, KHDN mới thành lập, KHDN đặc thù thuộc Ngân hàng Quản lý tín dụng, Bộ phận Quản lý nợ Ngân hàng chuyên doanh và Ban SOE); Đề xuất ban hành sửa đổi các văn bản Chính sách QLRR (Tuyên bố Khẩu vị rủi ro, Chiến lược Quản lý rủi ro, Thẩm quyền phê duyệt, Quy chế Quản lý rủi ro thanh khoản, thị trường, Lãi suất số ngân hàng, Quy chế Khung Đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn và Kiểm tra sức chịu đựng...).

- Xem xét và khuyến nghị 11 đề xuất trình Tổng Giám đốc: Quy định cấp tín dụng tại các NHCD (ĐCTC, KHDN vừa và nhỏ, KHDN lớn, KHCN); các Chương trình/sản phẩm vượt Quy định cấp tín dụng (Miễn tính DTI, MUE trong cấp thẻ tín dụng và thấu chi không tài sản bảo đảm cho Khách hàng ưu tiên; Nhận TSBD là 100% tiền gửi của bên thứ 3 không liên quan đến Khách hàng; Định hướng cấp tín dụng đối với việc tài trợ mua/chuyển nhượng dự án bất động sản tại Ngân hàng Bán lẻ...)

- Cập nhật Báo cáo danh mục rủi ro 12 tháng năm 2020: Tiếp tục nắm bắt tình hình hoạt động từ các khía cạnh rủi ro trọng yếu (tín dụng, hoạt động, thị trường, thanh khoản, LSSNH, an ninh thông tin), và theo dõi sát sao các chỉ tiêu, ngưỡng cảnh báo, ngưỡng giới hạn của khẩu vị rủi ro.

• Hoạt động của Ủy ban Chiến lược (UBCL)

Với vai trò tham mưu, khuyến nghị cho HĐQT về định hướng chiến lược, các hành động cần thực hiện để chuyển đổi chiến lược thành công, UBCL đã tiến hành 7 cuộc họp trong năm 2020 với các nội dung như sau:

- Đánh giá rà soát hiệu quả mạng lưới: Sau kết quả rà soát mạng lưới đầu năm, các điểm giao dịch hoạt động kém hiệu quả đã được đóng cửa/di dời, MSB tối ưu hóa được chi phí và tập trung hỗ trợ vào các điểm giao dịch tốt.

- Báo cáo dự án thẻ tín dụng AI Northstar: Kết quả thực hiện không đạt kỳ vọng của UBCL, dự án đã đóng và tổ dự án thực hiện các công việc cần thiết.

- Đánh giá hiệu quả triển khai sản phẩm vay mua ô tô: Đã ban hành quy định, quy trình, sản phẩm vay mua ô tô mới đem lại kết quả tốt cho MSB

- Cập nhật tiến độ triển khai các sáng kiến chiến lược chuyển đổi tại Văn phòng chuyển đổi (CMO): Các dự án/sáng kiến chiến lược (eKYC, Lean, Product champion,..) được theo sát, đảm bảo thực hiện đúng tiến độ, các hạng mục thực hiện đều đạt kết quả như mong đợi.

- Báo cáo đo lường giám sát việc triển khai hoạt động kinh doanh theo phân khúc của NHBL & NHDN: Các NHCD bước đầu đã thực hiện theo đúng các phân khúc chiến lược mà MSB lựa chọn, các đề xuất để phát triển, tăng trưởng khách hàng, doanh thu đang được thực hiện, bước đầu đã đạt kết quả như kỳ vọng.

- Báo cáo định kỳ của Ngân hàng số (2 cuộc họp): TNEX đã được ra mắt thị trường và bắt đầu triển khai.

- Báo cáo kết quả thực hiện dự án CVP & kế hoạch phát triển chiến lược CASA: Đánh giá dự án CVP đã lựa chọn đúng theo tư vấn từ McKinsey; các NHCD cần tiếp tục phát huy tăng trưởng CASA trong các năm tới.

- Báo cáo Chiến lược tổng thể của MSB 2020 - 2024: Đã trình và ban hành chiến lược 5 năm 2020 - 2024 và hành trình số hóa cũng như thay đổi Corebanking cho MSB.

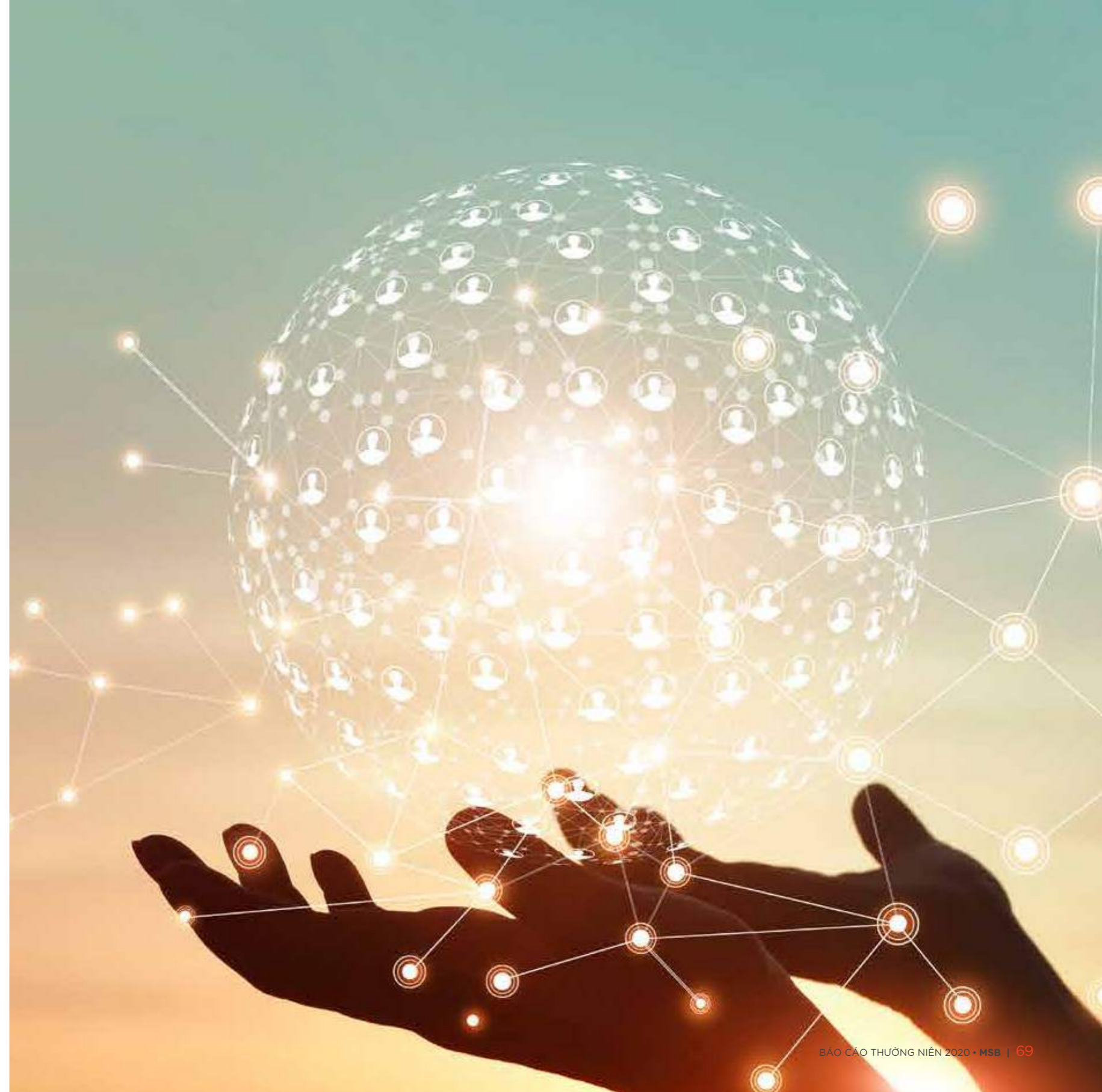
Sau các buổi họp, các đơn vị được yêu cầu cập nhật báo cáo kết quả thực hiện các chỉ đạo của UBCL định kỳ hàng tháng thông qua thư ký HĐQT.

Các thành viên UBCL luôn đưa ra các ý kiến đánh giá, góp ý chuyên sâu, hỗ trợ tối đa cho các NHCD và các dự án chiến lược. Các đề xuất được phê duyệt trong buổi họp đều được thực hiện ngay và đạt hiệu quả cao. Khối Chiến lược với vai trò là thư ký UBCL luôn theo dõi, rà soát các hành động thực hiện của các đơn vị, đảm bảo các chỉ đạo của Chủ tịch UBCL được thực hiện chính xác và đúng tiến độ đã cam kết. Kết quả của các nội dung đã báo cáo UBCL hầu hết đều hoàn thành tốt.

Bên cạnh đó, để hỗ trợ cho công tác tham mưu, các thành viên UBCL cũng thường xuyên tham gia trực tiếp cùng các buổi họp giao ban Hội đồng Điều hành hàng tháng hay các cuộc họp định kỳ của các Ủy Ban/Hội đồng khác để nắm bắt chi tiết hơn về tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh của từng Ngân hàng chuyên doanh và Khối/Ban hỗ trợ, làm cơ sở để đưa ra các nhận định, đánh giá và điều chỉnh trong việc triển khai các mục tiêu chiến lược tổng thể chung của Ngân hàng.

• Hoạt động của Ủy ban Nhân sự

Trong năm 2020, Ủy ban Nhân sự đã thụ lý giải quyết hơn 120 hồ sơ và tham mưu cho HĐQT, Chủ tịch HĐQT trong các vấn đề về bộ máy tổ chức, chế độ chính sách nhân sự bảo đảm tuân thủ pháp luật; thực hiện các thủ tục nhân sự liên quan đến các cán bộ quản lý và chức danh luật định thuộc thẩm quyền của HĐQT, Chủ tịch HĐQT và các nội dung công việc khác do Chủ tịch HĐQT giao.



BAN KIỂM SOÁT



Bà **PHẠM THỊ THÀNH**
Trưởng Ban Kiểm soát

*Thạc sĩ Kinh tế
Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội*

Bà Phạm Thị Thành từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như: Phó Giám đốc Ngân hàng Nhà nước tỉnh Hà Tây (cũ); Phó Vụ trưởng Vụ Tổng Kiểm soát Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban Kiểm soát Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam. Bà gia nhập MSB từ tháng 4/2009 với vai trò thành viên Ban Kiểm soát. Từ tháng 9/2009, bà giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát MSB. Tháng 5/2018 bà tiếp tục được bầu là Trưởng Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2021.

Bà **LÊ THANH HÀ**
Thành viên Ban Kiểm soát

*Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Đại học Griggs Hoa Kỳ*

Bà Lê Thanh Hà gia nhập MSB từ năm 1991 và đảm nhiệm vị trí lãnh đạo tại các bộ phận như Kế toán, Dịch vụ khách hàng, Quản lý vốn, Đầu tư và Kinh doanh ngoại tệ, Khối Thị trường Tài chính, Ngân hàng Định chế Tài chính. Từ tháng 2/2012, bà giữ chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát MSB. Tháng 5/2018 bà tiếp tục được bầu là thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2021.

Bà **CHU THỊ ĐÀM**
Thành viên Ban Kiểm soát

*Thạc sĩ Kinh tế
Học viện Tài chính*

Bà Chu Thị Đàm có 20 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng. Bà gia nhập MSB từ tháng 9/2008 và từng đảm nhiệm chức vụ Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ. Từ tháng 2/2012, bà giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát MSB. Tháng 5/2018 bà tiếp tục được bầu là thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2021.

THÔNG TIN VỀ BAN KIỂM SOÁT

Danh sách tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác của MSB

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Phạm Thị Thành	Trưởng Ban kiểm soát	21.604	0,002%
2	Lê Thanh Hà	Thành viên Ban kiểm soát	21.205	0,002%
3	Chu Thị Đàm	Thành viên Ban kiểm soát	0	0

Ghi chú: tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên được cập nhật ngày 31/12/2020

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2020, các thành viên Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp BKS như sau:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV BKS	Ngày miễn nhiệm TV BKS	Số buổi họp BKS	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Phạm Thị Thành	T. BKS	30/5/2018		05	100%	
2	Lê Thanh Hà	TV BKS	30/5/2018		05	100%	
3	Chu Thị Đàm	TV BKS	30/5/2018		05	100%	

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) trong quản trị điều hành ngân hàng.
- Thông báo kịp thời cho Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc những vấn đề phát hiện được và tư vấn biện pháp khắc phục tồn tại, những vấn đề có liên quan khác nhằm đảm bảo hoạt động MSB phát triển an toàn và hiệu quả.
- Giám sát việc chỉ đạo, điều hành của Hội đồng Quản trị và Hội đồng Điều hành trong quá trình thực hiện phương án tái cơ cấu lại.
- Kiểm tra, giám sát về các vấn đề liên quan đến hệ thống kiểm soát nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công tác quản lý, điều hành hoạt động khi thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn hoặc chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn.
- Phối hợp với Khối Quản lý Tài chính làm việc với kiểm toán độc lập.
- Chỉ đạo, giám sát Trung tâm Kiểm toán nội bộ thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2020.
- Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2019 và báo cáo tài chính bán niên năm 2020.
- Thực hiện các công việc khác theo quy định.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC:

Phối hợp theo Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị, mã số QC.BM.006 ngày 23/4/2019.

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH



Ông **NGUYỄN HOÀNG LINH**
Tổng Giám đốc MSB,
Thành viên HĐQT

*Thạc sỹ kinh tế
Đại học Bách Khoa Hà Nội*

Ông Nguyễn Hoàng Linh có hơn 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong các ngân hàng tại Việt Nam như: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc PVCcombank, Tổng Giám đốc Western Bank, Tổng Giám đốc Ngân hàng Việt Á,... Tại MSB, ông đã trải qua hơn 15 năm công tác và được tin tưởng giao phó nhiều trọng trách như: Giám đốc MSB Hồ Chí Minh, Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Chiến lược, Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Bán lẻ. Từ tháng 03/2020, ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc MSB. Từ tháng 09/2020, ông được bầu là thành viên Hội đồng Quản trị MSB nhiệm kỳ 2018-2021

Ông **NGUYỄN THẾ MINH**
Phó Tổng Giám đốc MSB,
TGD NH Doanh nghiệp

*Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng
Đại học ESCP và Paris Dauphine, Pháp*

Ông Nguyễn Thế Minh có 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng và từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại các ngân hàng uy tín như: Giám đốc Khối MME, Giám đốc Miền Bắc - HSBC Việt Nam; Giám đốc cao cấp Khối Doanh nghiệp & các dự án tài chính - Calyon Việt Nam... Từ tháng 4/2015, ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc MSB kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp lớn. Tháng 01/2019, ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc MSB kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp. Tháng 01/2019, ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc MSB kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp.

Bà **NGUYỄN HƯƠNG LOAN**
Phó Tổng Giám đốc MSB,
TGD NH Định chế Tài chính

*Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Đại học Sorbonne Paris 1*

Bà Nguyễn Hương Loan gia nhập MSB từ năm 2009 với vai trò Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Nguồn vốn; Phó Tổng Giám đốc MSB kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp lớn & Định chế Tài chính kiêm Giám đốc Khối Thị trường tài chính. Hiện tại, bà giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc MSB kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Định chế tài chính.



Ông **OLIVER SCHWARZHAUPT**
Phó Tổng giám đốc MSB,
Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro

*Thạc sỹ Kinh tế,
Đại học Justus Liebig, Giessen, Đức*

Ông Oliver Schwarzhaupt đã có 27 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng và quản lý rủi ro. Ông từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng tại các tổ chức uy tín trên thế giới như: Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro (Al Khalij Bank), Phó Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro (Emirates NBD Group), Giám đốc Đánh giá Tiêu chuẩn (Commerzbank AG), Giám đốc Quản lý Rủi ro Tín dụng (DZ Bank). Ông Oliver đã đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Quản lý rủi ro tại MSB từ năm 2011 – 2013 và chính thức quay trở lại MSB vào tháng 8/2019 trên cương vị Phó Tổng giám đốc MSB kiêm Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro.

Bà **NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH**
Tổng Giám đốc
Ngân hàng Bán lẻ

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh đã có 18 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng, trong đó có 14 năm công tác tại MSB và được tin nhiệm đảm nhận nhiều vị trí quản lý khác nhau như: Giám đốc Trung tâm Kênh bán hàng và phân phối; Giám đốc Trung tâm Quản lý Phát triển Kinh doanh; Giám đốc Vùng 1, Phụ trách Phòng Huy động vốn thuộc MSB; Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển Kinh doanh – Khối Bán lẻ, VietinBank. Từ tháng 01/2020, bà Hạnh được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Bán lẻ. Từ tháng 12/2020 đến nay, bà giữ chức vụ Tổng Giám đốc Ngân hàng Bán lẻ.

Ông **BÙI ĐỨC QUANG**
Tổng Giám đốc
Ngân hàng Quản lý Tín dụng

Cử nhân Luật, Đại học Luật Hà Nội

Ông Bùi Đức Quang có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp luật (08 năm trong ngành ngân hàng). Trước đó, ông từng đảm nhiệm vị trí Giám đốc Xử lý nợ KHCN – Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB); Giám đốc Tổ tụng – Tập đoàn TNG, Thành viên Hội đồng cố vấn – Tập đoàn TNG. Tại MSB, ông từng đảm nhiệm vị trí Giám đốc Quản lý Tổ tụng & Mua bán nợ; Phó Giám đốc Phụ trách Khối Quản lý tín dụng; Chủ tịch Công ty MSB AMC và đảm nhiệm vị trí Quyền Giám đốc Khối Quản lý Tín dụng từ tháng 1/2020. Từ tháng 7/2020, ông Quang được bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Ngân hàng Quản lý Tín dụng.

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH



Bà **LẠI THANH MAI**
Giám đốc Khối Tư vấn
Pháp lý và Tuân thủ

*Luật sư, Cử nhân Luật,
Đại học Luật Hà Nội*

Bà Mai đã có hơn 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn pháp luật – tuân thủ trong hoạt động ngân hàng. Bà gia nhập MSB từ năm 1997, từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại MSB như: Trưởng Phòng Pháp chế, Trưởng Ban Thư ký Hội đồng Quản trị, Giám đốc Khối Pháp chế và Giám sát tuân thủ. Từ tháng 01/2019, bà được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Khối Tư vấn Pháp lý và Tuân thủ



Bà **ĐINH THỊ TỔ UYÊN**
Giám đốc Khối Chiến lược

*Cử nhân Kinh tế,
Đại học Ngoại thương Hà Nội*

Bà Đinh Thị Tố Uyên đã có gần 24 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Marketing & Truyền thông nắm giữ các vị trí cao cấp tại các tổ chức quốc tế trong và ngoài nước như: Giám đốc Marketing và Thương hiệu Techcombank; Giám đốc Marketing & Phát triển Kinh doanh British Petroleum; Trưởng Phòng Marketing Shell Gas Việt Nam... Từ tháng 5/2015, bà gia nhập MSB và giữ chức vụ Giám đốc Khối Marketing & Truyền thông. Từ tháng 02/2020, bà được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Khối Chiến lược.



Ông **NGUYỄN QUỐC KHÁNH**
Giám đốc Khối Công nghệ

*Tiến sỹ,
Đại học Western Sydney*

Ông Khánh đã có hơn 20 năm công tác trong lĩnh vực công nghệ thông tin ở trong và ngoài nước, với gần 15 năm đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo cấp cao như: Phó Giám đốc Trung tâm Công nghệ Thông tin - Vietcombank, Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin - PVcombank, Phó Tổng Giám đốc phụ trách công nghệ thông tin - Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC), Phó Trưởng ban phụ trách công nghệ thông tin – Ban Trù Bị PV Bank, Giám đốc Kỹ thuật - Công ty FPT Software... Đặc biệt, ông Khánh đã từng đảm nhiệm vị trí Giám đốc Khối Công nghệ tại MSB từ tháng 05/2009 đến tháng 10/2013 với nhiều đóng góp quan trọng. Từ tháng 4/2020, ông chính thức quay trở lại và đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Công nghệ tại MSB.



Bà **NGUYỄN HÀ THANH**
Giám đốc Khối Vận hành

*Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh,
Viện Công nghệ Châu Á – AIT*

Bà Nguyễn Hà Thanh đã có 25 năm kinh nghiệm làm việc tại các tổ chức Tài chính - Ngân hàng uy tín tại Việt Nam và đảm nhiệm những chức vụ quan trọng như: Phó Giám đốc Khối Vận hành, Techcombank; Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc Vận hành, Công ty Chứng khoán Morgan Stanley Gateway MSGS; Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc Vận hành, Công ty Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia IRS; Giám đốc Dịch vụ Quản lý Rủi ro Tín dụng, Ngân hàng Citibank... Từ cuối tháng 12/2020, bà gia nhập MSB và giữ chức vụ Giám đốc Khối Vận hành.



Ông **BRYAN PATRICK CARROLL**
Giám đốc Khối Ngân hàng Số

*Cử nhân Công nghệ Thông tin
Đại học Quốc gia Ireland, Ireland.
Cử nhân Khoa học chính trị
Đại học Cao đẳng Dublin, Ireland.*

Ông Bryan Patrick Carroll có 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ số hiện đại và từng giữ nhiều chức vụ cao cấp tại các tổ chức uy tín trên thế giới như: Giám đốc điều hành, Nhà đồng sáng lập - Công ty iConnect 101; Giám đốc Công nghệ, Giám đốc Thiết kế Giải pháp CNTT, Giám đốc Số hóa và Tích hợp - Ngân hàng Quốc gia Abu Dhabi; Giám đốc Kênh phân phối, Giám đốc Kênh số hóa & tích hợp, Giám đốc Giải pháp Công nghệ Thông tin, Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin - Ngân hàng Ireland; Giám đốc Công nghệ - ACB Bank; Tổng Giám đốc Điều hành - Rabobank International Support; Giám đốc Vận hành & Giám đốc Công nghệ Thông tin - Sitlite Inc. Tháng 3/2019, ông Bryan gia nhập MSB và được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Khối Ngân hàng số.



Bà **NGUYỄN THỊ THU HẰNG**
Giám đốc Khối Quản lý tài chính

*Cử nhân Kinh tế,
Đại học Thương mại*

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng đã có 20 năm công tác tại MSB và từng đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo cấp cao trong công tác quản lý tài chính của Ngân hàng như: Phó Giám đốc Khối Quản lý Tài chính; đồng thời kiêm nhiệm các vị trí như Giám đốc Trung tâm Quản trị Tài chính, Trưởng phòng Tài chính, Trưởng phòng Kế hoạch Ngân sách. Với kinh nghiệm và sự am hiểu hệ thống Tài chính của MSB, từ tháng 4/2020, bà Hằng được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Khối Quản lý tài chính.

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH



Ông **DƯƠNG NGỌC DŨNG**
Giám đốc Khối Marketing
và Truyền thông

Cử nhân Luật Kinh tế

Ông Dương Ngọc Dũng đã có hơn 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Marketing, Truyền thông và Thương hiệu. Ông từng giữ nhiều chức vụ quan trọng tại các Ngân hàng, tổ chức tài chính uy tín tại Việt Nam như: Giám đốc Marketing và Truyền thông - Ngân hàng Hong Leong Việt Nam, Giám đốc Marketing và Truyền thông Ngân hàng Quốc tế, Giám đốc PR và Marketing - Ngân hàng Bản Việt và Công ty Chứng khoán Bản Việt, Giám đốc Marketing và Phát triển Kinh doanh - Công ty Cổ phần Sao Bắc Đẩu. Từ tháng 2/2020, ông gia nhập MSB và giữ chức vụ Giám đốc Khối Marketing và Truyền thông.

Ông **NGUYỄN NGỌC CƯƠNG**
Giám đốc Nhân sự

*Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh,
Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội*

Ông Nguyễn Ngọc Cương gia nhập MSB từ năm 2007 và từng đảm nhiệm các vị trí quản lý từ năm 2009 đến năm 2012 như: Giám đốc Quản lý Nghiệp vụ Nhân sự, Trưởng Phòng Chiến lược Phát triển Nhân tài, Phó Phòng Tiền lương và Phúc lợi. Từ năm 2012, ông công tác tại Công ty Cổ phần Quản trị Nguồn Nhân lực M-Talent với vị trí như Giám đốc Trung tâm Chiến lược Nhân sự và được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Công ty M-Talent từ năm 2015. Từ tháng 01/2020, ông được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Nhân sự MSB.

THÔNG TIN THAY ĐỔI NHÂN SỰ HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH NĂM 2020

- Ngày 01/01/2020, HĐQT Quyết định **Bổ nhiệm** chức vụ Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban Nhân sự đối với bà **Nguyễn Thu Trang**, đồng thời miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Nhân sự MSB theo QĐ 3868.NS/2019/QĐ-HĐQT
- Ngày 01/01/2020, HĐQT Quyết định **tiếp nhận và bổ nhiệm** ông Nguyễn Ngọc Cương giữ chức vụ Giám đốc Nhân sự MSB theo QĐ 3869.NS/2019/QĐ-HĐQT
- Ngày 15/01/2020, HĐQT Quyết định **bổ nhiệm** ông Nguyễn Hoàng Linh giữ chức vụ Quyền Tổng Giám đốc MSB theo QĐ 186.NS/2020/QĐ-HĐQT đồng thời miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc và thôi giao nhiệm vụ phụ trách điều hành Khối chiến lược với ông Huỳnh Bửu Quang theo QĐ 185.NS/2020/QĐ-HĐQT
- Ngày 17/02/2020, HĐQT Quyết định **bổ nhiệm** bà Đinh Thị Tố Uyên giữ chức vụ Giám đốc Khối chiến lược đồng thời thôi đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Marketing và Truyền thông theo Quyết định số 585.NS/2020/QĐ-HĐQT
- Ngày 17/02/2020, HĐQT Quyết định **tiếp nhận và bổ nhiệm** ông Dương Ngọc Dũng giữ chức vụ Giám đốc Khối Khối Marketing và Truyền thông theo Quyết định số 586.NS/2020/QĐ-HĐQT;
- Ngày 23/03/2020, HĐQT Quyết định **bổ nhiệm** ông Nguyễn Hoàng Linh giữ chức vụ Tổng Giám đốc theo Quyết định số 1177.NS/2020/QĐ-HĐQT;
- Ngày 06/04/2020, HĐQT Quyết định **bổ nhiệm** ông Sai Prasad Tummapudi đảm nhiệm vai trò Thành viên chuyên trách Ủy ban Công nghệ, đồng thời thôi giữ chức vụ Giám đốc Khối Công nghệ theo Quyết định số 1385.NS/2020/QĐ-HĐQT
- Ngày 06/04/2020, HĐQT Quyết định **bổ nhiệm** ông Nguyễn Quốc Khánh giữ chức vụ Giám đốc Khối Công nghệ theo Quyết định số 1386.NS/2020/QĐ-HĐQT
- Ngày 15/04/2020, HĐQT Quyết định **bổ nhiệm** ông Nilesh Ratilal Banglorewala giữ chức vụ Kế toán trưởng đồng thời thôi đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Quản lý Tài chính theo Quyết định số 1555.NS/2020/QĐ-HĐQT
- Ngày 15/04/2020, HĐQT Quyết định **bổ nhiệm** bà Nguyễn Thị Thu Hằng giữ chức vụ Giám đốc Khối Quản lý Tài chính theo Quyết định số 1556.NS/2020/QĐ-HĐQT
- Ngày 20/07/2020, HĐQT Quyết định **bổ nhiệm** ông Bùi Đức Quang giữ chức vụ Tổng Giám đốc Ngân hàng Quản lý Tín dụng theo Quyết định số 3155.NS/2020/QĐ-HĐQT
- Ngày 02/11/2020, HĐQT Quyết định **Miễn nhiệm và chấm dứt Hợp đồng Lao động** đối với ông Nguyễn Phi Hùng, Phó Tổng Giám đốc MSB – Giám đốc Khối Vận hành theo Quyết định số 4529.NS/2020/QĐ-HĐQT;
- Ngày 15/12/2020, HĐQT Quyết định **bổ nhiệm** bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh giữ chức vụ Tổng Giám đốc Ngân hàng Bán lẻ theo Quyết định số 5468.NS/2020/QĐ-HĐQT
- Ngày 25/12/2020, HĐQT Quyết định **tiếp nhận và bổ nhiệm** bà Nguyễn Hà Thanh giữ chức vụ Giám đốc Khối Vận hành theo Quyết định số 5599.NS/2020/QĐ-HĐQT

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.

Phát triển toàn diện những năng lực thiết yếu cho nhà lãnh đạo trong sự liên kết với chiến lược kinh doanh của tổ chức là một nhiệm vụ quan trọng được Ban lãnh đạo MSB quan tâm chú trọng. Với mong muốn trang bị cho đội ngũ quản lý cấp cao những năng lực vượt trội để trở thành những “Nhà quản trị Tinh hoa”, trong năm 2019, MSB đã phối hợp cùng đơn vị tư vấn quốc tế để tổ chức và triển khai Chương trình Đào tạo MSB Leaders’ Pitstop để nâng cao toàn diện năng lực cho các cán bộ quản lý điều hành của Ngân hàng. Tiếp nối thành công của chương trình này, trong năm 2020, MSB đã và đang xây dựng chương trình đào tạo lãnh đạo cấp cao trên cơ sở đánh giá năng lực sẵn có của cán bộ và nhu cầu thực tế để triển khai vào nửa cuối năm 2020.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS, BGD



THÔNG TIN VỀ TỶ LỆ CỔ PHẦN NẴM GIỮ CỦA NGƯỜI NỘI BỘ TẠI NGÀY 31/12/2020

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Hội đồng quản trị				
1	Trần Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	1.932.023	0,164%
2	Nguyễn Thị Thiên Hương	Phó Chủ tịch HĐQT	0	0
3	Nguyễn Hoàng An	Phó Chủ tịch HĐQT	32.400	0,003%
4	Trần Xuân Quảng	Thành viên HĐQT	0	0
5	Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc Người đại diện theo Pháp luật	0	0
6	Lê Thị Liên	Thành viên độc lập HĐQT	280.300	0,024%
Ban kiểm soát				
1	Bà Phạm Thị Thành	Trưởng Ban kiểm soát	21.604	0,002%
2	Bà Lê Thanh Hà	Thành viên Ban kiểm soát	21.205	0,002%
3	Bà Chu Thị Đàm	Thành viên Ban kiểm soát	0	0
Hội đồng Điều hành				
1	Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0	0
2	Ông Nguyễn Thế Minh	Phó Tổng Giám đốc	0	0
3	Bà Nguyễn Hương Loan	Phó Tổng Giám đốc	0	0
4	Ông Oliver Schwarzhaupt	Phó Tổng Giám đốc	0	0

THÔNG TIN GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MSB CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Trong năm 2020, số lượt và khối lượng giao dịch của cổ phiếu MSB của cổ đông là người nội bộ và người liên quan của người nội bộ như sau:

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu trước giao dịch		Số cổ phiếu sở hữu sau giao dịch		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu (CP)	Tỷ lệ	Số cổ phiếu (CP)	Tỷ lệ	
1	Bà Nguyễn Hương Loan	Phó Tổng giám đốc	195.933	0,02%	0	0%	Bán
2	Bà Phạm Mỹ Thu	Em gái của Trưởng Ban Kiểm soát MSB	500	0,00%	0	0%	Mua, bán

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC LỢI ÍCH KHÁC VÀ CHI PHÍ CHO TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, TGD

- Thù lao của HĐQT, BKS và TGD thực hiện theo quy chế tiền lương của MSB và Nghị quyết phê duyệt của ĐHCĐ thường niên năm 2019
- Tham khảo Báo cáo tài chính hợp nhất 2020 - phần thuyết minh số 40 “Các Giao dịch và số dư chủ yếu của các bên liên quan”



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN MSB

2021



MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2021

- Triển khai đồng bộ định vị giá trị khác biệt của 3 nhóm Phân khúc khách hàng thuộc Ngân hàng bán lẻ, 3 nhóm Phân khúc thuộc Ngân hàng Doanh nghiệp tiêu chuẩn. Bên cạnh đó, xây dựng mô hình kênh bán và dịch vụ hỗ trợ tối ưu công việc bán của Cán bộ bán hàng.
- Hoạt động bán chéo bảo hiểm sẽ là một trong những mảng nghiệp vụ được MSB tập trung phát triển. Năm 2021, Ngân hàng lựa chọn và ký hợp đồng bán sản phẩm Bancassurance với đối tác bảo hiểm nhân thọ trong dài hạn, dự kiến hoạt động này sẽ tạo một nguồn thu ngoài lãi tăng trưởng đều 30% qua các năm cho MSB.
- Định hướng khách hàng Doanh nghiệp hướng sang tệp ngành nghề Y tế, giáo dục, năng lượng tái tạo, các dự án xanh và hỗ trợ phát triển bền vững.
- Hoàn thiện các tính năng của hệ thống Kết nối chuỗi “Supply Chain Financing”, khởi động ứng dụng “Merchant app” kết nối giữa Khách hàng doanh nghiệp tiêu chuẩn và Doanh nghiệp nhỏ với hệ sinh thái mà MSB đang khai tạo. Đồng hành với đó là kết nối với các chuỗi khách hàng Doanh nghiệp hợp tác.
- Số hóa hành trình chào đón khách hàng Doanh nghiệp tiêu chuẩn (SME) mới & hành trình tín dụng của Khách hàng cá nhân. Xây dựng virtual sales support và các công cụ hỗ trợ bán hàng.
- Thiết lập Nhà máy số “Digital factory” và khởi động quá trình số hóa hành trình khách hàng.
- Thiết lập các Trung tâm Phân tích và ra mắt mô hình thử nghiệm đầu tiên.
- Triển khai quy mô hóa các mô hình phân tích ứng dụng cho 36 tháng tiếp theo.
- Tập trung đầu tư cho nhân sự, tìm kiếm và giữ chân nhân tài với các chế độ đãi ngộ ưu việt, vươn tới mục tiêu trở thành ngân hàng có môi trường lao động cân bằng và hiệu quả nhất.
- Mục tiêu tài chính 2021:

STT	Nội dung	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	So sánh KH2021/TH2020
1	Tổng tài sản	176.698	190.000	108%
2	Vốn huy động từ thị trường I và trái phiếu huy động vốn	99.222	114.105	115%
3	Dư nợ tín dụng (bao gồm dư nợ Cho vay cá nhân và TCKT, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp) (*)	84.966	106.208	125%
4	Tỷ lệ nợ xấu (nhóm 3-5)	1,62%	<3%	
5	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	2.523	3.280	130%
6	Thù lao chi phí HĐQT và BKS	20,3	25,3	125%
7	Vốn điều lệ	11.750	15.275	130%
8	Tỷ lệ chi lợi tức cổ phần (**)	30%	≥15%	

(*) Thực hiện theo tỷ lệ được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép theo chính sách điều hành từng thời kỳ.

(**) Thực hiện sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phê duyệt và chấp thuận.

MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DÀI HẠN

MSB tập trung phát triển trong thời gian tới với 05 trụ cột ưu tiên:

- **THẤU HIỂU KHÁCH HÀNG:** Tiếp tục hoàn thiện các gói giải pháp CVP, hoàn thiện mô hình dịch vụ và chăm sóc khách hàng.
- **KHAI THÁC CHUỖI & HỆ SINH THÁI:** Tận dụng môi trường đối tác nhằm tạo dựng chuỗi và hệ sinh thái giúp phát triển và thu hút khách hàng tiềm năng một cách nhanh chóng.
- **NÂNG CAO HIỆU SUẤT BÁN HÀNG:** Kết hợp nâng cao chất lượng đội ngũ bán & ứng dụng hệ thống, công cụ, số hóa.
- **TINH GỌN & SỐ HÓA:** Tái thiết kế hành trình trọn vẹn “từ số 0”, đầu tư nguồn lực số hóa mạnh mẽ hiệu quả.
- **BIG DATA & PHÂN TÍCH NÂNG CAO:** Quản trị dữ liệu xuyên suốt, ứng dụng phân tích nâng cao trong việc ra quyết định

THÔNG TIN CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM CHUẨN BỊ TRIỂN KHAI

1. Đầu tư hệ thống Core-banking mới:

- Mục tiêu: Xây dựng một nền tảng core banking hiện đại, áp dụng những công nghệ mới nhất tương thích với thế giới số hiện nay, thiết kế theo chuẩn mở, mềm dẻo, linh hoạt, khả năng tự làm chủ cao và chi phí thấp để hỗ trợ chiến lược chuyển đổi số của MSB trong giai đoạn 2020 - 2025 đạt được các mục tiêu trọng tâm.
- Dự án được khởi tạo trong 06 tháng và triển khai trong 18 – 24 tháng với phương pháp big-bang.
- Dự kiến điều động nhân sự thành 03 giai đoạn: Phân tích – thiết kế, triển khai và chạy thử/ Golive. Số lượng nhân sự cho từng giai đoạn dự kiến lần lượt là 80 – 120 – 1000 nhân sự toàn thời gian.

2. Xây dựng nhà máy số:

- Mục tiêu: Với tầm nhìn trở thành Một trong những ngân hàng đi đầu về Nâng cao trải nghiệm Khách hàng, MSB định hướng dài

hạn với chiến lược Số hóa từng phần Ngân hàng hiện hữu. Bước khởi đầu cho Định hướng chiến lược dài hạn này là Xây dựng một nhà máy số “Digital Factory” với tham vọng:

- + Chuyển dịch từ những công việc thủ công, giấy tờ đang tốn quá nhiều thời gian trở thành quá trình trình số hóa trọn vẹn (End-to-end) triển khai tức thì.
- + Chuyển dịch từ Quy trình hệ thống cứng nhắc, phức tạp thành những quy trình dựa trên hành trình khách hàng được tái thiết kế sao cho hoàn tất từ đầu đến cuối.
- + Chuyển dịch từ một vài quy trình đưa ra quyết định theo ý kiến cá nhân sang việc tự động đưa ra được quyết định dựa vào cơ sở dữ liệu và máy học “machine learning”.
- + Chuyển dịch từ cách thức triển khai công việc truyền thống (Waterfall) sang cách thức triển khai công việc linh hoạt, thực nghiệm (Agile).
- + Chuyển dịch từ những văn hóa mang tính chất lỗi thời sang Văn hóa số phù hợp với những thay đổi nhanh chóng của môi trường nói chung và thị trường nói riêng.

- Dự án triển khai với cách thức làm việc chuẩn văn hóa số và dần lan tỏa văn hóa số tới toàn bộ ngân hàng MSB. Với ba cách thức được đề ra:

- + Nhận diện, chọn lọc và sắp xếp ưu tiên các hành trình khách hàng trọn vẹn và then chốt nhằm chuyển đổi thành công từ trải nghiệm của khách hàng tới năng suất của cán bộ nhân viên.
- + Thấm nhuần phương thức “làm việc số” trong ADN của Ngân hàng. Thiết lập một văn hóa hướng đến hiệu quả và xây dựng năng lực liên tục.
- + Tuyển dụng, phát triển các nhân tài số và phân tích trọng yếu.

3. Các dự án trọng điểm tại Văn phòng chuyển đổi CMO:

- Dự án Nâng cấp hệ thống Định giá với mục đích tối ưu hóa hoạt động định giá tài sản bảo đảm là bất động sản của MSB và nâng cao hiệu quả hoạt động vận hành định giá. Với phương thức thực hiện là cộng tác với CEN Group, dự án với tham vọng làm giàu dữ liệu về thông tin Bất động sản và giảm thiểu tối đa thời gian cho hoạt động định giá tại MSB – qua đó giúp Cán bộ nhân viên Nâng cao hiệu suất làm việc và nâng cao trải nghiệm của Khách hàng sử dụng sản phẩm Tín dụng có Tài sản bảo đảm của Ngân hàng.
- Dự án tối ưu hóa Quy trình vận hành tín dụng với mục đích chuẩn hóa luồng Quy trình tín dụng trong công việc vận hành và thiết lập hệ thống xuyên suốt trong toàn bộ quá trình xử lý của nghiệp vụ. Trong 2020 và 2021, Ngân hàng đã và đang triển khai tự động hóa hoạt động nhập liệu và sinh văn bản trong Quy trình tín dụng.
- Dự án Nâng suất lao động chuẩn cho các Khối Hỗ trợ trực tiếp trong Quy trình tín dụng nhằm chuẩn hóa yêu cầu của các vị trí, kích lệ tinh thần làm việc của CBNV thông qua cơ chế chi thưởng (Incentives) và tìm kiếm cơ hội tối ưu hóa nguồn lực.
- Sau cùng nhưng không kém phần quan trọng là dự án cho Khách hàng Doanh nghiệp. Dự án với mục tiêu tham vọng giúp MSB trở thành ngân hàng đi đầu trong việc phục vụ Khách hàng Doanh nghiệp với giải pháp số hóa hành trình đăng ký.



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam Thông tin về Ngân hàng

Giấy phép Hoạt động số 0001/NH-GP ngày 8 tháng 6 năm 1991

Giấy phép hoạt động Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn 99 năm kể từ ngày cấp và được bổ sung gần nhất theo Quyết định số 1697/QĐ-NHNN ngày 14 tháng 8 năm 2019.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0200124891 ngày 1 tháng 7 năm 2005

Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần thứ 23 ngày 1 tháng 4 năm 2020. Giấy chứng nhận kinh doanh đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Anh Tuấn Bà Nguyễn Thị Thiên Hương Ông Nguyễn Hoàng An Ông Huỳnh Bửu Quang	Chủ tịch Phó Chủ tịch Phó Chủ tịch Phó Chủ tịch thường trực <i>(từ ngày 1/2/2020 đến ngày 25/9/2020)</i>
	Ông Nguyễn Hoàng Linh Ông Trần Xuân Quảng Bà Lê Thị Liên	Thành viên Thành viên Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát	Bà Phạm Thị Thành Bà Chu Thị Đàm Bà Lê Thanh Hà	Trưởng ban Thành viên Thành viên
----------------------	---	--

Ban Điều hành	Ông Nguyễn Hoàng Linh	Tổng Giám đốc <i>(từ ngày 23/3/2020)</i> Quyền Tổng Giám đốc - phụ trách Ngân hàng bán lẻ <i>(từ ngày 1/2/2020 đến ngày 22/3/2020)</i>
	Ông Nguyễn Thế Minh	Phó Tổng Giám đốc - Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp
	Bà Nguyễn Hương Loan	Phó Tổng Giám đốc - Tổng Giám đốc Ngân hàng Định chế Tài chính
	Ông Nguyễn Phi Hùng	Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Khối Vận hành <i>(đến ngày 2/11/2020)</i>

Ông Oliver Schwarzhaupt	Phó Tổng Giám đốc- Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Tổng Giám đốc Ngân hàng Bán lẻ (từ ngày 15/12/2020)
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Giám đốc Khối Quản lý Tài chính (từ ngày 15/4/2020)
Ông Nilesh Ratilal Banglorewala	Giám đốc Khối Quản lý Tài chính (đến ngày 14/4/2020)
Bà Đinh Thị Tố Uyên	Giám đốc Khối Chiến lược
Bà Lại Thanh Mai	Giám đốc Khối Tư vấn Pháp lý và Tuân thủ
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Giám đốc Nhân sự
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Giám đốc Khối Công nghệ (từ ngày 6/4/2020)
Ông Sai Prasad Tummapudi	Giám đốc Khối Công nghệ (đến ngày 5/4/2020)
Ông Bryan Patrick Carroll	Giám đốc Khối Ngân hàng Số
Ông Dương Ngọc Dũng	Giám đốc Khối Marketing và Truyền thông
Ông Bùi Đức Quang	Tổng Giám đốc Ngân hàng Quản lý Tín dụng (từ ngày 20/7/2020)
	Quyền Giám đốc Khối Quản lý Tín dụng (từ ngày 1/1/2020 đến ngày 19/7/2020)
Bà Nguyễn Hà Thanh	Giám đốc Khối Vận hành (từ ngày 25/12/2020)
Người đại diện theo pháp luật	Ông Nguyễn Hoàng Linh Tổng Giám đốc
Trụ sở đăng ký	54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam Báo cáo của Ban Điều Hành

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng và các công ty con (gọi chung là “MSB”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành Ngân hàng cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho MSB có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động.

Theo ý kiến của Ban Điều hành Ngân hàng:

(a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 85 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của MSB tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của MSB cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Ngân hàng cho rằng Ngân hàng hoặc các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Điều hành



Nguyễn Hoàng Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam (“Ngân hàng”) và các công ty con (gọi chung là “MSB”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 2 năm 2021, được trình bày từ trang 6 đến trang 85.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của MSB liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của MSB. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 3(g)(v) của báo cáo tài chính hợp nhất trong đó có mô tả MSB trích lập dự phòng cụ thể cho các trái phiếu đặc biệt do Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (“trái phiếu VAMC”) phát hành từ năm 2015 đến năm 2017 theo Công văn số 9924/NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2016 và Công văn số 1164/NHNN-TTGSNH.m do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 25 tháng 12 năm 2018. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, MSB đã tất toán toàn bộ trái phiếu VAMC. Vấn đề này không ảnh hưởng tới ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-02-00036-21-2



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0557-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2021

Phạm Thị Thuỳ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3065-2019-007-1

	Thuyết minh	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
A. TÀI SẢN			
I. Tiền mặt, vàng	4	2.204.642	2.495.237
II. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”)	5	1.850.921	4.070.948
III. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng (“TCTD”) khác	6	16.977.765	20.578.997
1. Tiền gửi tại các TCTD khác		14.730.353	18.556.328
2. Cho vay các TCTD khác		2.247.412	2.135.589
3. Dự phòng rủi ro		-	(112.920)
IV. Chứng khoán kinh doanh	7	21.050	55.796
1. Chứng khoán kinh doanh		39.287	127.927
2. Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(18.237)	(72.131)
VI. Cho vay khách hàng		78.497.568	62.708.342
1. Cho vay khách hàng	9	79.340.579	63.594.389
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(843.011)	(886.047)
VII. Hoạt động mua nợ	11	-	8.693
1. Mua nợ		3.750	9.150
2. Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(3.750)	(457)
VIII. Chứng khoán đầu tư	12	55.676.927	45.635.748
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		55.845.414	44.572.060
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		-	1.533.388
3. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(168.487)	(469.700)
IX. Góp vốn, đầu tư dài hạn	13	22.036	10.036
1. Đầu tư dài hạn khác		22.036	10.036
X. Tài sản cố định		308.751	330.514
1. Tài sản cố định hữu hình	14	127.909	161.256
a. Nguyên giá		700.273	744.401
b. Giá trị hao mòn lũy kế		(572.364)	(583.145)
3. Tài sản cố định vô hình	15	180.842	169.258
a. Nguyên giá		468.203	503.315
b. Giá trị hao mòn lũy kế		(287.361)	(334.057)
XI. Bất động sản đầu tư	16	1.032.510	1.059.826
a. Nguyên giá		1.253.600	1.253.600
b. Giá trị hao mòn lũy kế		(221.090)	(193.774)
XII. Tài sản Có khác	17	20.105.455	20.023.809
1. Các khoản phải thu		13.398.020	11.253.773
2. Các khoản lãi, phí phải thu		2.640.237	4.028.547
3. Tài sản thuế TNDN hoãn lại		46	-
4. Tài sản Có khác		5.161.649	5.527.754
<i>Trong đó: Lợi thế thương mại</i>		45.071	55.054
5. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(1.094.497)	(786.265)
TỔNG TÀI SẢN		176.697.625	156.977.946

	Thuyết minh	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
B. NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
NỢ PHẢI TRẢ			
I. Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	18	20.734	24.040
II. Tiền gửi và vay các TCTD khác	19	56.025.723	47.017.860
1. Tiền gửi của các TCTD khác		22.447.288	19.211.556
2. Vay các TCTD khác		33.578.435	27.806.304
III. Tiền gửi của khách hàng	20	87.510.188	80.872.643
IV. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	8	52.030	7.416
VI. Phát hành giấy tờ có giá	21	11.711.474	8.972.781
VII. Các khoản nợ khác	22	4.502.657	5.219.685
1. Các khoản lãi, phí phải trả		1.577.833	2.127.704
3. Các khoản phải trả và công nợ khác		2.924.824	3.091.981
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		159.822.806	142.114.425
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
VIII. Vốn và các quỹ	23	16.874.819	14.863.521
1. Vốn		11.109.953	11.109.953
a. Vốn điều lệ		11.750.000	11.750.000
b. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản		608	608
c. Thặng dư vốn cổ phần		400.000	400.000
d. Cổ phiếu quỹ		(1.040.655)	(1.040.655)
2. Các quỹ của TCTD		989.453	834.121
3. Lợi nhuận chưa phân phối		4.775.413	2.919.447
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		16.874.819	14.863.521
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		176.697.625	156.977.946

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
1. Bảo lãnh vay vốn	38	41.411	46.936
2. Cam kết giao dịch hối đoái	38	192.588.581	169.112.602
Cam kết mua ngoại tệ		5.973.601	5.080.530
Cam kết bán ngoại tệ		5.973.649	5.079.498
Cam kết giao dịch hoán đổi		180.641.331	158.952.574
4. Cam kết trong nghiệp vụ L/C	38	5.774.141	4.450.564
5. Bảo lãnh khác	38	8.889.537	5.504.802
6. Các cam kết khác	38	8.854.611	9.436.628

Ngày 28 tháng 2 năm 2021

Người lập

Nguyễn Bảo Ngọc
Giám đốc Kế toán tổng hợp

Phùng Thùy Nhung
Kế toán trưởng

Người duyệt



Nguyễn Hoàng Linh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

	Thuyết minh	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	24	10.019.692	8.594.805
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	25	(5.197.303)	(5.532.701)
I. Thu nhập lãi thuần		4.822.389	3.062.104
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		1.139.289	801.506
4. Chi phí hoạt động dịch vụ		(318.619)	(279.253)
II. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	26	820.670	522.253
III. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	27	269.999	155.449
IV. (Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	28	(8.433)	3.447
V. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	29	560.927	150.457
5. Thu nhập từ hoạt động khác		921.833	930.058
6. Chi phí hoạt động khác		(205.094)	(151.220)
VI. Lãi thuần từ hoạt động khác	30	716.739	778.838
VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		189	42.606
VIII. Chi phí hoạt động	31	(3.585.922)	(2.502.184)
IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		3.596.558	2.212.970
X. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	32	(1.073.244)	(925.148)
XI. Tổng lợi nhuận trước thuế		2.523.314	1.287.822
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		(512.216)	(244.262)
8. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		46	-
XII. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")	33	(512.170)	(244.262)
XIII. Lợi nhuận sau thuế		2.011.144	1.043.560
XIV. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	34	1.872	971

Ngày 28 tháng 2 năm 2020

Người lập

Nguyễn Bảo Ngọc
Giám đốc Kế toán tổng hợp

Phùng Thùy Nhung
Kế toán trưởng

Người duyệt



Nguyễn Hoàng Linh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	11.407.201	7.705.221
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(5.747.173)	(4.728.308)
3. Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ nhận được	821.472	521.023
4. Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, vàng và chứng khoán	845.853	734.379
5. (Chi phí khác)/thu nhập khác	(265.190)	72.516
6. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	471.329	479.676
7. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý	(2.558.239)	(2.342.911)
8. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(398.922)	(342.121)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động	4.576.331	2.099.475
Những thay đổi về tài sản hoạt động	(28.600.235)	(16.759.689)
9. Giảm tiền gửi và cho vay các TCTD khác	114.027	3.232.227
10. Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán	(9.857.848)	(4.437.904)
12. Tăng các khoản cho vay khách hàng	(15.740.617)	(14.799.148)
13. Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản tín dụng, chứng khoán, đầu tư	(1.349.952)	(1.751.198)
14. (Tăng)/giảm về tài sản hoạt động khác	(1.765.845)	996.334
Những thay đổi về nợ hoạt động	17.803.124	17.578.780
15. Giảm các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	(3.307)	(9.684.347)
16. Tăng tiền gửi và vay từ các TCTD khác	9.007.863	9.347.050
17. Tăng tiền gửi của khách hàng	6.637.546	17.343.872
18. Tăng phát hành giấy tờ có giá	2.738.693	557.803
19. Tăng/(giảm) các công cụ tài chính phát sinh và các khoản nợ tài chính khác	44.614	(154.876)
20. (Giảm)/ Tăng khác về nợ hoạt động	(621.570)	169.471
21. Chi từ các quỹ của TCTD	(715)	(193)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	(6.220.780)	2.918.566
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Mua sắm tài sản cố định	(87.514)	(124.264)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.851	99.933
3. Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	(15)	-
4. Tiền chi mua sắm bất động sản đầu tư	-	(1.750)
8. Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	194.522	-
9. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	189	42.606
II. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	110.033	16.525

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
04. Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	-	(15)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	-	(15)
IV. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	(6.110.747)	2.935.076
V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM	24.896.663	21.961.587
VII. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM (Thuyết minh 35)	18.785.916	24.896.663

Ngày 28 tháng 2 năm 2021

Người lập



Nguyễn Bảo Ngọc
 Giám đốc Kế toán tổng hợp

Người duyệt



Phùng Thuỳ Nhung
 Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Linh
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(a) Thành lập và hoạt động

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam (“Ngân hàng”) là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động số 0001/NH-GP do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”) cấp ngày 8 tháng 6 năm 1991 và được bổ sung gần nhất theo Quyết định số 1697/QĐ-NHNN ngày 14 tháng 8 năm 2019. Thời gian hoạt động theo giấy phép là 99 năm.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng cho các tổ chức và cá nhân dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán, ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

(b) Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số vốn điều lệ của Ngân hàng là 11.750.000 triệu Việt Nam Đồng (31/12/2019: 11.750.000 triệu Việt Nam Đồng). Ngân hàng đã phát hành 1.175 triệu cổ phiếu phổ thông, với mệnh giá của mỗi cổ phiếu là 10.000 Việt Nam Đồng.

(c) Địa điểm và mạng lưới hoạt động

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, sáu mươi hai (62) chi nhánh, hai trăm lẻ một (201) phòng giao dịch (31/12/2019: một (1) Hội sở chính, sáu mươi hai (62) chi nhánh, hai trăm mười sáu (216) phòng giao dịch).

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm kết thúc cùng ngày bao gồm báo cáo tài chính của Ngân hàng và các công ty con (sau đây gọi chung là “MSB”).

Tại ngày báo cáo, Ngân hàng có hai (2) công ty con như sau:

Tên công ty	Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng
Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (“MSB AMC”)	0200124891-027 cấp lần đầu ngày 12 tháng 12 năm 2008 và thay đổi lần thứ 12 ngày 11 tháng 9 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100%
Công ty Tài chính TNHH MTV Cộng đồng (“FCCOM”)	0301516782 cấp lần đầu ngày 1 tháng 12 năm 2010 và thay đổi lần 4 ngày 6 tháng 8 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp	Hoạt động dịch vụ tài chính khác	100%

(*) Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 19.19.01/2020/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 12 năm 2020 đã công bố thông tin việc chuyển nhượng toàn bộ giá trị phần vốn góp của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam tại Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam để thoái vốn, tái cơ cấu danh mục đầu tư. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Ngân hàng và các công ty con (gọi chung là “MSB”).

(d) Tổng số nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, MSB có: 4.944 nhân viên (31/12/2019: 4.953 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực và quy định pháp lý có liên quan này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và các chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của MSB theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của MSB là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của MSB là Đồng Việt Nam (“VND”). Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”) được làm tròn đến hàng triệu đồng gần nhất (“triệu VND”).

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được MSB áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của MSB. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư giao dịch nội bộ và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được điều chỉnh khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

(iii) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho MSB. Sự kiểm soát tồn tại khi MSB có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Tp Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN

ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản lợi thế thương mại nào phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của MSB trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (xem Thuyết minh 3(r)). Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp tất cả thông tin có tại ngày mua.

(b) Ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay (đối với vàng quy đổi theo tỷ giá bình quân mua và bán vàng) của Ngân hàng tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán nếu tỷ giá này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 tại Thuyết minh 49). Trường hợp tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán thì MSB sử dụng tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán để quy đổi.

Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao ngay tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của MSB được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao ngay vào ngày phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận trong vốn chủ sở hữu. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo tài chính hợp nhất về các khoản nợ phải trả, tài sản và việc trình bày các khoản nợ phải trả và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm. Mặc dù các ước tính kế toán được thiết lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá khác đủ điều kiện chiết khấu, tiền gửi tại các Tổ chức tín dụng khác với kỳ hạn gốc đến ngày đáo hạn không quá ba tháng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng.

Vàng được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo giá mua bình quân của ít nhất 3 tổ chức kinh doanh vàng có uy tín. Chênh lệch do đánh giá lại vàng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(e) Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại các Tổ chức tín dụng ("TCTD") khác, trừ tiền gửi thanh toán, là tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn gốc không quá ba tháng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Tp Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN

ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Cho vay các TCTD khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc từ 3 tháng đến 12 tháng.

Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác được phản ánh theo số dư gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng. Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 02") và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02 ("Thông tư 09") có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 6 năm 2014. Theo đó, MSB trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp nêu tại thuyết minh 3(j)(ii).

Theo Thông tư 02, MSB không phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác.

(f) Chứng khoán kinh doanh**(i) Phân loại và ghi nhận**

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn hoặc có bằng chứng về việc kinh doanh các chứng khoán đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn, MSB ghi nhận chứng khoán kinh doanh vào ngày MSB trở thành một bên đối tác của hợp đồng cung cấp các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

(ii) Đo lường

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh. Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng rủi ro tín dụng được trích lập đối với chứng khoán nợ kinh doanh là trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết. Dự phòng rủi ro tín dụng được trích lập theo quy định của Thông tư 02 và 09 như trình bày tại Thuyết minh 3(j)(ii).

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập khi giá trị đầu tư thực tế của khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh đang hạch toán trên sổ kế toán bị suy giảm so với giá thị trường.

Đối với các loại chứng khoán kinh doanh vốn đã niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trường hợp chứng khoán đã niêm yết trên thị trường mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, hoặc chứng khoán bị hủy niêm yết hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch tại ngày trích lập dự phòng, mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh được xác định như các khoản đầu tư khác tại Thuyết minh 3(h)(ii).

Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (Upcom), giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm, mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh được xác định như các khoản đầu tư khác tại Thuyết minh 3(h)(ii).

Đối với trái phiếu Chính phủ, giá trái phiếu thực tế trên thị trường là bình quân các mức giá được nhà tạo lập thị trường, là các ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán được Bộ Tài chính công bố và lựa chọn, cam kết chào giá chắc chắn trong phiên chào giá. Trường hợp không có mức giá chào cam kết chắc chắn nêu trên, giá trái phiếu thực tế trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm, MSB không thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư này.

Đối với trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu chính phủ bảo lãnh và trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch, giá trái phiếu trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trường

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Tp Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN

ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm, MSB không thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư này.

Đối với chứng khoán vốn chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch, mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh được xác định như dự phòng cho các khoản đầu tư khác tại Thuyết minh 3(h)(ii).

Trong trường hợp không có thông tin được xác định một cách đáng tin cậy để trích lập dự phòng các khoản đầu tư theo Thuyết minh 3(h)(ii), MSB không thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản này.

Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá chứng khoán hoặc giá trị có thể thu hồi của chứng khoán kinh doanh tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

Thu nhập từ lãi của chứng khoán nợ và chứng khoán vốn kinh doanh sau ngày mua được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi nhận được. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi MSB mua chứng khoán nợ kinh doanh sẽ được ghi giảm giá gốc khi nhận được.

(iii) Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc MSB đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(g) Chứng khoán đầu tư**(i) Phân loại**

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. MSB phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua là chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán hoặc chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, MSB được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi phân loại lần đầu tại thời điểm mua.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, mà MSB có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

(ii) Ghi nhận

MSB ghi nhận chứng khoán đầu tư vào ngày MSB trở thành một bên đối tác của hợp đồng cung cấp các chứng khoán này (kế toán theo ngày giao dịch).

(iii) Đo lường**Chứng khoán vốn**

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, phí ngân hàng (nếu có). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá đang ghi nhận trên sổ sách và giá thị trường với số lỗ giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đối với các loại chứng khoán vốn đã niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Tp Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN

ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trường hợp chứng khoán đã niêm yết trên thị trường mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, hoặc chứng khoán bị hủy niêm yết hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch tại ngày trích lập dự phòng, mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán vốn được xác định như các khoản đầu tư khác tại Thuyết minh 3(h)(i).

Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (Upcom), giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm, mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán vốn được xác định như các khoản đầu tư khác tại Thuyết minh 3(h)(ii).

Đối với chứng khoán vốn chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch, mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán vốn được xác định như dự phòng cho các khoản đầu tư khác tại Thuyết minh 3(h)(ii).

Trong trường hợp không có thông tin được xác định một cách đáng tin cậy để trích lập dự phòng các khoản đầu tư theo Thuyết minh 3(h)(ii), MSB không thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản này.

Chứng khoán nợ

Chứng khoán nợ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán nợ được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng rủi ro. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn chứng khoán đó.

Chứng khoán nợ đầu tư sẵn sàng để bán đã niêm yết được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ trừ đi dự phòng giảm giá được tính theo giao dịch gần nhất tại Sở giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trường hợp chứng khoán đã niêm yết trên thị trường mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, hoặc chứng khoán bị hủy niêm yết hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch tại ngày trích lập dự phòng, mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán vốn được xác định như các khoản đầu tư khác tại Thuyết minh 3(h)(ii).

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư sẵn sàng để bán của doanh nghiệp chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của các trái phiếu này được thực hiện theo chính sách áp dụng đối với các khoản cho vay khách hàng như được đề cập trong Thuyết minh 3(j).

Các khoản chứng khoán nợ chưa niêm yết còn lại (không bao gồm chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư sẵn sàng để bán của doanh nghiệp chưa niêm yết) được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá được xác định theo giá trị thị trường của chứng khoán. Trong trường hợp không có giá trị thị trường của chứng khoán hoặc giá thị trường không thể được xác định một cách đáng tin cậy, các chứng khoán này sẽ được ghi nhận theo giá gốc.

Lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi MSB mua sẽ được ghi giảm giá gốc khi nhận được.

Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá chứng khoán hoặc giá trị có thể thu hồi của chứng khoán đầu tư tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

(iv) Dừng ghi nhận

Chứng khoán đầu tư được dừng ghi nhận khi các quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc MSB đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Tp Hà Nội, Việt Nam
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
 ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(v) Trái phiếu đặc biệt do Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”) phát hành

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của MSB.

MSB hạch toán nghiệp vụ mua bán nợ bằng trái phiếu đặc biệt theo các hướng dẫn trong Công văn số 8499/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 11 năm 2013 (“Công văn 8499”) và Công văn số 925/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 19 tháng 2 năm 2014 (“Công văn 925”). Trái phiếu đặc biệt này được phân loại là chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và sau đó được phản ánh theo mệnh giá trừ đi dự phòng rủi ro.

Cho mỗi khoản nợ xấu được bán cho VAMC, MSB nhận được tương ứng một trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành. Mệnh giá trái phiếu đặc biệt tương ứng với giá trị ghi sổ dư nợ gốc của khoản nợ xấu sau khi khấu trừ số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng cho khoản nợ xấu đó.

Khi hoàn thành thủ tục mua bán nợ xấu, MSB ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản nợ xấu, sử dụng dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng và tất toán tài khoản ngoại bảng theo dõi lãi chưa thu được của khoản nợ xấu đó. Đồng thời, MSB ghi nhận trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành vào tài khoản chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế (“TCKT”) trong nước phát hành được giữ đến ngày đáo hạn.

Đối với các trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, dự phòng cụ thể được tính và trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 6 tháng 9 năm 2013 quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của VAMC (“Thông tư 19”) và Thông tư số 14/2015/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 28 tháng 8 năm 2014 (“Thông tư 14”) và Thông tư số 08/2016/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 16 tháng 6 năm 2016 (“Thông tư 08”) về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 19. Theo đó, trái phiếu đặc biệt có kỳ hạn từ 5 năm đến 10 năm và dự phòng cụ thể tối thiểu phải trích lập mỗi năm là khoản chênh lệch dương giữa (Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt chia kỳ hạn của trái phiếu đó nhân với số năm lũy kế kể từ thời điểm phát hành) trừ (Tổng số tiền thu hồi nợ lũy kế của khoản nợ xấu tính đến thời điểm trích lập và số tiền dự phòng cụ thể lũy kế đã trích lập tính đến thời điểm trích lập liền trước của trái phiếu đó). Hàng năm, trong thời hạn 5 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày trái phiếu đặc biệt đến hạn, MSB phải trích lập đủ số dự phòng cụ thể nói trên.

Dự phòng rủi ro cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đối với các trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành từ năm 2015 đến năm 2017, MSB thực hiện trích lập dự phòng cụ thể theo Công văn số 9924/NHNN do NHNNVN ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2016 và Công văn số 1164/NHNN-TTGSNH.m do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 25 tháng 12 năm 2018 (“Công văn 1164”). Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, MSB đã tất toán toàn bộ trái phiếu VAMC.

MSB không phải trích lập dự phòng chung cho các trái phiếu đặc biệt này.

(h) Góp vốn, đầu tư dài hạn**(i) Đầu tư dài hạn khác**

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà MSB có từ 11% quyền biểu quyết trở xuống và MSB là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia hội đồng quản trị/ban điều hành nhưng MSB không có quyền kiểm soát hay ảnh hưởng đáng kể đối với đơn vị được đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản góp vốn đầu tư dài hạn khác có thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên một năm (ngoài các khoản góp vốn, đầu tư vào công ty con).

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

(ii) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế trong nước được lập trong trường hợp có cơ sở cho thấy giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của MSB. Dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu tại đơn vị nhận đầu tư trừ (-) vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư nhân (x) với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của MSB tại đơn vị đó.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Tp Hà Nội, Việt Nam
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
 ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư đó tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định trong trường hợp không phải lập dự phòng.

(i) Cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng. Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Các khoản cho vay được dừng ghi nhận khi quyền lợi theo hợp đồng của MSB đối với các dòng tiền phát sinh từ các khoản cho vay này chấm dứt, hay khi MSB chuyển giao các khoản vay này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với khoản vay được chuyển giao cho bên khác.

Riêng đối với các khoản cho vay được bán cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”), MSB tiến hành xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán theo các hướng dẫn trong Công văn số 8499/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 11 năm 2013 và Công văn số 925/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 19 tháng 2 năm 2014.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như trình bày tại Thuyết minh 3(j).

(j) Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng**(i) Phân loại nợ**

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng (gọi chung là “các khoản nợ”), các khoản nợ đã bán nhưng chưa thu được tiền được thực hiện theo phương pháp dựa trên yếu tố định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 02. Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ hàng quý dựa trên số dư nợ gốc tại ngày làm việc cuối cùng của mỗi quý (riêng đối với quý IV, việc phân loại dựa trên số dư nợ gốc tại ngày làm việc cuối cùng của tháng 11) cho mục đích trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.

(ii) Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể

Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 được xác định bằng số dư nợ gốc trừ đi giá trị tài sản bảo đảm đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng cho từng nhóm nợ tại ngày làm việc cuối cùng của tháng 11. Tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm nợ		Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	0%
2	Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.	5%

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Tp Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN

ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Nhóm nợ		Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	(a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc (c) Nợ được miễn, giảm lãi do khách hàng không có khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: • Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc • Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc • Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng. (e) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra.	20%
4	Nợ nghi ngờ	(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được.	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (g) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNNVN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.	100%

Đối với các khoản trả thay cam kết ngoại bảng, MSB phân loại nợ dựa trên số ngày quá hạn tính từ ngày MSB thực hiện nghĩa vụ theo cam kết:

- Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn: nếu quá hạn dưới 30 ngày;
- Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ: nếu quá hạn từ 30 ngày đến dưới 90 ngày;
- Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn: nếu quá hạn 90 ngày trở lên.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với MSB mà có bất kỳ khoản nợ bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì MSB buộc phải phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Khi MSB tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, MSB thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và của MSB.

MSB cũng thu thập kết quả phân loại nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng thuộc NHNNVN (“CIC”) cung cấp tại thời điểm

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Tp Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN

ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

phân loại nợ để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ. Trường hợp nợ và cam kết ngoại bảng của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, MSB điều chỉnh kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Từ ngày 13 tháng 3 năm 2020, MSB đã áp dụng Thông tư số 01/2020/TT-NHNN (“Thông tư 01”) do NHNN ban hành quy định về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19, theo đó các khoản nợ được phép cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại theo quy định của NHNN tại thời điểm gần nhất trước ngày 23 tháng 1 năm 2020. Thông tư 01 cho phép cơ cấu lại các khoản nợ phát sinh nghĩa vụ trả nợ trong khoảng thời gian từ ngày 23 tháng 1 năm 2020 đến ngày liền kề sau 3 tháng kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ công bố hết dịch Covid-19.

Tài sản đảm bảo là động sản, bất động sản và các tài sản đảm bảo không phải là vàng miếng, chứng khoán Chính phủ được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng khoán do doanh nghiệp hoặc tổ chức tín dụng khác phát hành có giá trị từ 50 tỷ VND trở lên đối với khoản nợ của khách hàng là người liên quan của Ngân hàng và các đối tượng khác theo quy định tại Điều 127 Luật các Tổ chức tín dụng và tài sản đảm bảo có giá trị từ 200 tỷ VND trở lên được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá. Đối với các trường hợp khác, tài sản đảm bảo được định giá theo quy định và quy trình nội bộ của MSB.

Tài sản đảm bảo nào không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 12, Khoản 3 của Thông tư 02 thì giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm đó phải xem như bằng không.

Tỷ lệ khấu trừ đối với tài sản đảm bảo được xác định như sau:

Loại tài sản đảm bảo	Tỷ lệ khấu trừ
(a) Tiền gửi của khách hàng bằng Đồng Việt Nam	100%
(b) Vàng miếng, trừ vàng miếng quy định tại điểm (i); tiền gửi của khách hàng bằng ngoại tệ	95%
(c) Trái phiếu Chính phủ, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá do chính tổ chức tín dụng phát hành; thẻ tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành: <ul style="list-style-type: none"> • Có thời hạn còn lại dưới 1 năm • Có thời hạn còn lại từ 1 năm đến 5 năm • Có thời hạn còn lại trên 5 năm 	95% 85% 80%
(d) Chứng khoán do các tổ chức tín dụng khác phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	70%
(e) Chứng khoán do doanh nghiệp khác phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	65%
(f) Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá, trừ các khoản quy định tại điểm c khoản này, do tổ chức tín dụng có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	50%
Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá, trừ các khoản quy định tại điểm c khoản này, do tổ chức tín dụng không có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	30%
(g) Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	30%
Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp không có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	10%

Loại tài sản đảm bảo	Tỷ lệ khấu trừ
(h) Bất động sản	50%
(i) Vàng miếng không có giá niêm yết, vàng khác và các loại tài sản bảo đảm khác	30%

(iii) Dự phòng rủi ro tín dụng chung

Theo Thông tư 02, một khoản dự phòng chung cũng được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư gốc tại ngày làm việc cuối cùng của quý hoặc tại ngày làm việc cuối cùng của tháng 11 đối với quý cuối cùng của kỳ kế toán năm của các khoản nợ trừ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn.

(iv) Xử lý nợ xấu

Nợ xấu là các khoản nợ thuộc các Nhóm 3,4,5. Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, các khoản cho vay khách hàng sẽ được xử lý bằng nguồn dự phòng khi được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi khách hàng vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức), hoặc khi khách hàng vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

Các khoản nợ đã được xử lý rủi ro bằng nguồn dự phòng được ghi nhận vào tài khoản ngoại bảng phù hợp để theo dõi và thu nợ. Số tiền thu được từ các khoản nợ đã xử lý rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thu được

(v) Dự phòng đối với các cam kết ngoại bảng

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, việc phân loại các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng. Không có dự phòng nào được lập cho các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng, trừ khi MSB được yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ trả thay theo hợp đồng bảo lãnh, trong trường hợp đó, khoản trả thay được phân loại và trích lập dự phòng theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(j).

(k) Các công cụ tài chính phái sinh

(i) Các hợp đồng ngoại hối

MSB ký kết các hợp đồng tiền tệ kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro tỷ giá đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của MSB.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để thanh toán bằng tiền tại một ngày trong tương lai dựa trên các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được đánh giá lại cho mục đích lập báo cáo tài chính theo tỷ giá tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán và được trình bày theo giá trị thuần trên bảng cân đối kế toán, Chênh lệch do đánh giá lại cuối kỳ được ghi nhận vào chênh lệch tỷ giá hối đoái trên bảng cân đối kế toán mỗi tháng và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vào thời điểm cuối kỳ kế toán năm hoặc khi đáo hạn hợp đồng; chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hiệu lực của các hợp đồng này.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết giữa hai bên, bao gồm hai giao dịch giao ngay, hoặc hai giao dịch kỳ hạn, hoặc một giao dịch giao ngay và một giao dịch kỳ hạn. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

(ii) Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Giá trị khoản vốn danh nghĩa trong các hợp đồng hoán đổi lãi suất một đồng tiền không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản thu nhập và chi phí phát sinh lãi phát sinh trên giá trị khoản vốn danh nghĩa được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

Đối với các hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền có hoán đổi gốc đầu kỳ, giá trị khoản vốn danh nghĩa được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như các cam kết hoán đổi tiền tệ. Các khoản thu nhập và chi phí lãi phát sinh trên giá trị khoản vốn danh nghĩa được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

Đối với các hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền không hoán đổi gốc đầu kỳ, giá trị khoản vốn danh nghĩa được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như các khoản cam kết kỳ hạn tiền tệ. Các khoản thu nhập và chi phí lãi phát sinh trên giá trị khoản vốn danh nghĩa được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(l) Hoạt động mua nợ

(i) Mua nợ

Giá trị khoản mua nợ được ghi nhận là một khoản cho vay/phải thu khác theo giá mua theo hợp đồng. Khoản tiền lãi nhận được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ khoản tiền lãi phát sinh từ trước khi MSB mua nợ được ghi giảm giá trị khoản mua nợ.

(ii) Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ

Các khoản nợ mua về được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro không thấp hơn nhóm mà khoản nợ đó được phân loại bởi bên bán trước khi mua và được trích lập dự phòng theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh 3(j).

(m) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa và vật kiến trúc 5- 50 năm
- Máy móc thiết bị 3- 20 năm
- Phương tiện vận tải 6- 30 năm

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Tp Hà Nội, Việt Nam
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
 ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

- Thiết bị dụng cụ quản lý 3- 10 năm
- Các tài sản cố định hữu hình khác 4- 25 năm

(n) Tài sản cố định vô hình**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất có thời hạn

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê hoặc thời gian sử dụng.

Quyền sử dụng đất lâu dài

Quyền sử dụng đất lâu dài được phản ánh theo nguyên giá và không được phân bổ. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất lâu dài bao gồm giá thanh toán và các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 20 năm.

(iii) Các tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác bao gồm trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 8 năm.

(o) Bất động sản đầu tư**Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Tp Hà Nội, Việt Nam
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
 ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

- Quyền sử dụng đất có thời hạn 40- 50 năm
- Nhà cửa 40- 50 năm

Quyền sử dụng đất vô thời hạn do được nhận chuyển nhượng hợp pháp được phản ánh theo nguyên giá và không được khấu hao. Nguyên giá của quyền sử dụng đất vô thời hạn bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(p) Các tài sản Có khác

Các tài sản Có khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng, được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bằng.

Đối với các tài sản Có khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng và đã quá hạn thanh toán, MSB thực hiện trích lập dự phòng theo thời gian quá hạn hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm.

Mức trích dự phòng theo thời gian quá hạn như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
• Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
• Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
• Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
• Từ ba (03) năm trở lên	<u>100%</u>

(q) Dự phòng khác

Một khoản dự phòng ngoại trừ các khoản dự phòng được trình bày ở các Thuyết minh 3(e), 3(f), 3(g), 3(h), 3(i), 3(j), 3(l) và (p) được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, MSB có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(r) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua và sáp nhập một công ty khác. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của MSB trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm, Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại sẽ được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Điều hành xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

(s) Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi và vay các TCTD khác được ghi nhận theo giá gốc.

(t) Tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi khách hàng được ghi nhận theo giá gốc.

(u) Giấy tờ có giá đã phát hành

Giấy tờ có giá đã phát hành được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản phân bổ phụ trội và chiết khấu. Giá gốc của giấy tờ có giá đã phát hành bao gồm số tiền thu được từ việc phát hành trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.

(v) Các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(w) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(iii) Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(x) Các quỹ dự trữ

(i) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ Việt Nam ban hành ngày 7 tháng 8 năm 2017 về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng (“Nghị định 93”), Ngân hàng phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế (trước hợp nhất)	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế (trước hợp nhất)	Không quy định

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù tổn thất tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

(ii) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế (trước hợp nhất). Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế cho các quỹ này được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

(iii) Các quỹ dự trữ của công ty con

Công ty Tài chính TNHH MTV Cộng đồng (“FCCOM”)

Theo Nghị định 93, FCCOM phải trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc trước khi phân phối lợi nhuận tương tự như Ngân hàng.

Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (“MSB AMC”)

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 100% mức vốn điều lệ.

(y) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên và chủ yếu được dùng để chi trả cho cán bộ, công nhân viên của MSB.

(z) Doanh thu

(i) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích. ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được trình bày tại Thuyết minh 3(j) và các khoản nợ được cơ cấu giữ nguyên Nhóm 1 do áp dụng Thông tư 01, Khi một khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được trình bày tại Thuyết minh 3(j) hoặc được cơ cấu giữ nguyên Nhóm 1 do áp dụng Thông tư 01 thì số lãi dự thu được xuất toán và được ghi nhận ngoại bảng và thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thu được (cơ sở thực thu).

(ii) Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp.

(iii) Thu nhập từ hoạt động đầu tư

Thu nhập từ bán chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi nhận được thông báo khớp lệnh từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (chứng khoán niêm yết) và hoàn tất thỏa thuận chuyển giao tài sản (chứng khoán chưa niêm yết) và được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán được bán.

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức bằng tiền của MSB được thiết lập.

Cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và thu nhập không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi nhận được cổ tức bằng cổ phiếu, MSB chỉ cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(aa) Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(bb) Chi phí hoạt động dịch vụ

Chi phí hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

(cc) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(dd) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(ee) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của MSB nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi MSB và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(ff) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của MSB tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của MSB được chia theo lĩnh vực kinh doanh. Mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu của MSB được chia theo khu vực địa lý.

(gg) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

MSB trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của MSB chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm kết thúc cùng ngày, MSB không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng nên việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(hh) Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Tại bất cứ thời điểm nào MSB cũng có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. MSB cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không nhất thiết phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

(ii) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 49”) của Thống đốc NHNNVN sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các Tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và hệ thống tài khoản kế toán các TCTD ban hành kèm theo mà không được thể hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(jj) Các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của MSB, tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, MSB phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, MSB xếp tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà MSB có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được MSB xếp vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được MSB xếp vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán; hoặc
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu
Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Tp Hà Nội, Việt Nam
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
 ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

- Các khoản mà MSB có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được MSB xếp vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được MSB xếp vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc;
- Các khoản mà MSB có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, MSB xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày tại các thuyết minh liên quan khác.

(kk) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỹ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của MSB trong năm trước.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Tp Hà Nội, Việt Nam
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
 ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

4. TIỀN MẶT, VÀNG

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền mặt bằng VND	1.211.593	1.293.299
Tiền mặt bằng ngoại tệ	991.928	1.201.086
Vàng	1.121	852
	2.204.642	2.495.237

5. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	31/12/2020	31/12/2020
	Triệu VND	Triệu VND
Tài khoản tiền gửi tại NHNNVN		
Bằng VND	1.531.853	2.864.854
Bằng ngoại tệ	319.068	1.206.094
	1.850.921	4.070.948

Tiền gửi tại NHNNVN bao gồm quỹ dự trữ bắt buộc và tài khoản tiền gửi thanh toán.

Theo quy định của NHNNVN về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc (“DTBB”). Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng không được thấp hơn bình quân số dư tiền gửi của tháng trước nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng.

Tỷ lệ DTBB tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	
	31/12/2020	31/12/2019
Số dư bình quân tháng trước của:		
• Tiền gửi bằng USD có thời hạn dưới 12 tháng	8,00%	8,00%
• Tiền gửi bằng USD có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6,00%	6,00%
• Tiền gửi bằng VND có thời hạn dưới 12 tháng	3,00%	3,00%
• Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1,00%	1,00%

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2020	31/12/2019
• Tiền gửi bằng VND trong hạn mức dự trữ bắt buộc	0,50%	0,80%
• Tiền gửi bằng USD trong hạn mức dự trữ bắt buộc	0,00%	0,00%
• Tiền gửi bằng VND vượt hạn mức dự trữ bắt buộc	0,00%	0,00%
• Tiền gửi bằng USD vượt hạn mức dự trữ bắt buộc	0,05%	0,05%

6. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
- Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	5.992.119	4.641.156
- Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	276.981	939.042
Tiền gửi có kỳ hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	2.930.000	8.597.000
- Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	5.531.253	4.379.130
	14.730.353	18.556.328
Cho vay các TCTD khác		
- Bằng VND	1.534.077	1.236.630
- Bằng ngoại tệ	713.335	898.959
	2.247.412	2.135.589
Dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các TCTD khác	-	(112.920)
	16.977.765	20.578.997

Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác như sau:

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Nhóm 1- Nợ đủ tiêu chuẩn	10.637.726	14.885.869
Nhóm 2- Nợ cần chú ý	70.939	225.850
	10.708.665	15.111.719

Biến động dự phòng rủi ro cụ thể tiền gửi và cho vay các TCTD khác trong năm như sau:

	2020	2019
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	112.920	121.701
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)	113.080	(8.781)
Sử dụng dự phòng trong năm	(226.000)	-
Số dư cuối năm	-	112.920

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2020	31/12/2019
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	0,19%- 3,00%	2,70%- 6,00%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,11%- 0,70%	1,50%- 2,15%
Cho vay bằng VND	1,60%- 3,77%	5,00%- 6,90%
Cho vay bằng ngoại tệ	1,52%- 2,20%	3,06%- 3,25%

7. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán vốn		
- Chứng khoán vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	39.287	127.927
- Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(18.237)	(72.131)
	21.050	55.796

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh:

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán vốn		
- Đã niêm yết	-	102.927
- Chưa niêm yết	39.287	25.000
	39.287	127.927

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	2020	2019
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	72.131	76.006
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 28)	(53.894)	(3.875)
Số dư cuối năm	18.237	72.131

8. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC KHOẢN NỢ TÀI CHÍNH KHÁC

Chi tiết giá trị các công cụ tài chính phái sinh tại ngày cuối năm như sau:

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng)		Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)	
	Triệu VND	Tài sản Triệu VND	Nợ phải trả Triệu VND	Giá trị thuần Triệu VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020				
- Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	14.095.713	-	(11.623)	(11.623)
- Giao dịch hoán đổi tiền tệ	90.573.927	-	(40.407)	(40.407)
	104.669.640	-	(52.030)	(52.030)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019				
- Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	16.476.227	-	(38.162)	(38.162)
- Giao dịch hoán đổi tiền tệ	83.776.241	30.746	-	30.746
	100.252.468	30.746	(38.162)	(7.416)

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	79.150.468	60.553.348
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	190.111	3.041.041
	79.340.579	63.594.389

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay:

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Nhóm 1- Nợ đủ tiêu chuẩn	76.801.294	61.221.054
Nhóm 2- Nợ cần chú ý	981.639	1.072.893
Nhóm 3- Nợ dưới tiêu chuẩn	295.721	151.287
Nhóm 4- Nợ nghi ngờ	394.154	167.823
Nhóm 5- Nợ có khả năng mất vốn	867.771	981.332
	79.340.579	63.594.389

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2020	31/12/2019
Cho vay bằng VND	3,00% - 11,00%	4,00% - 12,00%
Cho vay bằng ngoại tệ	2,90% - 4,50%	3,40% - 6,19%

Phân tích dư nợ theo thời hạn cho vay:

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ ngắn hạn	36.622.806	32.302.659
Nợ trung hạn	19.676.969	13.563.027
Nợ dài hạn	23.040.804	17.728.703
	79.340.579	63.594.389

Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp:

	31/12/2020		31/12/2019	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Cho vay các TCKT				
Doanh nghiệp Nhà nước	1.930.673	2,43%	1.944.754	3,06%
Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước	1.863.677	2,35%	1.220.073	1,92%
Công ty trách nhiệm hữu hạn tư nhân	18.073.133	22,78%	13.312.022	20,93%
Công ty cổ phần Nhà nước	25.619	0,03%	89.234	0,14%
Công ty cổ phần khác	34.695.336	43,72%	27.337.632	42,99%
Doanh nghiệp tư nhân	61.049	0,08%	169.544	0,27%
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	488.473	0,62%	431.439	0,68%
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	13.471	0,02%	14.549	0,02%
Khác	-	0,00%	15.950	0,03%
Cho vay cá nhân				
Cá nhân	22.189.148	27,97%	19.059.192	29,96%
	79.340.579	100,00%	63.594.389	100,00%

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh:

	31/12/2020		31/12/2019	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Nông lâm nghiệp, thủy sản	273.999	0,35%	412.402	0,65%
Khai khoáng	693.482	0,87%	114.270	0,18%
Chế biến thủy hải sản	1.155.146	1,46%	738.612	1,16%
Sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm, đồ uống, thức ăn chăn nuôi	1.252.804	1,58%	1.119.451	1,76%
Dệt may, sản xuất da giày, sản xuất trang phục	740.041	0,93%	804.031	1,26%
Khai thác và sơ chế gỗ, chế biến gỗ, sản xuất sản phẩm từ gỗ và lâm sản khác	396.753	0,50%	231.919	0,36%
Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy và in ấn	242.673	0,31%	282.781	0,44%
Sản xuất thuốc, hoá dược, dược liệu; cao su, nhựa, phân bón, hoá chất	893.847	1,13%	791.128	1,24%
Sản xuất vật liệu xây dựng (trừ thép, Inox, sơn, matit và các chất tương tự)	480.129	0,61%	705.722	1,11%
Sản xuất thép thành phẩm	80.033	0,10%	147.937	0,23%
Sản xuất phôi thép	40.396	0,05%	13.278	0,02%
Sản xuất Inox và luyện kim khác	28.846	0,04%	174.995	0,28%
Cơ khí, lắp ráp, chế tạo máy móc, ô tô, xe máy	1.299.402	1,64%	580.286	0,91%
Sản xuất điện tử, thiết bị điện, máy vi tính quang học, thiết bị viễn thông	1.212.595	1,53%	931.544	1,46%
Đóng tàu, thuyền	4.159	0,01%	93.923	0,15%
Sản xuất thiết bị văn phòng, đồ gia dụng, thiết bị y tế, giáo dục, thể dục thể thao	14.242	0,02%	6.514	0,01%
Sản xuất và phân phối điện, năng lượng	4.706.923	5,92%	2.574.534	4,05%
Xây dựng	7.279.461	9,17%	3.358.092	5,28%
Thương mại hàng công nghiệp nhẹ và hàng tiêu dùng	7.450.285	9,39%	5.563.197	8,75%
Kinh doanh phân bón, hóa chất, các sản phẩm hóa chất khác, thuốc, hóa dược, dược liệu, thiết bị y tế	750.273	0,95%	325.201	0,51%
Thương mại xăng, dầu, gas, khí đốt	1.067.638	1,35%	876.774	1,38%
Kinh doanh sắt thép, xi măng, vật liệu xây dựng tổng hợp khác	1.665.960	2,10%	1.661.399	2,61%
Thương mại hàng công nghiệp nặng khác	1.672.322	2,11%	1.038.936	1,63%
Kinh doanh vận tải bộ và đường sông	931.744	1,17%	724.260	1,14%
Kinh doanh vận tải biển	194.383	0,24%	271.751	0,43%
Kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch, ăn uống, vui chơi giải trí	213.360	0,27%	167.789	0,26%
Kinh doanh bất động sản và cơ sở hạ tầng	9.020.505	11,36%	15.039.733	23,65%
Kinh doanh dịch vụ bưu chính viễn thông	710.826	0,90%	578.593	0,91%
Dịch vụ công nghệ, khoa học công nghệ, dịch vụ hành chính, hỗ trợ, giáo dục y tế, thông tin và truyền thông khác	2.626.868	3,31%	986.884	1,55%
Kinh doanh kho bãi và các dịch vụ hỗ trợ	246.885	0,31%	251.330	0,40%
Hoạt động tài chính và chứng khoán	4.185.717	5,28%	2.167.300	3,42%
Ngành khác	5.619.734	7,07%	1.800.631	2,85%
Cá nhân	22.189.148	27,97%	19.059.192	29,96%
	79.340.579	100,00%	63.594.389	100,00%

10. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng bao gồm:

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Dự phòng chung (i)	555.137	442.735
Dự phòng cụ thể (ii)	287.874	443.312
	843.011	886.047

(i) Biến động dự phòng chung của dự phòng rủi ro cho vay khách hàng như sau:

	2020	2019
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	442.735	311.886
Trích lập dự phòng chung trong năm (Thuyết minh 32)	112.402	130.849
Số dư cuối năm	555.137	442.735

(ii) Biến động dự phòng cụ thể của dự phòng rủi ro cho vay khách hàng như sau:

	2020	2019
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	443.312	682.013
Trích lập dự phòng chung trong năm (Thuyết minh 32)	384.330	408.209
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.123.952)	(1.735.190)
Ảnh hưởng của việc mua lại nợ đã bán cho VAMC	584.461	1.090.123
Dự phòng giảm khác	(277)	(1.843)
Số dư cuối năm	287.874	443.312

11. HOẠT ĐỘNG MUA NỢ

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Mua nợ bằng VND	3.750	9.150
Dự phòng rủi ro (i)	(3.750)	(457)
	-	8.693

Giá trị nợ gốc của các khoản nợ đã mua như sau:

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ gốc đã mua	3.750	9.150

(i) Dự phòng các khoản mua nợ bao gồm:

	31/12/2019	31/12/2018
	Triệu VND	Triệu VND
Dự phòng chung	-	457
Dự phòng cụ thể	3.750	-
	3.750	457

Biến động dự phòng chung trong năm như sau:

	2020	2019
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	457	457
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)	(457)	-
Số dư cuối năm	-	457

Biến động dự phòng cụ thể trong năm như sau:

	2020	2019
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	-	16.075
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)	3.750	(65)
Sử dụng dự phòng xử lý rủi ro trong năm	-	(16.010)
Số dư cuối năm	3.750	-

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
Chứng khoán nợ		
Chứng khoán Nợ do Chính phủ và các Cơ quan thuộc Chính phủ phát hành	35.288.667	27.108.574
Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	14.306.287	11.717.364
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	5.621.888	4.348.135
Chứng khoán vốn		
Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành	628.572	1.385.987
Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành	-	12.000
	55.845.414	44.572.060
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (i)	(168.487)	(135.867)
	55.676.927	44.436.193
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		
Chứng khoán nợ		
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	-	1.533.388
Dự phòng rủi ro chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn (ii)	-	(333.833)
	-	1.199.555
	55.676.927	45.635.748

Thời hạn và lãi suất năm của các chứng khoán nợ tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2020		31/12/2019	
	Thời hạn	Lãi suất	Thời hạn	Lãi suất
Chứng khoán nợ do Chính phủ và các Cơ quan thuộc Chính phủ phát hành	5 năm - 30 năm	1,60% - 9,40%	3 năm - 30 năm	2.90% - 11.60%
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	1 năm - 10 năm	3,00% - 9,23%	1 năm - 10 năm	6.40% - 10.30%
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	1 năm - 12 năm	8,03% - 12,00%	1 năm - 10 năm	8.90% - 12.00%

Phân tích chất lượng chứng khoán nợ chưa niêm yết (không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành) được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng:

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	19.928.175	16.065.499

(i) Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm:

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Dự phòng giảm giá chứng khoán	15.363	17.423
Dự phòng rủi ro tín dụng chung	153.124	118.444
	168.487	135.867

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán trong năm như sau:

	2020	2019
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	17.423	5.574
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 29)	(632)	11.849
Hoàn nhập dự phòng khác	(1.428)	-
Số dư cuối năm	15.363	17.423

Biến động dự phòng rủi ro tín dụng chung chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán trong năm như sau:

	2020	2019
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	118.444	83.771
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 29)	34.680	34.673
Số dư cuối năm	153.124	118.444

(ii) Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn liên quan đến dự phòng rủi ro cho trái phiếu đặc biệt phát hành bởi VAMC
Biến động dự phòng rủi ro cho trái phiếu đặc biệt phát hành bởi VAMC trong năm như sau:

	2020	2019
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	333.833	882.647
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)	207.250	158.971
Ảnh hưởng của việc mua lại nợ đã bán cho VAMC	(541.083)	(707.785)
Số dư cuối năm	-	333.833

13. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2020	31/12/2019
	Triều VND	Triều VND
Đầu tư vào các tổ chức kinh tế	22.036	10.036

14. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Các tài sản cổ định hữu hình khác	Tổng cộng
	Triều VND	Triều VND	Triều VND	Triều VND	Triều VND	Triều VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	28.952	497.370	110.707	106.536	836	744.401
Mua sắm trong năm	-	6.759	719	5.938	47	13.463
Thanh lý trong năm	(60)	(47.114)	(3.763)	(18.882)	(294)	(70.113)
Phân loại lại trong năm	-	(70)	-	70	-	-
Tăng/giảm do nguyên nhân khác	-	7.666	(339)	5.195	-	12.522
Số dư cuối năm	28.892	464.611	107.324	98.857	589	700.273
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	11.948	405.339	75.921	89.162	775	583.145
Khấu hao trong năm	586	28.803	8.198	8.637	32	46.256
Thanh lý trong năm	(18)	(46.608)	(3.763)	(18.686)	(294)	(69.369)
Phân loại lại trong năm	-	(6)	-	6	-	-
Tăng do nguyên nhân khác	-	7.100	-	5.232	-	12.332
Số dư cuối năm	12.516	394.628	80.356	84.351	513	572.364
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	17.004	92.031	34.786	17.374	61	161.256
Số dư cuối năm	16.376	69.983	26.968	14.506	76	127.909

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Các tài sản cổ định hữu hình khác	Tổng cộng
	Triều VND	Triều VND	Triều VND	Triều VND	Triều VND	Triều VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	35.041	485.750	94.481	91.228	931	707.431
Mua sắm trong năm	152	11.961	18.138	16.435	53	46.739
Thanh lý trong năm	(6.241)	(341)	(1.912)	(1.127)	(148)	(9.769)
Số dư cuối năm	28.952	497.370	110.707	106.536	836	744.401
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	15.258	375.687	68.975	83.381	890	544.191
Khấu hao trong năm	730	29.993	8.858	6.855	33	46.469
Thanh lý trong năm	(4.040)	(341)	(1.912)	(1.074)	(148)	(7.515)
Số dư cuối năm	11.948	405.339	75.921	89.162	775	583.145
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	19.783	110.063	25.506	7.847	41	163.240
Số dư cuối năm	17.004	92.031	34.786	17.374	61	161.256

Trong tài sản cổ định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 376.940 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2019: 415.364 triệu VND).

15. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cổ định vô hình khác	Tổng cộng
	Triều VND	Triều VND	Triều VND	Triều VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	52.233	433.920	17.162	503.315
Mua sắm trong năm	-	56.686	-	56.686
Thanh lý trong năm	-	(96.302)	-	(96.302)
Tăng do nguyên nhân khác	-	4.504	-	4.504
Số dư cuối năm	52.233	398.808	17.162	468.203
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	331.152	2.905	334.057
Khấu hao trong năm	-	47.108	1.934	49.042
Thanh lý trong năm	-	(95.738)	-	(95.738)
Số dư cuối năm	-	282.522	4.839	287.361
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	52.233	102.768	14.257	169.258
Số dư cuối năm	52.233	116.286	12.323	180.842

Trong tài sản cổ định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 101.349 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2019: 79.059 triệu VND).

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Phần mềm máy vi tính Triệu VND	Tài sản cố định vô hình khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	52.233	399.067	3.211	454.511
Mua sắm trong năm	28.722	34.853	13.951	77.526
Thanh lý trong năm	(28.722)	-	-	(28.722)
Số dư cuối năm	52.233	433.920	17.162	503.315
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	284.932	2.104	287.036
Khấu hao trong năm	590	46.220	801	47.611
Thanh lý trong năm	(590)	-	-	(590)
Số dư cuối năm	-	331.152	2.905	334.057
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	52.233	114.135	1.107	167.475
Số dư cuối năm	52.233	102.768	14.257	169.258

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa Triệu VND	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	1.220.909	32.691	1.253.600
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	193.393	381	193.774
Khấu hao trong năm	27.094	222	27.316
Số dư cuối năm	220.487	603	221.090
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.027.516	32.310	1.059.826
Số dư cuối năm	1.000.422	32.088	1.032.510

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định một cách đáng tin cậy do không có các giao dịch gần đây trên thị trường cho các bất động sản tương tự và cùng địa điểm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản bất động sản đầu tư cho thuê có giá trị còn lại là 768.875 triệu VND (31/12/2019: 789.771 triệu VND) được thế chấp để đảm bảo cho trái phiếu phát hành của công ty con (Thuyết minh 21).

17. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Các khoản phải thu		
Phải thu từ các hợp đồng bán nợ cho đối tác (i)	8.762.444	6.434.782
Đặt cọc thuê văn phòng	515.667	674.285
Phải thu từ các hợp đồng tài trợ thương mại	2.506.384	2.481.198
Các khoản tạm ứng và phải thu khác	745.413	765.151
Phải thu từ các hợp đồng bán nợ khác (ii)	99.000	120.977
Các khoản tạm ứng để hoạt động nghiệp vụ	252.025	319.270
Tạm ứng cho các hoạt động xử lý tài sản xiết nợ (iii)	318.609	235.413
Phải thu từ thoái vốn đầu tư	41.450	41.450
Mua sắm, sửa chữa lớn tài sản cố định	140.307	158.132
Phải thu Ngân sách Nhà nước về hỗ trợ lãi suất	13.592	15.171
Các khoản phải thu ngân sách Nhà nước về thuế (Thuyết minh 37)	3.129	7.944
	13.398.020	11.253.773
Các khoản lãi và phí phải thu		
Lãi phải thu từ tiền gửi	876	19.755
Lãi phải thu từ chứng khoán đầu tư	1.332.235	1.890.359
Lãi phải thu từ cho vay	1.150.152	1.894.901
Lãi phải thu từ giao dịch phái sinh	150.076	215.832
Phí phải thu	6.898	7.700
	2.640.237	4.028.547
Tài sản có khác		
Vật liệu và công cụ	65.835	85.184
Chi phí chờ phân bổ	208.136	232.919
Tài sản nhận gán nợ	4.272.143	4.368.777
Phải thu từ mua bán chứng khoán (iv)	467.304	785.812
Ủy thác đầu tư	26.777	8
Thanh toán khác giữa các TCTD	76.383	-
Lợi thế thương mại (v)	45.071	55.054
	5.161.649	5.527.754
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	46	-
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có khác (vi)	(1.094.497)	(786.265)
	20.105.455	20.023.809

(i) Số dư phản ánh số tiền chưa thu được của các khoản nợ đã bán theo hình thức miễn truy đòi và có thời hạn thanh toán còn lại dưới 3 năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

(ii) Bao gồm các khoản nợ đã bán có liên quan đến các giao dịch mua bán chứng khoán

(iii) Trong thời gian chờ thanh lý các tài sản gán nợ là tàu biển, MSB đã vận hành các tài sản này. Chi phí vận hành được ghi nhận là các khoản tạm ứng với số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 219.029 triệu VND (31/12/2019: 134.349 triệu VND). Doanh thu vận hành được ghi nhận là doanh thu chờ phân bổ (Thuyết minh 22) và sẽ được quyết toán khi hoàn tất việc thanh lý.

(iv) Bao gồm các khoản phải thu từ việc bán chứng khoán và có thời hạn thanh toán còn lại từ dưới 3 năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

(v) Lợi thế thương mại

	2020	2019
	Triệu VND	Triệu VND
Tổng giá trị lợi thế thương mại (“LTTM”)	99.823	99.823
Thời gian phân bổ (năm)	10	10
- Giá trị LTTM đã phân bổ lũy kế đầu năm	44.769	34.787
- Giá trị LTTM chưa phân bổ đầu năm	55.054	65.036
Lợi thế thương mại giảm trong năm	<u>(9.983)</u>	<u>(9.982)</u>
- Giá trị LTTM phân bổ trong năm	<u>(9.983)</u>	<u>(9.982)</u>
Tổng giá trị lợi thế thương mại chưa phân bổ cuối năm	<u>45.071</u>	<u>55.054</u>

(vi) Dự phòng rủi ro các tài sản Có nội bảng khác bao gồm:

	2020	2019
	Triệu VND	Triệu VND
Dự phòng cho số tiền chưa thu được của nợ đã bán	849.087	596.198
Dự phòng chung (*)	33.837	61.795
Dự phòng cụ thể (**)	815.250	534.403
Dự phòng rủi ro khác (***)	<u>245.410</u>	<u>190.067</u>
	<u>1.094.497</u>	<u>786.265</u>

(*) Biến động dự phòng chung cho khoản tiền chưa thu được của nợ đã bán:

	2020	2019
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	61.795	50.966
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)	<u>(27.958)</u>	<u>10.829</u>
Số dư cuối năm	<u>33.837</u>	<u>61.795</u>

()** Biến động dự phòng cụ thể cho số tiền chưa thu được của nợ đã bán:

	2020	2019
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	534.403	309.267
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)	<u>280.847</u>	<u>225.136</u>
Số dư cuối năm	<u>815.250</u>	<u>534.403</u>

(*)** Biến động dự phòng rủi ro khác:

	2020	2019
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	190.067	525.281
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm (Thuyết minh 31)	54.595	<u>(338.880)</u>
Tăng dự phòng khác	<u>748</u>	<u>3.666</u>
Số dư cuối năm	<u>245.410</u>	<u>190.067</u>

18. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Vay thực hiện Dự án hiện đại hóa Ngân hàng và Hệ thống thanh toán	20.734	24.040

19. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn của các TCTD khác		
Bằng VND	6.705.384	4.526.952
Bằng ngoại tệ	54.639	78.299

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác		
Bằng VND	13.098.315	13.331.955
Bằng ngoại tệ	<u>2.588.950</u>	<u>1.274.350</u>
	<u>22.447.288</u>	<u>19.211.556</u>

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Vay các TCTD khác		
Bằng VND	27.238.714	20.722.114
Bằng ngoại tệ	<u>6.339.721</u>	<u>7.084.190</u>
	<u>33.578.435</u>	<u>27.806.304</u>
	<u>56.025.723</u>	<u>47.017.860</u>

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2020	31/12/2019
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	0,15% - 1,55%	2,80% - 4,20%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,10% - 0,60%	1,60% - 2,00%
Tiền vay bằng VND	0,60% - 5,24%	4,30% - 5,95%
Tiền vay bằng ngoại tệ	<u>0,70% - 4,10%</u>	<u>2,40% - 3,90%</u>

20. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	20.301.577	13.967.057
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	3.025.267	1.924.863
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	58.725.552	61.239.331
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	3.156.295	2.920.908
Tiền ký quỹ		
Tiền ký quỹ bằng VND	2.187.025	769.429
Tiền ký quỹ bằng ngoại tệ	63.107	12.400
Tiền gửi vốn chuyên dùng		
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	47.976	31.996
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	3.389	6.659
	87.510.188	80.872.643

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng như sau:

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Tiền gửi của tổ chức kinh tế	42.935.657	31.411.136
Tiền gửi của cá nhân	44.574.531	49.461.507
	87.510.188	80.872.643

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2020	31/12/2019
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,00%- 0,20%	0,00%- 0,80%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00%- 0,10%	0,00%- 0,20%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	3,50%- 6,00%	5,00%- 8,50%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00%- 1,70%	0,00%- 1,50%

21. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Chứng chỉ tiền gửi		
Dưới 12 tháng	2.658.632	1.112.632
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	5.573.842	6.880.149
Trái phiếu thường		
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm (*)	3.479.000	980.000
	11.711.474	8.972.781

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, trái phiếu với mệnh giá là 80.000 triệu VND (31/12/2019: 80.000 triệu VND) được đảm bảo bằng bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ 180-192 Đường Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Học, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị còn lại là 768.875 triệu VND (31/12/2019: 789.771 triệu VND) (Thuyết minh 16).

22. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Các khoản lãi, phí phải trả		
Lãi phải trả cho tiền gửi	531.265	482.637
Lãi phải trả cho tiền gửi tiết kiệm	633.577	858.640
Lãi phải trả cho các giấy tờ có giá	288.975	489.292
Lãi phải trả cho tiền vay	29.948	119.875
Lãi phải trả cho các công cụ tài chính phái sinh	94.068	177.260
	1.577.833	2.127.704
Các khoản phải trả và nợ khác		
- Thuế phải nộp cho ngân sách Nhà nước (Thuyết minh 37)	208.116	72.604
- Cổ tức phải trả	4.221	4.221
- Phải trả cán bộ công nhân viên	379.106	30.761
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban Điều hành	35.842	39.408
- Các khoản chờ thanh toán	814.009	1.567.948
- Doanh thu chờ phân bổ (i)	639.511	645.946
- Các khoản phải trả khác	844.019	731.093
	2.924.824	3.091.981
	4.502.657	5.219.685

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, MSB không có khoản nợ phải trả quá hạn trên 1 năm.

(i) Số dư bao gồm doanh thu vận hành các tài sản chờ thanh lý là tàu biển với số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 596.985 triệu VND (31/12/2019: 546.872 triệu VND). Chi phí vận hành các tài sản này được ghi nhận là các khoản tạm ứng (Thuyết minh 17) và sẽ được quyết toán khi hoàn tất việc thanh lý.

23. VỐN VÀ CÁC QUỸ

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm

	Vốn điều lệ Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Cổ phiếu quỹ Triệu VND	Quỹ đầu tư phát triển Triệu VND	Quỹ dự phòng tài chính Triệu VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Triệu VND	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Số dư tại ngày 1/1/2019	11.750.000	400.000	(1.040.655)	12.958	542.162	148.210	608	2.006.871	13.820.154
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	1.043.560	1.043.560
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	-	86.928	44.056	-	(130.984)	-
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	-	(193)	-	-	-	(193)
Số dư tại ngày 31/12/2019	11.750.000	400.000	(1.040.655)	12.958	628.897	192.266	608	2.919.447	14.863.521
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	2.011.144	2.011.144
Tăng khác trong năm	-	-	-	-	-	-	-	869	869
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	-	103.628	52.419	-	(156.047)	-
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	-	(715)	-	-	-	(715)
Số dư tại ngày 31/12/2020	11.750.000	400.000	(1.040.655)	12.958	731.810	244.685	608	4.775.413	16.874.819

Vốn cổ phần

	31/12/2020 và 31/12/2019	
	Số cổ phiếu	Triệu VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.175.000.000	11.750.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	1.175.000.000	11.750.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	100.522.811	1.040.655
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	1.074.477.189	10.709.345

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Ngân hàng. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Ngân hàng công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Ngân hàng. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Ngân hàng mua lại đều bị tạm dừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Danh sách cổ đông lớn sở hữu cổ phần từ 5% trở lên vốn điều lệ của Ngân hàng như sau:

	31/12/2020		31/12/2018	
	Số cổ phiếu phổ thông	%	Số cổ phiếu phổ thông	%
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (*)	71.577.141	6,09	71.577.141	6,09

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam hoạt động theo hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 955/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Công ty Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên số 0100684378 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 8 năm 2010 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ 4 cấp ngày 20 tháng 3 năm 2017.

Theo Nghị quyết số 19.20/2020/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 12 năm 2020 và theo Nghị quyết số 19.24/2021/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 1 năm 2021, Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam đã phê duyệt việc chào bán cổ phiếu quỹ cho các cổ đông hiện hữu mua bằng tiền. Giá chào bán ra công chúng là 11.500 VND/cổ phiếu. Ngày đăng ký cuối cùng cho cổ đông hưởng quyền mua cổ phiếu là ngày 29 tháng 1 năm 2021. Thời hạn đăng ký nộp tiền là ngày 26 tháng 2 năm 2021. Tỷ lệ thực hiện là 10.100:775,7 (một cổ phiếu được hưởng một quyền, 10.100 quyền được mua 775,7 cổ phiếu mới).

24. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	2020	2019
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi tại NHNNVN và các TCTD khác	115.231	301.018
Cho vay khách hàng và mua nợ	6.515.438	5.328.576
Các khoản đầu tư chứng khoán nợ	2.914.094	2.565.585
Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh	112.227	80.677
Các hoạt động tín dụng khác	362.702	318.949
	10.019.692	8.594.805

25. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	2020	2019
	Triệu VND	Triệu VND
Các khoản tiền gửi	4.029.926	3.892.016
Các khoản tiền vay	508.488	800.612
Phát hành giấy tờ có giá	604.763	789.292
Các hoạt động tín dụng khác	54.126	50.781
	5.197.303	5.532.701

26. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ từ		
Dịch vụ thanh toán	548.174	577.554
Dịch vụ ngân quỹ	6.923	7.989
Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý	137.744	69.594
Dịch vụ khác	446.448	146.369
	1.139.289	801.506
Chi phí hoạt động dịch vụ cho		
Dịch vụ thanh toán và cước viễn thông	(273.855)	(231.680)
Dịch vụ khác	(44.764)	(47.573)
	(318.619)	(279.253)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	820.670	522.253

27. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Thu nhập từ kinh doanh ngoại hối và vàng		
Thu nhập từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	242.425	259.094
Thu nhập từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	1.335.862	906.358
	1.578.287	1.165.452
Chi phí từ kinh doanh ngoại hối và vàng		
Chi phí từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(75.500)	(89.330)
Chi phí từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(1.232.788)	(920.673)
	(1.308.288)	(1.010.003)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	269.999	155.449

28. (LỖ)/LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Lỗ từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(62.327)	(428)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 7)	53.894	3.875
(Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(8.433)	3.447

29. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Lãi từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.957.151	928.435
Lỗ về mua bán chứng khoán đầu tư	(1.362.176)	(731.456)
Biến động dự phòng chứng khoán sẵn sàng để bán		
- Hoàn nhập/(trích lập) dự phòng giảm giá (Thuyết minh 12)	632	(11.849)
- Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung (Thuyết minh 12)	(34.680)	(34.673)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	560.927	150.457

30. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Thu nhập hoạt động kinh doanh khác		
- Thu từ nợ đã xử lý rủi ro	471.329	479.676
- Thu từ cho thuê văn phòng	120.132	92.696
- Thu từ nghiệp vụ mua bán nợ	51	-
- Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định, bất động sản	1.924	69.556
- Thu nhập khác	328.397	288.130
	921.833	930.058
Chi phí hoạt động kinh doanh khác		
- Chi về nghiệp vụ mua bán nợ	(4.958)	-
- Chi phí khác	(200.136)	(151.220)
	(205.094)	(151.220)
Lãi thuần từ hoạt động khác	716.739	778.838

31. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	64.998	70.368
Chi phí cho nhân viên		
- Chi lương và phụ cấp	1.869.684	1.299.481
- Các khoản chi đóng góp theo lương	137.079	73.364
- Chi trợ cấp (ăn ca, trang phục, y tế...)	44.555	45.526
- Chi khác cho nhân viên	36.690	35.333
Chi về tài sản		
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	95.298	94.080
- Chi sửa chữa, nâng cấp tài sản cố định	93.145	93.428
- Chi thuê tài sản cố định	234.477	217.499
- Chi mua sắm công cụ lao động	56.002	52.427
- Chi bảo hiểm tài sản	12.903	13.200
Chi cho hoạt động quản lý công vụ		
- Công tác phí	39.635	51.660
- Chi quảng cáo, khuyến mại	125.319	97.478
- Chi thuê chuyên gia, tư vấn	19.470	10.982
- Chi hoạt động quản lý công vụ khác	627.174	618.589
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	74.898	67.649
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng rủi ro cho tài khoản Có khác (không bao gồm chi phí dự phòng rủi ro tín dụng) (Thuyết minh 17)	54.595	(338.880)
	3.585.922	2.502.184

32. CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

	Thuyết minh	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng cụ thể tiền gửi và cho vay các TCTD khác	6	113.080	(8.781)
Biến động dự phòng cho vay khách hàng			
- Trích lập dự phòng chung	10	112.402	130.849
- Trích lập dự phòng cụ thể	10	384.330	408.209
Biến động dự phòng mua nợ			
- Hoàn nhập dự phòng chung	11	(457)	-
- Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng cụ thể	11	3.750	(65)
Trích lập dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	12	207.250	158.971
Biến động dự phòng rủi ro cho số tiền chưa thu được của nợ đã bán			
- (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng chung	17	(27.958)	10.829
- Trích lập dự phòng cụ thể	17	280.847	225.136
		1.073.244	925.148

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	503.778	242.674
Điều chỉnh thuế của các năm trước	8.438	1.588
	512.216	244.262

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.523.314	1.287.822
Thuế tính theo thuế suất của Ngân hàng	504.663	257.696
Thu nhập không chịu thuế	(38)	(8.502)
Chi phí không được khấu trừ thuế	362	1.757
Biến động các chênh lệch tạm thời	(3.252)	(10.273)
Điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế	2.043	1.996
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	8.438	1.588
	512.216	244.262

(c) Thuế suất áp dụng

MSB có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước theo mức thuế suất bằng 20% lợi nhuận tính thuế (2019: 20%). Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được dựa trên số lãi thuần của MSB trừ đi các khoản trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành. Trong năm, MSB không trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành.

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2020	2019
	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	2.011.144	1.043.560

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2020	2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	1.074.477.189	1.074.477.189

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2020	2019
	VND/ cổ phiếu	VND/ cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.872	971

MSB không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có ảnh hưởng suy giảm. Do vậy, yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

35. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền mặt, vàng	2.204.642	2.495.237
Tiền gửi tại NHNNVN	1.850.921	4.070.948
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	6.269.100	5.580.198
Tiền gửi tại các TCTD với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	8.461.253	12.750.280
	18.785.916	24.896.663

36. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

	2020	2019
	Triệu VND	Triệu VND
Số lượng cán bộ, công nhân viên bình quân trong năm (người)	5.241	5.069
Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
1. Lương	1.528.083	1.302.840
2. Phụ cấp và thu nhập khác	3.526	3.438
Tổng thu nhập	1.531.609	1.306.278
- Tiền lương bình quân tháng	24,30	21,42
- Thu nhập bình quân tháng	24,35	21,47

37. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	1/1/2020	Số phát sinh trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Phải thu Ngân sách Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	7.921	-	(7.921)	-
Thuế TNDN	-	3.123	-	3.123
Thuế khác	23	-	(17)	6
Phải trả Ngân sách Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	9.042	79.692	(78.556)	10.178
Thuế TNDN	54.865	515.428	(398.922)	171.371
Các loại thuế khác	8.697	156.408	(138.538)	26.567
	72.604	751.528	(616.016)	208.116

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	31/12/2018	Số phát sinh trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Phải thu Ngân sách Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	-	7.921	-	7.921
Thuế khác	29	-	(6)	23
Phải trả Ngân sách Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	12.310	101.908	(105.176)	9.042
Thuế TNDN	152.508	244.478	(342.121)	54.865
Các loại thuế khác	6.157	173.677	(171.137)	8.697
	170.975	520.063	(618.434)	72.604

38. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

	31/12/2020		31/12/2019			
	Triệu VND		Triệu VND			
	Giá thị theo hợp đồng - góp	Tiền gửi ký quỹ	Giá thị theo hợp đồng - thuần	Giá thị theo hợp đồng - góp	Tiền gửi ký quỹ	Giá thị theo hợp đồng - thuần
Bảo lãnh vay vốn	41.411	-	41.411	46.936	-	46.936
Cam kết giao dịch hối đoái	192.588.581	-	192.588.581	169.112.602	-	169.112.602
Trong đó:						
• Cam kết mua ngoại tệ	5.973.601	-	5.973.601	5.080.530	-	5.080.530
• Cam kết bán ngoại tệ	5.973.649	-	5.973.649	5.079.498	-	5.079.498
• Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ	180.641.331	-	180.641.331	158.952.574	-	158.952.574
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	5.936.801	(162.660)	5.774.141	4.576.342	(125.778)	4.450.564
Các cam kết khác	18.136.068	(391.920)	17.744.148	15.203.226	(261.796)	14.941.430

39. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG CỦA TÀI SẢN, NỢ PHẢI TRẢ VÀ CÁC CAM KẾT NGOẠI BẢNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Trong nước

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi tại NHNNVN	1.850.921	4.070.948
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	16.807.140	19.904.061
Kinh doanh và đầu tư chứng khoán- góp	55.884.701	46.233.375
Cho vay khách hàng- góp	79.340.579	63.594.389
Hoạt động mua nợ- góp	3.750	9.150
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	20.734	24.040
Tiền gửi và vay các TCTD khác	52.199.962	43.427.210
Tiền gửi của khách hàng	86.626.856	80.800.521
Công cụ tài chính phái sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)	104.669.640	100.252.468
Phát hành giấy tờ có giá	11.711.474	8.972.781
Các cam kết và bảo lãnh	23.559.700	19.438.930

Nước ngoài

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	170.625	787.856
Tiền gửi và vay các TCTD khác	3.825.761	3.590.650
Tiền gửi của khách hàng	883.332	72.122

40. CÁC GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, MSB có thực hiện các giao dịch với các bên liên quan. Các điều khoản của những giao dịch này được thực hiện theo các quy định của MSB.

Số dư với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản/(Nợ phải trả)	
	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Tổng công ty Bưu chính viễn thông Việt Nam (“VNPT”)		
- Cổ đông lớn		
• Tiền gửi thanh toán	(20.830)	(22.902)
Công ty cổ phần đầu tư TNG Holding Việt Nam		
- Bên liên quan của thành viên HĐQT		
• Tiền gửi thanh toán	(1.676)	(8.243)
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát và những người có liên quan đến thành viên này		
• Tiền gửi	(58.964)	(49.278)
• Tiền vay	35.056	23.722
• Các khoản phải trả khác	(814)	(760)

Chi tiết giao dịch với các bên liên quan trong năm như sau:

	Doanh thu/(Chi phí)	
	2020	2019
	Triệu VND	Triệu VND
Tổng công ty Bưu chính viễn thông Việt Nam (“VNPT”) - Cổ đông lớn		
• Chi phí lãi tiền gửi	(47)	(83)
Công ty cổ phần đầu tư TNG Holding Việt Nam - Bên liên quan của thành viên HĐQT		
• Chi phí lãi tiền gửi	(11)	(5)
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này		
• Thù lao của Hội đồng quản trị	(15.522)	(13.541)
• Thù lao của Ban kiểm soát	(4.780)	(4.560)
• Thu nhập của Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác	(37.996)	(39.081)
• Chi phí lãi tiền gửi	(3.239)	(2.623)
• Thu nhập lãi tiền vay	1.437	791

41. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Phần này cung cấp thông tin về các rủi ro mà MSB có thể gặp phải và mô tả chi tiết các phương pháp mà Ban Điều hành Ngân hàng sử dụng để kiểm soát rủi ro. Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà MSB thường gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

Chính sách quản lý rủi ro

Định hướng của MSB là trở thành một tập đoàn tài chính đa năng. Do vậy, việc sử dụng các công cụ tài chính, bao gồm nhận tiền gửi của khách hàng và đầu tư vào các tài sản tài chính có chất lượng cao đã trở thành hoạt động quan trọng giúp MSB đạt được mức chênh lệch lãi suất cần thiết. Xét từ khía cạnh quản lý rủi ro, MSB đã kết hợp một cách cân đối giữa các cam kết ngoại bảng (như bảo lãnh và thư tín dụng) với các khoản cho vay (bằng đồng nội tệ cũng như ngoại tệ) đối với các cá nhân và tổ chức thuộc các mức độ tin cậy khác nhau. Bên cạnh đó, MSB cũng đầu tư một phần vốn lưu động vào các chứng khoán đầu tư hay cho các ngân hàng khác vay. Những rủi ro liên quan đến trao đổi ngoại tệ và thay đổi lãi suất được quản lý thông qua áp dụng hạn mức trạng thái nhằm hạn chế sự tập trung quá mức đồng thời tham gia vào các hoạt động có tác dụng cân bằng lẫn nhau để giảm thiểu rủi ro. Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, MSB đã sử dụng có hiệu quả Cẩm nang Tín dụng trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của MSB. Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng lớn tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro, các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước. Trong những trường hợp cần thiết, rủi ro thanh khoản còn được hạn chế thông qua việc sử dụng các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá có tính thanh khoản cao. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản, MSB thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời. Thêm vào đó, việc áp dụng các quy trình quản lý rủi ro nội bộ cũng trở nên hiệu quả hơn nhờ việc triển khai Hệ thống Quản lý Vốn Tập trung và Hệ thống Thanh toán Tập trung. Theo đó, toàn bộ các giao dịch vốn và thanh toán của MSB đều do Hội sở chính thực hiện. Việc đó cho phép MSB giám sát hiệu quả hơn các biến động về vốn và giảm các sai sót có thể xảy ra cũng như những thủ tục phức tạp không cần thiết.

42. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hay toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Để quản trị hiệu quả các rủi ro này, MSB đã ban hành các quy định về thẩm định và phê duyệt tín dụng bao gồm đầy đủ các văn bản, quy định, quy trình, hướng dẫn về hoạt động tín dụng từ khâu phân tích thị trường, lựa chọn danh mục khách hàng tiềm năng, phát triển/thẩm định khách hàng, phân tích phương án kinh doanh đến phê duyệt và quản lý khoản tín dụng sau phê duyệt. Đặc biệt, MSB đã áp dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đối với tất cả các đối tượng khách hàng. Từ đó, MSB kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng thông qua việc thiết lập và kiểm soát hệ thống hạn mức tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà MSB có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề.

Công tác thẩm định, định giá tài sản bảo đảm tiếp tục được hoàn thiện với việc xây dựng, ban hành, định kỳ cập nhật chính sách khung tài sản bảo đảm quy định cơ sở, phương pháp định giá và quản lý tài sản bảo đảm thống nhất toàn hệ thống. Hoạt động tác nghiệp về tài sản bảo đảm được thực hiện bảo đảm tính độc lập, có cơ chế giám sát, quản lý và kiểm soát chất lượng định giá đối với công tác định giá, phù hợp với yêu cầu kinh doanh của MSB.

Công tác giám sát tín dụng được triển khai và báo cáo thường xuyên theo quy định của NHNNVN cũng như quy định nội bộ nhằm cung cấp một cách kịp thời, chính xác về tình hình hoạt động tín dụng và đánh giá mức độ tập trung rủi ro tín dụng cũng như đưa ra các cảnh báo sớm kèm theo chế tài phù hợp đối với những phát sinh bất thường trong hoạt động tín dụng.

Các tài sản tài chính không quá hạn và không bị giảm giá

Các tài sản tài chính không quá hạn và không bị giảm giá trị của MSB bao gồm các khoản nợ nhóm 1 theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09; các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn và không phải trích lập dự phòng.

Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019 được trình bày dưới đây:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Quá hạn dưới 90 ngày Triệu VND	Quá hạn từ 91-180 ngày Triệu VND	Quá hạn từ 181-360 ngày Triệu VND	Quá hạn trên 360 ngày Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Cho vay khách hàng	228.138	68.233	45.231	529.962	871.564

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Quá hạn dưới 90 ngày Triệu VND	Quá hạn từ 91-180 ngày Triệu VND	Quá hạn từ 181-360 ngày Triệu VND	Quá hạn trên 360 ngày Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Cho vay khách hàng	151.002	16.010	16.202	465.989	649.203

Chi tiết về các tài sản bảo đảm MSB nắm giữ làm tài sản thế chấp tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Bất động sản	72.072.125	55.086.781
Động sản	10.364.653	8.539.036
Giấy tờ có giá	25.922.555	19.243.814
Các tài sản bảo đảm khác	125.726.493	91.768.978
	234.085.826	174.638.609

Giá trị của tài sản đảm bảo được định giá hàng năm hoặc tại thời điểm cho vay theo ước tính của MSB và người đi vay.

43. RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản phát sinh trong quá trình MSB huy động vốn nói chung và trong quá trình quản lý các trạng thái tiền tệ của MSB. Rủi ro thanh khoản là rủi ro do MSB không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân thị trường theo quy định nội bộ của MSB.

MSB sử dụng phương pháp đo lường rủi ro phù hợp với quy mô hoạt động và sự sẵn có của hệ thống thông tin, đảm bảo đáp ứng yêu cầu giảm thiểu rủi ro. Rủi ro thanh khoản được đo lường thông qua việc sử dụng các chỉ số liên quan tới dòng tiền, khả năng huy động vốn, khả năng thanh khoản tài sản của MSB.

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và nợ phải trả của MSB theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng tính theo thời hạn còn lại từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phải thanh toán. Trong thực tế, kỳ đáo hạn thực tế của tài sản và nợ phải trả có thể khác thời hạn hợp đồng, theo khả năng trả nợ thực tế của người vay hoặc theo nhu cầu rút tiền thực tế của người gửi tiền.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Triệu VND)

	Quá hạn		Trong hạn					Tổng cộng
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ trên 1-3 tháng	Từ trên 3-12 tháng	Từ trên 1-5 năm	Trên 5 năm	
TÀI SẢN								
Tiền mặt và vàng	-	-	2.204.642	-	-	-	-	2.204.642
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	1.850.921	-	-	-	-	1.850.921
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác – gộp	-	70.939	14.566.281	1.966.536	363.767	-	10.242	16.977.765
Chứng khoán kinh doanh – gộp	-	-	39.287	-	-	-	-	39.287
Cho vay khách hàng – gộp	1.605.547	1.051.379	8.093.491	11.599.127	22.924.507	20.966.879	13.099.649	79.340.579
Hoạt động mua nợ – gộp	3.750	-	-	-	-	-	-	3.750
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	-	2.905.070	1.564.902	4.328.650	16.276.481	30.770.311	55.845.414
Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	-	-	-	-	-	-	22.036	22.036
Tài sản cố định – thuần	-	-	-	-	-	-	308.751	308.751
Bất động sản đầu tư – thuần	-	-	-	-	-	-	1.032.510	1.032.510
Tài sản Có khác - gộp	2.060.919	151.028	801.136	2.947.714	2.597.026	5.965.908	6.676.221	21.199.952
	3.670.216	1.273.346	30.460.828	18.078.279	30.213.950	43.209.268	51.919.720	178.825.607
NỢ PHẢI TRẢ								
Nợ phải trả NHNNVN và Chính phủ	-	-	1.614	-	1.614	17.506	-	20.734
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	43.751.964	8.514.993	3.758.766	-	-	56.025.723
Tiền gửi của khách hàng	-	-	40.793.032	15.092.962	26.224.611	5.399.473	110	87.510.188
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	52.030	-	-	-	-	52.030
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	347.440	2.455.550	1.932.180	6.976.304	-	11.711.474
Các khoản nợ khác	-	-	1.668.406	994.054	813.361	1.024.803	2.033	4.502.657
	-	-	86.614.486	27.057.559	32.730.532	13.418.086	2.143	159.822.806
Mức chênh thanh khoản ròng	3.670.216	1.273.346	(56.153.658)	(8.979.280)	(2.516.582)	29.791.182	51.917.577	19.002.801

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (Triệu VND)

	Quá hạn		Trong hạn					Tổng cộng
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ trên 1-3 tháng	Từ trên 3-12 tháng	Từ trên 1-5 năm	Trên 5 năm	
TÀI SẢN								
Tiền mặt và vàng	-	-	2.495.237	-	-	-	-	2.495.237
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	4.070.948	-	-	-	-	4.070.948
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác – gộp	225.850	-	15.331.045	4.151.667	970.140	13.215	-	20.691.917
Chứng khoán kinh doanh – gộp	-	-	127.927	-	-	-	-	127.927
Cho vay khách hàng – gộp	1.300.443	1.603.228	4.345.645	10.540.205	23.482.747	12.191.662	10.130.459	63.594.389
Hoạt động mua nợ – gộp	9.150	-	-	-	-	-	-	9.150
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	-	2.797.469	376.000	3.331.220	13.820.060	25.780.699	46.105.448
Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	-	-	-	-	-	-	10.036	10.036
Tài sản cố định – thuần	-	-	-	-	-	-	330.514	330.514
Bất động sản đầu tư – thuần	-	-	-	-	-	-	1.059.826	1.059.826
Tài sản Có khác - gộp	1.233.642	2.489.065	926.907	2.014.123	2.023.357	5.043.608	7.079.372	20.810.074
	2.769.085	4.092.293	30.095.178	17.081.995	29.807.464	31.068.545	44.390.906	159.305.466
NỢ PHẢI TRẢ								
Nợ phải trả NHNNVN và Chính phủ	-	-	-	-	-	-	24.040	24.040
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	26.898.881	15.290.184	4.828.795	-	-	47.017.860
Tiền gửi của khách hàng	-	-	31.647.950	19.094.581	28.181.390	1.948.649	73	80.872.643
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	7.416	-	-	-	-	7.416
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	823.358	2.733.045	2.479.948	2.936.430	-	8.972.781
Các khoản nợ khác	-	-	1.058.108	760.339	860.960	2.494.948	45.330	5.219.685
	-	-	60.435.713	37.878.149	36.351.093	7.380.027	69.443	142.114.425
Mức chênh thanh khoản ròng	2.769.085	4.092.293	(30.340.535)	(20.796.154)	(6.543.629)	23.688.518	44.321.463	17.191.041

44. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

(a) Rủi ro lãi suất

Các hoạt động của MSB chịu rủi ro về biến động lãi suất khi các tài sản thu lãi và nợ phải trả chịu lãi đáo hạn tại những thời điểm khác nhau hoặc với những giá trị khác nhau. Một số tài sản không có kỳ hạn cụ thể hoặc rất nhạy cảm với lãi suất và không tương ứng với từng khoản nợ cụ thể.

MSB sử dụng phương pháp đo lường rủi ro lãi suất đối với toàn bộ các khoản mục tài sản Nợ- Có trên khía cạnh thu nhập từ lãi toàn hàng, đánh giá mức độ tác động của lãi suất tới thu nhập MSB dựa trên các kịch bản giả định về biến động của lãi suất.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và nợ phải trả của MSB được phân loại theo thời hạn định giá lại theo hợp đồng hoặc theo ngày đáo hạn và lãi suất thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nguồn vốn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Triệu VND)

	Quá hạn	Không hưởng lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1-3 tháng	Từ trên 3-6 tháng	Từ trên 6-12 tháng	Từ trên 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
TÀI SẢN									
Tiền mặt và vàng	-	2.204.642	-	-	-	-	-	-	2.204.642
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	1.850.921	-	-	-	-	-	1.850.921
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác – gộp	70.939	-	14.576.530	1.966.536	363.760	-	-	-	16.977.765
Chứng khoán kinh doanh – gộp	-	39.287	-	-	-	-	-	-	39.287
Cho vay khách hàng – gộp	2.656.925	-	33.740.383	22.372.604	6.297.467	7.746.956	5.917.454	608.790	79.340.579
Hoạt động mua nợ – gộp	3.750	-	-	-	-	-	-	-	3.750
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	2.904.543	220.300	3.416.000	2.101.230	3.261.000	12.928.030	31.014.311	55.845.414
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	22.036	-	-	-	-	-	-	22.036
Tài sản cố định – thuần	-	308.751	-	-	-	-	-	-	308.751
Bất động sản đầu tư	-	1.032.510	-	-	-	-	-	-	1.032.510
Tài sản có khác - gộp	2.211.945	18.428.007	-	-	-	-	560.000	-	21.199.952
	4.943.559	24.939.776	50.388.134	27.755.140	8.762.457	11.007.956	19.405.484	31.623.101	178.825.607
NỢ PHẢI TRẢ									
Nợ phải trả NHNNVN và Chính phủ	-	-	1.614	-	-	1.614	17.506	-	20.734
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	41.883.387	10.379.636	3.587.866	174.834	-	-	56.025.723
Tiền gửi của khách hàng	-	32.848	40.804.698	15.092.083	13.110.212	13.068.915	5.401.334	98	87.510.188
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	52.030	-	-	-	-	-	52.030
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	347.385	2.455.509	839.466	1.092.706	6.976.408	-	11.711.474
Các khoản nợ khác	-	4.454.017	48.640	-	-	-	-	-	4.502.657
Tổng nợ phải trả	-	4.486.865	83.137.754	27.927.228	17.537.544	14.338.069	12.395.248	98	159.822.806
Mức chênh lệch cảm với lãi suất	4.943.559	20.452.911	(32.749.620)	(172.088)	(8.775.087)	(3.330.113)	7.010.236	31.623.003	19.002.801

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (Triệu VND)

	Quá hạn	Không chịu lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1-3 tháng	Từ trên 3-6 tháng	Từ trên 6-12 tháng	Từ trên 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
TÀI SẢN									
Tiền mặt và vàng	-	2.495.237	-	-	-	-	-	-	2.495.237
Tiền gửi tại NHNNVN	-	32	4.070.916	-	-	-	-	-	4.070.948
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác – gộp	225.850	-	15.331.045	4.151.667	970.140	13.215	-	-	20.691.917
Chứng khoán kinh doanh – gộp	-	127.927	-	-	-	-	-	-	127.927
Cho vay khách hàng – gộp	2.903.671	-	32.388.462	10.250.028	10.192.387	4.505.894	2.933.267	420.680	63.594.389
Hoạt động mua nợ – gộp	9.150	-	-	-	-	-	-	-	9.150
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	2.931.374	2.309.233	2.566.000	1.589.700	2.155.000	10.883.830	23.670.311	46.105.448
Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	-	10.036	-	-	-	-	-	-	10.036
Tài sản cố định – thuần	-	330.514	-	-	-	-	-	-	330.514
Bất động sản đầu tư	-	1.059.826	-	-	-	-	-	-	1.059.826
Tài sản có khác - gộp	3.722.707	16.187.367	-	-	-	70.000	830.000	-	20.810.074
	6.861.378	23.142.313	54.099.656	16.967.695	12.752.227	6.744.109	14.647.097	24.090.991	159.305.466
NỢ PHẢI TRẢ									
Nợ phải trả NHNNVN và Chính phủ	-	-	-	-	-	-	-	24.040	24.040
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	27.102.615	15.086.451	3.365.134	1.463.660	-	-	47.017.860
Tiền gửi của khách hàng	-	32.925	31.433.663	19.094.581	13.205.808	14.975.581	2.130.012	73	80.872.643
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	7.416	-	-	-	-	-	7.416
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	823.358	2.733.045	1.110.448	2.219.500	2.086.430	-	8.972.781
Các khoản nợ khác	-	5.219.685	-	-	-	-	-	-	5.219.685
	-	5.252.610	59.367.052	36.914.077	17.681.390	18.658.741	4.216.442	24.113	142.114.425
Mức chênh lệch cảm với lãi suất	6.861.378	17.889.703	(5.267.396)	(19.946.382)	(4.929.163)	(11.914.632)	10.430.655	24.066.878	17.191.041

Bảng dưới đây phân tích mức độ ảnh hưởng tới báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của MSB với giả định lãi suất huy động và cho vay tăng. Kết quả ngược lại nếu giả định lãi suất huy động và cho vay giảm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Loại tiền	Mức tăng lãi suất 31/12/2020	Ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế cho năm kết thúc ngày 31/12/2020 Triệu VND
VND	1,00%	(12.001)
USD	0,25%	(8.076)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Loại tiền	Mức tăng lãi suất 31/12/2019	Ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế cho năm kết thúc ngày 31/12/2019 Triệu VND
VND	1,00%	(30.205)
USD	0,25%	(5.810)

(b) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là Đồng Việt Nam. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là Đồng Việt Nam. Ủy ban Quản lý rủi ro tham mưu cho Hội đồng Quản trị về việc quản trị các loại rủi ro trọng yếu của Ngân hàng theo quy định của Thông tư số 13/2018/TT-NHNN. Hội đồng Quản lý rủi ro rà soát, đánh giá tất cả các loại rủi ro trọng yếu của Ngân hàng nhằm phát hiện sớm các dấu hiệu rủi ro để đề xuất các biện pháp quản lý rủi ro kịp thời, hiệu quả cho Ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Triệu VND)

	USD	EUR	Tiền tệ khác và vàng	Tổng cộng
TÀI SẢN				
Tiền mặt và vàng	125.655	328.942	538.452	993.049
Tiền gửi tại NHNNVN	319.068	-	-	319.068
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác – gộp	6.366.808	38.371	116.390	6.521.569
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	487.588	-	-	487.588
Cho vay khách hàng – gộp	4.379.138	-	-	4.379.138
Tài sản Có khác – gộp	1.792.215	31.167	5.808	1.829.190
	13.470.472	398.480	660.650	14.529.602
NỢ PHẢI TRẢ				
Nợ phải trả NHNNVN và Chính phủ	20.734	-	-	20.734
Tiền gửi và vay các TCTD khác	8.921.391	52.535	9.384	8.983.310
Tiền gửi của khách hàng	6.067.016	105.136	75.906	6.248.058
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	242.063	525.459	767.522
Các khoản nợ khác	250.542	1.775	17.131	269.448
	15.259.683	401.509	627.880	16.289.072
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(1.789.211)	(3.029)	32.770	(1.759.470)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (Triệu VND)

	USD	EUR	Tiền tệ khác và vàng	Tổng cộng
TÀI SẢN				
Tiền mặt và vàng	453.695	195.434	552.809	1.201.938
Tiền gửi tại NHNNVN	1.206.094	-	-	1.206.094
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác – gộp	5.934.988	130.754	151.390	6.217.132
Cho vay khách hàng – gộp	3.899.148	-	-	3.899.148
Tài sản Có khác – gộp	2.247.923	59.423	7.022	2.314.368
	13.741.848	385.611	711.221	14.838.680
NỢ PHẢI TRẢ				
Nợ phải trả NHNNVN và Chính phủ	24.040	-	-	24.040
Tiền gửi và vay các TCTD khác	8.334.521	80.160	22.159	8.436.840
Tiền gửi của khách hàng	4.711.797	71.424	81.609	4.864.830
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	627.461	278.973	627.063	1.533.497
Các khoản nợ khác	1.253.732	21.595	18.528	1.293.855
	14.951.551	452.152	749.359	16.153.062
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(1.209.703)	(66.541)	(38.138)	(1.314.382)

Với giả định các biến số, đặc biệt là lãi suất, không thay đổi, bảng dưới đây phân tích mức độ ảnh hưởng tới lợi nhuận sau thuế của MSB trong trường hợp:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Loại tiền tệ	VND tăng giá 1% so với USD và EUR Triệu VND	VND giảm giá 1% so với USD và EUR Triệu VND
USD	14.314	(14.314)
EUR	24	(24)
	14.338	(14.338)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Loại tiền tệ	VND tăng giá 1% so với USD và EUR Triệu VND	VND giảm giá 1% so với USD và EUR Triệu VND
USD	9.678	(9.678)
EUR	532	(532)
	10.210	(10.210)

45. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Thuyết minh về giá trị hợp lý

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 yêu cầu thuyết minh về phương pháp xác định giá trị hợp lý và các thông tin về giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính để có thể so sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ. Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của MSB trong các trường hợp có thể xác định được:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Giá trị ghi sổ						Giá trị hợp lý
	Giá trị hợp lý thông qua BCKQHĐKD	Giữ đến ngày đáo hạn	Cho vay và phải thu	Sẵn sàng để bán	Hạch toán theo giá trị phân bổ	Tổng cộng giá trị ghi sổ	
	Triều VND	Triều VND	Triều VND	Triều VND	Triều VND	Triều VND	Triều VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH							
Tiền mặt và vàng	2.204.642	-	-	-	-	2.204.642	2.204.642
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	1.850.921	-	-	1.850.921	1.850.921
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác – gộp	-	-	16.977.765	-	-	16.977.765	(*)
Chứng khoán kinh doanh – gộp	39.287	-	-	-	-	39.287	(*)
Cho vay khách hàng – gộp	-	-	79.340.579	-	-	79.340.579	(*)
Hoạt động mua nợ- gộp	-	-	3.750	-	-	3.750	(*)
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	-	-	55.845.414	-	55.845.414	(*)
Đầu tư dài hạn khác- gộp	-	-	-	22.036	-	22.036	(*)
Tài sản tài chính khác- gộp	-	-	20.785.675	-	-	20.785.675	(*)
	2.243.929	-	118.958.690	55.867.450	-	177.070.069	
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH							
Nợ phải trả NHNNVN và Chính phủ	-	-	-	-	20.734	20.734	(*)
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	56.025.723	56.025.723	(*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	87.510.188	87.510.188	(*)
Các công cụ tài chính phái sinh	52.030	-	-	-	-	52.030	(*)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	11.711.474	11.711.474	(*)
Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	-	-	-	3.240.082	3.240.082	(*)
	52.030	-	-	-	158.508.201	158.560.231	

(*) MSB chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Giá trị ghi sổ						Giá trị hợp lý
	Giá trị hợp lý thông qua BCKQHĐKD	Giữ đến ngày đáo hạn	Cho vay và phải thu	Sẵn sàng để bán	Hạch toán theo giá trị phân bổ	Tổng cộng giá trị ghi sổ	
	Triều VND	Triều VND	Triều VND	Triều VND	Triều VND	Triều VND	Triều VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH							
Tiền mặt và vàng	2.495.237	-	-	-	-	2.495.237	2.495.237
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	4.070.948	-	-	4.070.948	4.070.948
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác – gộp	-	-	20.691.917	-	-	20.691.917	(*)
Chứng khoán kinh doanh – gộp	127.927	-	-	-	-	127.927	(*)
Cho vay khách hàng – gộp	-	-	63.594.389	-	-	63.594.389	(*)
Hoạt động mua nợ- gộp	-	-	9.150	-	-	9.150	(*)
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	1.533.388	-	44.572.060	-	46.105.448	(*)
Đầu tư dài hạn khác- gộp	-	-	-	10.036	-	10.036	(*)
Tài sản tài chính khác- gộp	-	-	20.333.839	-	-	20.333.839	(*)
	2.623.164	1.533.388	108.700.243	44.582.096	-	157.438.891	
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH							
Nợ phải trả NHNNVN và Chính phủ	-	-	-	-	24.040	24.040	(*)
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	47.017.860	47.017.860	(*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	80.872.643	80.872.643	(*)
Các công cụ tài chính phái sinh	7.416	-	-	-	-	7.416	(*)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	8.972.781	8.972.781	(*)
Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	-	-	-	5.015.550	5.015.550	(*)
	7.416	-	-	-	141.902.874	141.910.290	

(*) MSB chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

46. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của MSB cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được trình bày như sau:

	Tài chính- Ngân hàng Triệu VND	Quản lý và khai thác tài sản Triệu VND	Loại trừ giao dịch/số dư nội bộ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
I. Doanh thu	27.004.701	150.258	(11.484.624)	15.670.335
1. Doanh thu lãi	21.429.316	1.508	(11.411.132)	10.019.692
- Doanh thu lãi từ khách hàng bên ngoài	10.024.921	1.508	(6.737)	10.019.692
- Doanh thu từ lãi nội bộ	11.404.395	-	(11.404.395)	-
2. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ	1.139.471	-	(182)	1.139.289
3. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	4.435.914	148.750	(73.310)	4.511.354
II. Chi phí	(23.422.754)	(125.432)	11.474.409	(12.073.777)
1. Chi phí lãi	(16.601.420)	(7.015)	11.411.132	(5.197.303)
- Chi phí lãi khách hàng bên ngoài	(5.197.025)	(7.015)	6.737	(5.197.303)
- Chi phí lãi nội bộ	(11.404.395)	-	11.404.395	-
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	(95.263)	(34)	(1)	(95.298)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(6.726.071)	(118.383)	63.278	(6.781.176)
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	3.581.947	24.826	(10.215)	3.596.558
Chi phí dự phòng rủi ro	(1.069.951)	(3.293)	-	(1.073.244)
Kết quả kinh doanh bộ phận	2.511.996	21.533	(10.215)	2.523.314
III. Tài sản	177.452.440	1.156.356	(1.911.171)	176.697.625
1. Tiền mặt	2.204.642	-	-	2.204.642
2. Tài sản cố định	308.944	-	(193)	308.751
3. Tài sản khác	174.938.854	1.156.356	(1.910.978)	174.184.232
IV. Nợ phải trả	160.011.719	970.067	(1.158.980)	159.822.806
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	1.759.377	556.727	(552.083)	1.764.021
2. Nợ phải trả khách hàng nội bộ	1.124.440	83	(5)	1.124.518
3. Nợ phải trả khác	157.127.902	413.257	(606.892)	156.934.267

Thông tin báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh của MSB cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được trình bày như sau:

	Tài chính- Ngân hàng Triệu VND	Quản lý và khai thác tài sản Triệu VND	Loại trừ giao dịch/số dư nội bộ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
I. Doanh thu	22.713.935	149.863	(10.397.061)	12.466.737
1. Doanh thu lãi	18.917.023	819	(10.323.037)	8.594.805
- Doanh thu lãi từ khách hàng bên ngoài	8.606.452	819	(12.466)	8.594.805
- Doanh thu từ lãi nội bộ	10.310.571	-	(10.310.571)	-
2. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ	801.583	-	(77)	801.506
3. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	2.995.329	149.044	(73.947)	3.070.426
II. Chi phí	(20.506.131)	(134.715)	10.387.079	(10.253.767)
1. Chi phí lãi	(15.848.742)	(6.996)	10.323.037	(5.532.701)
- Chi phí lãi khách hàng bên ngoài	(5.538.171)	(6.996)	12.466	(5.532.701)
- Chi phí lãi nội bộ	(10.310.571)	-	10.310.571	-
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	(93.895)	(185)	-	(94.080)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(4.563.494)	(127.534)	64.042	(4.626.986)
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	2.207.804	15.148	(9.982)	2.212.970
Chi phí dự phòng rủi ro	(925.148)	-	-	(925.148)
Kết quả kinh doanh bộ phận	1.282.656	15.148	(9.982)	1.287.822
III. Tài sản	157.705.018	1.219.381	(1.946.453)	156.977.946
1. Tiền mặt	2.495.225	12	-	2.495.237
2. Tài sản cố định	330.480	34	-	330.514
3. Tài sản khác	154.879.313	1.219.335	(1.946.453)	154.152.195
IV. Nợ phải trả	142.267.847	1.051.009	(1.204.431)	142.114.425
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	2.319.104	328.665	(319.290)	2.328.479
2. Nợ phải trả khách hàng nội bộ	649.036	80	-	649.116
3. Nợ phải trả khác	139.299.707	722.264	(885.141)	139.136.830

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý:

	Miền Bắc Triệu VND	Miền Trung Triệu VND	Miền Nam Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020				
I. Tài sản	140.428.325	6.700.815	29.568.485	176.697.625
II. Nợ phải trả	124.612.775	6.522.651	28.687.380	159.822.806
III. Tài sản cố định	251.686	20.872	36.193	308.751
Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020				
I. Doanh thu	12.182.664	616.878	2.870.793	15.670.335
II. Chi phí	(10.864.312)	(444.613)	(1.838.096)	(13.147.021)
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	1.318.352	172.265	1.032.697	2.523.314
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019				
I. Tài sản	128.110.259	4.773.405	24.094.282	156.977.946
II. Nợ phải trả	114.271.381	4.667.705	23.175.339	142.114.425
III. Tài sản cố định	266.593	22.892	41.029	330.514
Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019				
I. Doanh thu	9.683.860	392.255	2.390.622	12.466.737
II. Chi phí	9.074.434	405.414	1.699.067	11.178.915
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	609.426	(13.159)	691.555	1.287.822

47 CÁC KHOẢN MỤC BẤT THƯỜNG

Đại dịch Covid-19 được xác nhận lần đầu tiên tại Việt Nam tại ngày 23 tháng 1 năm 2020. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp ngăn chặn, trong đó có việc thực hiện cách ly xã hội trong 15 ngày kể từ 00 giờ ngày 1 tháng 4 năm 2020. Từ ngày 23 tháng 4 năm 2020, Việt Nam cơ bản đã dừng cách ly xã hội và các hoạt động kinh tế, xã hội trong nước đã dần quay lại trạng thái bình thường. Tuy nhiên, số ca lây nhiễm trên toàn thế giới vẫn tiếp tục gia tăng trong năm 2020. Ngày 28 tháng 1 năm 2021, dịch Covid-19 đã bùng phát trở lại tại Quảng Ninh và Hải Dương, và có lan sang một số tỉnh thành khác. Đại dịch Covid-19 ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau. Mức độ ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của MSB phụ thuộc vào diễn biến của dịch bệnh trong tương lai bao gồm thời gian và mức độ lây lan của dịch bệnh và các thông tin không thể dự đoán chắc chắn được tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Ngân hàng đã thực hiện cơ cấu lại thời gian trả nợ và miễn, giảm lãi, phí giữ nguyên nhóm nợ cho các khách hàng chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 theo hướng dẫn của Thông tư 01.

48 CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất của MSB cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020..

49. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ VÀO THỜI ĐIỂM LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được MSB áp dụng:

	Tỷ giá ngày	
	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
USD	23.095,00	23.170,00
EUR	28.478,00	25.963,00
GBP	31.542,00	30.396,00
CHF	26.258,00	23.924,00
JPY	224,00	212,97
SGD	17.382,00	17.189,00
CAD	18.165,00	17.778,00
AUD	17.261,00	16.231,00

50. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được Ban Điều hành Ngân hàng phê duyệt vào ngày 28 tháng 2 năm 2021.

Người lập



Nguyễn Bảo Ngọc
Giám đốc Kế toán tổng hợp

Ngày 28 tháng 2 năm 2021

Người duyệt



Phùng Thùy Nhung
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Linh
Tổng Giám đốc

PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI

51



TỈNH THÀNH

263



CHI NHÁNH/
PHÒNG GIAO DỊCH

341



ATM
TOÀN HÀNG



- | | | | |
|----|-----------------|----|-----------------|
| 1 | An Giang | 27 | Kiên Giang |
| 2 | Bà Rịa Vũng Tàu | 28 | Kontum |
| 3 | Bạc Liêu | 29 | Lạng Sơn |
| 4 | Bắc Giang | 30 | Lào Cai |
| 5 | Bắc Ninh | 31 | Lâm Đồng |
| 6 | Bến Tre | 32 | Long An |
| 7 | Bình Dương | 33 | Nam Định |
| 8 | Bình Định | 34 | Ninh Bình |
| 9 | Bình Phước | 35 | Ninh Thuận |
| 10 | Bình Thuận | 36 | Nghệ An |
| 11 | Cà Mau | 37 | Phú Thọ |
| 12 | Cần Thơ | 38 | Phú Yên |
| 13 | Đà Nẵng | 39 | Quảng Bình |
| 14 | Đắk Lắk | 40 | Quảng Nam |
| 15 | Đồng Nai | 41 | Quảng Ngãi |
| 16 | Đồng Tháp | 42 | Quảng Ninh |
| 17 | Gia Lai | 43 | Tây Ninh |
| 18 | Hà Nam | 44 | Thái Bình |
| 19 | Hà Nội | 45 | Thái Nguyên |
| 20 | Hà Tĩnh | 46 | Thanh Hóa |
| 21 | Hải Dương | 47 | Tiền Giang |
| 22 | Hải Phòng | 48 | TP. Hồ Chí Minh |
| 23 | Hậu Giang | 49 | Trà Vinh |
| 24 | Huế | 50 | Vĩnh Long |
| 25 | Hưng Yên | 51 | Vĩnh Phúc |
| 26 | Khánh Hòa | | |



Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam

54A Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, Hà Nội

Tel: (024) 3771 8989 • Fax: (024) 3771 8899

Hotline: 1800 59 9999

www.msb.com.vn